Lịch Sử Giáo Dục Phật Giáo Ở Sri Lanka: Sự Phục Hồi Của Ni Đoàn Tỳ-Kheo-Ni

Thích Nữ Giới Hương

Tủ Sách Bảo Anh Lạc 108

LỊCH SỬ GIÁO DỤC PHẬT GIÁO Ở SRI LANKA:
SỰ PHỤC HỒI CỦA NI ĐOÀN TỲ-KHEO-NI

Thích Nữ Giới Hương

Nhà xuất bản Hồng Đức

Huong Sen Buddhist Temple

19865 Seaton Avenue, Perris, CA 92570, USA

Tel: (951) 657-7272, Cell: (951) 616-8620

Email: huongsentemple@gmail.com,

thichnugioihuong@yahoo.com

https://www.facebook.com/Huong.Sen.Riverside/

Web: www.huongsentemple.com

Copyright 2025 by Huong Sen Buddhist Temple in the United States.

Mục Lục

Giới Thiệu - Hòa thượng T.S. Siri Sumedha Thero 12
Lời Đầu - Ni sư T.N. Giới Hương 16

Chương 1:
Giới Thiệu Về Phật Giáo Sri Lanka 31
1.1 Phật Giáo, Xã Hội và Văn Hóa Ở Sri Lanka 31
1.2. Tổng Quan Về Chương - Mục Tiêu 33

Chương 2:
Tổng Quan Lịch Sử Giáo Dục Tu Viện Ở Sri Lanka 40
2.1. Giai Đoạn Đầu Của Giáo Dục Phật Giáo Sri Lanka 40
2.2. Phát Triển Giáo Dục Qua Thời Kỳ Cổ Đại, Trung Cổ và Thực Dân 41
2.3. Vai Trò Của Những Nhân Vật và Sự Kiện Lịch Sử Quan Trọng 44

Chương 3:
Các Trường Đại Học và Học Viện Đào Tạo Hàng Đầu 47
3.1. Trường Đại Học Phật Giáo và Pali - Homagama 47

3.2. Trường Đại Học Tỳ-Kheo Sri Lanka, Anuradhapura 48
3.3. Nagananda International Institute For Buddhist Studies 51
3.4. Học Viện Phật Giáo Quốc Tế Sri Lanka (Cơ Sở Siba) 55
3.5. Viện Hậu-Đại Học Của Ngành Pali và Phật Học 58
3.6. Thông Tin Liên Hệ Chi Tiết Cho Tất Cả Các Viện Hậu-Đại Học Của Các Trường Phật Học Sri Lankan 61

Chương 4:
Các Tu Viện và Trung Tâm Thiền Ở Sri Lanka 63
4.1. Na Uyana Aranya 64
4.2. Nissarana Vanaya 67
4.3. Trung Tâm Thiền Kanduboda Siyane Vipassana 70
4.4. Tu Viện Kudumbigala: Nơi ẩn náu của sự thanh thản và thực hành tâm linh 74
4.5. Labunoruwa Aranya Senasanaya: Nơi ẩn náu cho sự chiêm nghiệm tâm linh 78

Chương 5:
Sự Phục Hồi Của Giáo Đoàn Tỳ Kheo Ni và Các Ni Viện 82
5.1. Tổng Quan Lịch Sử 82

5.2. Chương Trình Giáo Dục Tại Các Trung Tâm Tỳ Kheo Ni Nổi Tiếng Ở Sri Lanka 87
5.3. Các Tỳ Kheo Ni Piriven (Siia Mata) Nổi Bật Ở Sri Lanka 88
5.4. Các Chùa Của Dasa Sila Matha 93
5.5. Trung Tâm Đào Tạo Tỳ Kheo Ni 96
5.6. Hãy Bảo Tồn Đạo Phật Cho Hậu Thế... 130
5.7. Chào Mừng Đến Với Cộng Đồng Ni Giới Tỳ Kheo Ni 133

Chương 6:

Những Đóng Góp Của Giáo Đoàn Tỳ Kheo Ni Cho Xã Hội và Cộng Đồng Phật Giáo 136

6.1. Ni Trưởng Tiến Sĩ Bhikkhuni Kusuma 137
6.2. Ni Trưởng Tiến Sĩ Bhikkhuni Dhammananda 141
6.3. Ni Sư Tiến Sĩ Madulle Vijithananda 142
6.4. Ni Sư Hapandeniya Supeshala Maha Theri 145
6.5. Ni Sư Bhikkhuni Peliyagoda Sudarshana 146

Chương 7:

Kết Luận 150

7.1. Phát triển ban đầu (Thế kỷ III Trước Công nguyên) 150
7.2. Thời kỳ hoàng kim và sự phát triển của thể chế (Thế kỷ III trước Công nguyên - Thế kỷ thứ XI) 151

7.3. Sự suy tàn của Ni đoàn Tỳ-kheo-ni (Thế kỷ XI) 152
7.4. Sự hồi sinh và những thách thức (Thế kỷ XII - Thế kỷ XIX) 152
7.5. Sự hồi sinh hiện đại của Ni đoàn Tỳ-kheo-ni (Thế kỷ XX - Hiện tại) 153
7.6. Phát triển đương đại (Thế kỷ XXI - 19 tháng 3 năm 2025) 154

Phụ Lục **158**
1. Sự Khởi Đầu của Một Cộng Đồng Ni Giới 158
2. Ảnh Hưởng của Phật Giáo Cho Nền Văn Hóa Sri Lanka 176
3. Sự Phục Hồi của Cộng Đồng Tỳ Kheo Ni Ở Sri Lanka 187
4. Báo Cáo Đặc Biệt: Tòa Án Tối Cao Ra Phán Quyết Quan Trọng, Khẳng Định Quyền Bình Đẳng Cho Các Tỳ Kheo Ni Phật Giáo Ở Sri Lanka 194

Sách Tham Khảo 202
Tủ Sách Bảo Anh Lạc 209

Giới Thiệu

Hòa thượng Tiến Sĩ Siri Sumedha Thero

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa

Tôi rất hân hạnh được viết những lời giới thiệu cho tập sách với tựa đề "**Lịch Sử Giáo Dục Phật Giáo ở Sri Lanka: Sự Phục Hồi của Ni Đoàn Tỳ Kheo Ni"** (*History of Buddhist Education in Sri Lanka: Revival of the Bhikkhuni Sangha)*.

Tác phẩm này là một đóng góp quan trọng cho lĩnh vực nghiên cứu Phật học, và tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của mình đến Ni sư Tiến Sĩ T.N. Giới Hương, Trụ trì chùa Hương Sen, California, Hoa Kỳ, đã soạn thảo, giới thiệu di sản Phật giáo, đặc biệt Ni đoàn và Tăng đoàn tại Sri Lanka. Sự cống hiến của Ni sư không chỉ được thể hiện trong ấn phẩm Phật giáo Sri Lanka này mà còn trong hơn 100 tác phẩm khác trong Tủ sách Bảo Anh Lạc của chùa Hương Sen.

Ni sư T.N. Giới Hương đã thường xuyên đến thăm Sri Lanka, Ấn Độ và các quốc gia Phật giáo khác, thể hiện lòng nhiệt thành của mình đối với truyền thống Phật giáo Nguyên thủy và các nền văn hóa đa dạng dựa trên giáo lý Phật giáo. Ni sư đã có những đóng góp đáng kể bằng cách

đứng ra bảo trợ, tổ chức các hội nghị Phật giáo học thuật vào năm 2023 tại các học viện uy tín như Đại học Sharda, Uttar Pradesh và Siddharth United Social Welfare Mission, Chinar Park, Kolkata (Ấn Độ), Peradeniya (Kandy) và Colombo (Sri Lanka). Thông qua những nỗ lực này, Ni sư đã có những cống hiến không nhỏ trong việc giới thiệu Phật giáo Sri Lanka và Ấn Độ tại địa phương và quốc tế.

Sri Lanka, thường được gọi là "Hòn ngọc Ấn Độ Dương", tự hào có lịch sử lâu đời và phong phú về giáo dục Phật giáo có xuất xứ từ thế kỷ III trước Công nguyên. Cuốn sách nhỏ này trình bày chi tiết về sự phát triển của giáo dục Phật giáo tại Sri Lanka, bắt đầu từ các tu viện đầu tiên được gọi là 'Pirivena' và kéo dài qua các thời kỳ cổ đại, trung cổ và thuộc địa. Giáo dục Phật giáo đã đóng vai trò quan trọng trong việc định hình bản sắc văn hóa và tinh thần của quốc gia, đảm bảo việc truyền bá kiến thức và các giá trị đạo đức qua nhiều thế hệ.

Tập sách này cũng giới thiệu các trường đại học và học viện nghiên cứu Phật giáo nổi tiếng nhất tại Sri Lanka, chẳng hạn như Đại học Phật giáo và Pali tại Homagama và Đại học Sri Lanka Bhikshu tại cố đô Anuradhapura. Các cơ sở giáo dục này là những tổ chức dẫn đầu trong trao học bổng và bồi dưỡng thành công nhiều thế hệ Tăng Ni và cư sĩ tài năng, xuất sắc cả về mặt tu tập và học thuật. Sách cũng giới thiệu các trung tâm thiền ẩn sâu yên tịnh trong rừng, và các Ni viện giáo dục Bhikkhuni nhấn mạnh đến sức sống và sự liên quan liên tục phát triển của Tăng đoàn và Ni đoàn Sri Lanka.

Về lịch sử phục hưng Ni đoàn Tỳ-kheo-ni tại Sri Lanka có nhiều điểm đáng chú ý sẽ được tuần tự trình bày trong sách. Việc thành lập các trung tâm giáo dục Tỳ-kheo-ni

và những đóng góp đáng kể của Ni giới cho cả cộng đồng Phật giáo trong nước và quốc tế đã chứng minh khả năng phục hồi và thích ứng của nền giáo dục Phật giáo tại Sri Lanka. Nhiều câu chuyện dấn thân hành đạo của các Tỳ-kheo-ni tiên phong, chẳng hạn như Ni trưởng Bhikkhuni Kusuma, Ni sư Bhikkhuni Peliyagoda Sudarshana… đã minh họa một cách mạnh mẽ tinh thần bền bỉ của Ni giới và khả năng truyền cảm hứng và trao quyền của Phật giáo.

Tôi tin rằng cuốn sách nhỏ này sẽ là nguồn tài liệu vô cùng giá trị cho bất kỳ ai quan tâm đến lịch sử và tình hình hiện tại của nền giáo dục Phật giáo tại Sri Lanka. Sách không chỉ cung cấp nhiều thông tin mà còn chia sẻ những hiểu biết sâu sắc về tác động lâu dài của giáo lý Phật giáo đối với đời sống văn hóa và tinh thần của quốc đảo Ceylon này. Tôi chân thành giới thiệu tác phẩm này đến Chư tôn thiền đức Tăng Ni, các học giả, hành giả và tất cả những ai muốn tìm hiểu sâu hơn về Phật giáo tại Sri Lanka.

Mong rằng ấn phẩm này sẽ truyền cảm hứng cho nhiều người khám phá và trân trọng di sản sâu sắc của nền giáo dục Phật giáo tại Sri Lanka, mong rằng sách sẽ góp phần vào sự phát triển liên tục của Dhamma trên phạm vi quốc gia, quốc tế trong mọi trường phái Phật giáo.

Sarnath, Ấn Độ, ngày 21 tháng 5, 2025

Hòa thượng Tiến Sĩ Siri Sumedha Thero

Chủ tịch Hội Indo-Sri Lanka

International Buddhist Association

Trụ trì chùa Jambudvīpa-Sri Lanka

Buddhist Temple Sarnath-Varanasi, India

Foreword

Ven. Dr. K. Siri Sumedha Thero

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa

It is with profound gratitude that I write these few words for this booklet titled ***"History of Buddhist Education in Sri Lanka: Revival of the Bhikkhuni Sangha."*** This work is a significant contribution to the field of Buddhist studies, and I would like to express my deep appreciation to Venerable Dr. Bhikṣuṇī T.N. Giới Hương, president, Huong Sen Buddhist Temple, California, USA, for her unwavering commitment to preserving and promoting the rich heritage of Buddhism in Sri Lanka. Her dedication is reflected not only in this publication but also in her numerous other works in Bao Anh Lac Bookshelf (Huong Sen Buddhist Temple) and her active participation in the academic and spiritual life of Sri Lankan Buddhism.

Dr. Bhikkhuni T.N. Giới Hương has frequently visited Sri Lanka, India, and other Buddhist countries, demonstrating her enthusiasm for the Theravāda Buddhist tradition and the culture which based Buddhist teachings.

She has made significant contributions by organizing academic Buddhist conferences in 2023 at prestigious institutions such as the Universities of Sharda, Uttar Pradesh and Siddharth United Social Welfare Mission, Chinar Park, Kolkata (India), Peradeniya (Kandy) and Colombo (Sri Lanka). Through these efforts, she has successfully dedicated for the propagation of Sri Lankan and Indian Buddhism, both locally and internationally.

Sri Lanka, often referred to as the "Pearl of the Indian Ocean," boasts a long and rich history of Buddhist education that dates back to the 3rd century BCE. This booklet thoroughly details the development of Buddhist education in Sri Lanka, beginning with the early monastic schools known as 'Pirivena' and extending through the ancient, medieval, and colonial eras. Buddhist education has played a crucial role in shaping the cultural and spiritual identity of the nation, ensuring the transmission of knowledge and ethical values across generations.

This booklet delves deeply into the most prominent Buddhist studies universities and institutes in Sri Lanka, such as the Buddhist and Pali University in Homagama and the Sri Lanka Bhikshu University in Anuradhapura. These institutions have been leaders in Buddhist scholarship, fostering generations of monks, nuns, and laypeople in their pursuit of spiritual and academic excellence. The booklet's comprehensive descriptions of forest monasteries, meditation centers, and Bhikkhuni education centers emphasize the ongoing vitality and relevance of Sri Lankan Sangha (Monks and Nuns).

Regarding the history of the revival of the Bhikkhuni Sangha in Sri Lanka, as mention in this booklet, is

particularly noteworthy. The establishment of Bhikkhuni education centers and their substantial contributions to both local and international Buddhist communities demonstrate the resilience and adaptability of Buddhist education in Sri Lanka. The stories of pioneering Bhikkhunis, such as Venerable Bhikkhuni Kusuma and Venerable Bhikkhuni Peliyagoda Sudarshana…, powerfully illustrate the enduring spirit of Buddhist Nus and its ability to inspire and empower.

I believe this booklet will be a highly valuable resource for anyone interested in the history and current state of Buddhist education in Sri Lanka. It not only provides a wealth of information but also offers insights into the lasting impact of Buddhist teachings on the cultural and spiritual life of the Ceylon Island nation. I wholeheartedly recommend this work to scholars, practitioners, and all those who seek to deepen their understanding of Buddhism in Sri Lanka.

May this publication inspire many to explore and appreciate the profound heritage of Buddhist education in Sri Lanka, and may it contribute to the continued flourishing of the Dhamma on nationally, internationally in every school of Buddhism.

Sarnath, India, May 21, 2025

Ven. Dr. Kalawatte Siri Sumedha Thero

President,

Indo-Sri Lanka International Buddhist Association

High-Priest of Jambudvīpa-Sri Lanka

Buddhist Temple Sarnath-Varanasi, India

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, Hòa thượng Siri Sumedha (giữa) hướng dẫn phái đoàn chư Ni Hương Sen hành hương đến chùa Alorka, Aluviharaya, Matale, nơi thờ bộ Tam tạng kinh điển bằng tiếng Pali được viết trên lá cọ vào năm 29 sau Công nguyên.

Lời Đầu

Ni sư Tiến Sĩ T.N. Giới Hương

Phật giáo được du nhập sang Sri Lanka (Tích Lan) vào khoảng năm 249 trước Công nguyên nhờ giao thương giữa hai nước láng giềng và sự truyền bá Phật giáo của quốc vương A-dục (Ashoka), Ấn Độ.

Ngày nay với bề dày của 2274 năm lịch sử Phật giáo (2025 năm + 249 năm trước Tây lịch), Sri Lanka đã trở thành một đất nước Phật giáo với truyền thống Nguyên thủy, có nhiều di sản Phật giáo cổ đại được Unesco công nhận là di sản thế giới (World Heritage Sites),[1] và đặc biệt vào thế kỷ 21 này, có rất nhiều trường đại học Phật giáo, trường thiền, học viện đào tạo Tăng Ni và cư sĩ tài năng đức hạnh, đã thu hút nhiều người, từ các nơi trên thế giới về tu học.

Sri Lanka là một nước Phật giáo với 70% dân số là Phật tử, có khoảng 15.000 vị sư sống trong khoảng 6.000

1. Mời xem: Phật Giáo và Thánh Tích Sri Lanka - Thích Nữ Giới Hương, NXB Tôn Giáo. 2024.
https://huongsentemple.com/index.php/vn/kinh-sach/tu-sach-bao-anh-lac/8707-sri-lanka

tu viện trên khắp hòn đảo.[2] Quý sư (chư Tăng, chư Ni) đóng vai trò như những người thầy tâm linh rất thân cận với quần chúng Phật tử. Các Ngài dùng Phật pháp, Giới luật và Pháp thiền định để hướng dẫn Phật tử sống đức hạnh, lành lạnh và mạnh mẽ vượt qua những thử thách khó khăn trong cuộc sống, không bị sa ngã, mất đạo đức.

Trong cuộc sống hàng ngày, các nhà sư Tỳ-kheo (bhikkhus) sống theo nếp sống thiền môn, kỷ luật tu tập giới-định-tuệ, tụng kinh và hướng dẫn cộng đồng, thì quý Sư ni (bhikkhunis) và các tu nữ (Dasa Sil Matas) cũng vậy, cũng tập thiền, giữ giới, làm giảng sư dạy kinh-luật, làm nhà cố vấn. Nhìn chung, cả hai bộ Tăng già đều nỗ lực duy trì di sản Phật giáo phong phú của Sri Lanka, mặc dù chư Tăng được phát triển mạnh mẽ hơn tu Nữ.

Theo lịch sử, Tỳ-kheo-ni (bhikkhuni) thật ra đã phát triển mạnh mẽ ở Sri Lanka từ thế kỷ thứ III trước Công nguyên cho đến khi suy tàn vào khoảng thế kỷ thứ XI, bị gián đoạn bởi chiến tranh và biến động. Trong nhiều thế kỷ sau đó, các Nữ tu chấp nhận đắp y xuất gia và chỉ giữ Mười giới Dasa Sil Matas, chứ không thọ Tỳ-kheo-ni cụ túc giới giữ 358 giới như Chư Ni Bắc Tông ở Đài Loan, Việt Nam, Nhật Bản, Trung Quốc, v.v...

Kể từ năm 1996, hiện tượng thọ Tỳ-kheo-ni (bhikkhuni) đã được hồi sinh và thúc đẩy bởi các lễ truyền giới ở Sarnath, Ấn Độ, với sự hỗ trợ của các Ni trưởng Đại thừa Đông Á và sau đó được một số nhà sư Sri Lanka cũng ủng hộ. Ngày nay, có hơn 200 bhikkhunis đã thọ giới cụ túc và nhiều Sa Di Ni (Sāmaṇerī) đã đóng góp vào sự đổi mới này. Các tổ chức nữ quyền như Hiệp hội Phụ nữ Phật giáo

2. H.R. Perera Buddhism in Sri Lanka. A Short History.
https://www.accesstoinsight.org/lib/authors/perera/wheel100.html

Quốc tế Sakyadhita[3] đã đóng một vai trò quan trọng trong việc ủng hộ việc đưa phụ nữ vào Tăng đoàn. Cho nên, sự hồi phục giới Tỳ-kheo-ni ở Sri Lanka hơi phức tạp, nhiều thử thách, được đi theo hướng hiện đại hóa và hòa với truyền thống Phật giáo cổ xưa.

Hầu như tất cả các nhà Sư và Nữ tu đều được đào tạo và giáo dục bình đẳng tại các tu viện, trung tâm giáo dục, học viện và trường đại học. Sri Lanka có nhiều học viện dành riêng cho nghiên cứu Phật giáo, bắt nguồn từ truyền thống Theravada nổi tiếng. Các trung tâm này phục vụ cho cả tu sĩ và cư sĩ, với nhiều môn như triết học Phật giáo, ngôn ngữ cổ đại Pali, Phạn và các lĩnh vực liên quan, tương tác với các môn học thế tục, để đáp ứng nhu cầu đương đại.

Vai trò trung tâm trong sự phát triển của Phật giáo Sri Lanka là sự chuyển đổi của giáo dục tu viện. Các học viện tại các chùa rèn luyện Tăng Ni sinh thể hiện sự kết hợp liền mạch giữa trí tuệ vượt thời gian và học thuật đương đại, trang bị cho Tăng đoàn đủ năng lực để đối mặt với các vấn đề hiện đại trong khi vẫn đúng pháp với chân lý của Đức Phật Thích Ca. Ni đoàn Bhikkhuni hiện đại cũng có nhiều cơ hội dấn thân vào xã hội, phục vụ cộng đồng và tiếp cận xã hội. Thông qua các chương trình và nỗ lực giáo dục đa dạng, các Bhikkhuni thể hiện sự hiện thân thiết thực của giáo lý Phật giáo, thúc đẩy mối quan hệ chặt chẽ hơn giữa cộng đồng Tu sĩ và Cư sĩ.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức về bình đẳng giới tính trong Tăng đoàn và gánh vác Phật sự mạng mạch Phật

3. Hiệp hội Phụ nữ Phật giáo Quốc tế Sakyadhita.
Sakyadhita International Association of Buddhist Women.
https://sakyadhita.org/

pháp. Giải quyết những vấn đề này đòi hỏi các giải pháp sáng tạo dựa trên các nguyên lý cốt lõi của Phật giáo. Nhìn về phía trước, Ni đoàn Bhikkhuni ở Sri Lanka phải dấn thân hòa mình vào một cộng đồng Phật giáo toàn cầu ngày càng kết nối chặt chẽ. Bằng cách áp dụng các công nghệ mới và mở rộng tầm nhìn giáo dục, Tăng Ni Sri Lanka càng tăng sự kết nối, ảnh hưởng, và chuyển mình phát triển.

Cuốn sách **"Lịch Sử Giáo Dục Phật Giáo ở Sri Lanka: Sự Phục Hồi của Ni Đoàn Tỳ-Kheo-ni"**[4] này được biên soạn với nhiều hình ảnh màu minh họa, nhằm mục đích giới thiệu đôi nét về sự phát triển của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni và các cơ sở giáo dục, tự viện, học đường Phật giáo Sri Lanka trong thế kỷ XXI hiện tại, đặc biệt nói về sự hồi sinh của Ni đoàn Tỳ-kheo-ni ở Sri Lanka. Tác phẩm cũng tôn vinh nền tảng sống động của truyền thống Theravāda ngày nay, đan xen trí tuệ của quá khứ với những thách thức của hiện tại, nhằm truyền cảm hứng cũng như thúc đẩy những đóng góp cho sự phát triển và tiến hóa liên tục của Phật giáo ở Sri Lanka.

Cuốn sách nói về vai trò và hướng phát triển của các nhà sư Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni ở Sri Lanka đương đại, nhằm làm sáng tỏ hành trình của Tăng đoàn qua những trở ngại lịch sử, chuyển đổi văn hóa và sự thích nghi hiện đại. Tác phẩm nhấn mạnh vai trò quan trọng của giáo dục tu viện, sự tham gia ngày càng tăng của Ni đoàn Tỳ-kheo-ni trong việc phục vụ cộng đồng và đang có khuynh hướng thúc đẩy bình đẳng giới trong các tổ chức Phật giáo.

---

4. Cuốn tiếng Việt "Lịch Sử Giáo Dục Phật Giáo ở Sri Lanka: Sự Phục Hồi của Ni Đoàn Tỳ-Kheo-ni là số 108 trong tủ sách Bảo Anh Lạc. Trong khi cuốn tiếng Anh: "History of Buddhist Education in Sri Lanka: Revival of the Bhikkhuni Sangha)" là số 107. Trân trọng mời đọc.
https://huongsentemple.com/index.php/vn/kinh-sach/tu-sach-bao-anh-lac

Là một nguồn tài liệu nghiên cứu cần thiết cho các độc giả cả xuất gia và tại gia, cuốn sách đã đi sâu vào mối quan hệ năng động giữa trí tuệ thời cổ đại và những thách thức hiện tại. Bằng cách thể hiện sức phục hồi và tính linh hoạt của Tăng đoàn, cuốn sách đưa ra những hiểu biết thực tế để bảo tồn ý nghĩa của Phật giáo trong một thế giới đang phát triển nhanh chóng. Ngoài việc làm phong phú thêm nghiên cứu học thuật về Phật giáo Sri Lanka, tác phẩm còn truyền cảm hứng cho các độc giả suy ngẫm về sự tác động giá trị rộng lớn hơn của việc thực hành tâm linh đối với xã hội. Cuốn sách mời gọi sự trầm tư, tu học, trải nghiệm sâu sắc vào các nguyên tắc giới-định-tuệ trong việc giải quyết các vấn đề đương đại.

Chúng tôi vô cùng tri ân Quý Sư Sri Lanka, cũng như các Phật tử trên khắp thế giới vì những đóng góp vô giá để cuốn sách này được hiện hữu và phổ biến xa gần. Dưới đây là danh sách những ân nhân mà chúng tôi muốn vinh danh:

1. Hòa thượng Tiến Sĩ K Siri Sumedha Thero, Sư Kkandalame Piyasiri, Sư Nikapitiye Nandarathana (Nghiên cứu sinh Tiến Sĩ, trường đại học Banaras Hindu University, Varanasi, Ấn Độ) và đội ngũ nhân viên của chùa Jambudvipa Sri Lanka, Sarnath, Varanasi, Ấn Độ – Vì những thông tin và lời giới thiệu vô giá của các Ngài.
2. Ni sư Tiến Sĩ Madulle Vijithananda, Chủ tịch Trung tâm Thiền và Đào tạo Sakyadhita, Colombo – Vì sự hướng dẫn chuyến hành hương các chùa Ni và giới thiệu để được tiếp xúc với các Ni trưởng và Ni chúng tại Colombo.
3. Sư cô Tịnh Châu, còn được biết đến với tên gọi bằng tiếng Ceylon là Suratanā, một Ni sinh, nghiên

cứu sinh Phật học của Trường Đại Học Kelaniya– Vì sự tham gia có ý nghĩa của Sư cô cho chuyến hành hương thăm Ni viện Colombo, Sri Lanka.

4. Ni sư Peliyagoda Sudharshana, Chủ tịch Trung tâm Thiền Phật giáo Samadhi, Florida, Hoa Kỳ – Vì những nỗ lực tận tụy của Ni sư trong việc bổ túc thêm thông tin.
5. Quý Sư cô và Phật tử Việt Nam đến từ Hoa Kỳ, Canada và Việt Nam đã tham gia các chuyến hành hương đến Sri Lanka vào năm 2016 và 2023 – Vì sự đồng hành và hiện diện trong tập sách này.
6. Ông Anura Laksman, Tổng giám đốc Công ty Du lịch Anu Luck Tours, Ambalangoda – Vì sự hỗ trợ về mặt tổ chức của ông.
7. Bà Pamela Kirby, biên tập viên tiếng Anh – Vì sự chịu khó đọc, sửa văn phạm, câu cú và làm hoàn chỉnh tác phẩm bằng tiếng Anh.
8. Ông Vũ Đình Trọng, nhà thiết kế – Vì công việc trang trí và thiết kế sáng tạo của ông.
9. Các nhà tài trợ đã đóng góp ý kiến, thông tin và tịnh tài để cuốn sách này được thực hiện.
10. Các học viện, trường đại học, tu viện, chùa tháp và quý sư trụ trì, các viện trưởng và giới lãnh đạo các cơ sở giáo dục ở Sri Lanka – Vì nguồn lực thông tin và sự hợp tác của họ.
11. Nhiều nguồn trực tuyến online khác nhau, bao gồm các trang web internet, Google, Wikipedia, các trang web, blog và nhiều nguồn khác – Vì đã cung cấp online nhiều thông tin và hình ảnh liên quan.
12. Các giáo sư, biên tập viên, nhà văn, nhà báo, Phật

tử hành hương và nhiều vị khác khác, cả những người đã biết và chưa biết, đã cung cấp nhiều điều hữu ích có giá trị cho cuốn sách này – Vì những đóng góp đa dạng và quan trọng của họ.

13. Chùa Hương Sen đã hỗ trợ tịnh tài và công sức đưa tác phẩm này đến với công chúng – Để giúp đưa cuốn sách này đến với nhiều đối tượng hơn.

Danh sách những ân nhân rất dài. Chúng tôi chân thành cảm ơn Chư tôn Thiền đức Tăng Ni, Phật tử, cơ quan và hiệp hội đã hỗ trợ và hướng dẫn chúng tôi xuất bản tác phẩm "**Lịch Sử Giáo Dục Phật Giáo ở Sri Lanka: Sự Phục Hồi của Ni Đoàn Tỳ-Kheo-ni"** Nỗ lực và lòng tốt của quý ngài đã giúp cuốn sách hiện hữu tốt đẹp và chúng tôi vô cùng biết ơn.

Chúng tôi rất vui mừng được chia sẻ tác phẩm với các độc giả trên toàn thế giới và rất mong quý thiện tri thức hoan hỷ góp ý cho những thiếu sót chắc chắn có, để lần tái bản sau được hoàn thiện hơn. Chúng tôi rất trân trọng ý kiến đóng góp của các bạn.

Mong rằng tác phẩm này sẽ thúc đẩy sự đánh giá sâu sắc hơn về vai trò của Tăng đoàn, Ni đoàn Phật giáo tại Sri Lanka và hơn thế nữa, truyền cảm hứng cho sự phát triển, hiểu biết và thay đổi tích cực liên tục trong cộng đồng Phật giáo toàn cầu.

Chùa Hương Sen, mùa An cư Kiết hạ 2025

Kính bút,

Thích Nữ Giới Hương

Introduction

Ven. Dr. Bhikṣuṇī Gioi Huong

Buddhism was introduced to Sri Lanka around 249 BC through trade between the two neighboring countries and the spread of Buddhism by the kingdom of Ashoka, India.

Today, with 2274 years of Buddhist history (2025 years + 249 years BC), Sri Lanka has become a Buddhist country with Theravada tradition, with many of the world's most ancient Buddhist heritages recognized by UNESCO as World Heritage Sites,[5] and especially in the 21st century, there are many Buddhist universities, meditation schools, training academies for talented and virtuous monks, nuns and lay people, attracting many people from all over the world to study.

Sri Lanka is a Buddhist country with 70% of the population being Buddhists, with about 15,000 monks and

5. Phật Giáo và Thánh Tích Sri Lanka - Thích Nữ Giới Hương
https://huongsentemple.com/index.php/vn/kinh-sach/tu-sach-bao-anh-lac/8707-sri-lanka

nuns living in about 6,000 monasteries across the island.[6] Monastics act as spiritual teachers who are very close to the Buddhist masses. They use the Dharma, precepts and meditation to guide Buddhists to live virtuously, calmly and strongly to overcome difficult challenges in life, without falling or losing morality.

In daily life, the bhikkhus (monks) live a monastic life, practicing discipline, chanting sutras and leading the community, while the bhikkhunis and dasa sil matas also practice meditation, observe precepts, teach sutras and vinaya, and act as advisors, so on. Both groups of Sangha strive to maintain Sri Lanka's rich Buddhist heritage although the monks are more developed than the nuns.

Historically, Bhikkhuni Buddhism actually flourished in Sri Lanka from the IIIrd century BC until its decline around the XIth century AD, interrupted by war and turmoil. In the centuries that followed, nuns accepted the monastic robes and only kept the Dasa Sil Matas precepts, instead of receiving the full Bhikkhuni ordination of 358 precepts like the Northern Buddhist nuns in countries such as Taiwan, Vietnam, Japan, China, etc.

Since 1996, the bhikkhuni ordination phenomenon has been revived and promoted by the ordination ceremonies in Sarnath, India, with the support of East Asian Mahayana nuns and later supported by some Sri Lankan monks. Today, there are more than 200 fully ordained bhikkhunis and many novice nuns (Sāmaṇerīs) who have contributed to this renewal. Feminist organizations such as the Sakyadhita International Association of Buddhist

6. H.R. Perera Buddhism in Sri Lanka. A Short History. https://www.accesstoinsight.org/lib/authors/perera/wheel100.html

Women[7] have played an important role in advocating for the inclusion of women in the Sangha. Thus, the reinstatement of bhikkhuni ordination in Sri Lanka is a complex, challenging process, moving in the direction of modernization and integration with ancient Buddhist traditions.

Nearly all monks and nuns receive training and education equally in monasteries, educational centers, institutes, and universities. Sri Lanka hosts numerous institutions dedicated to Buddhist studies, rooted in its Theravada tradition. These centers cater to both monastic and lay learners, providing instruction in Buddhist philosophy, Pali, Sanskrit, and related fields, frequently integrated with secular subjects to meet contemporary needs.

Central to the development of Sri Lankan Buddhism is the transformative role of monastic education. Institutions or educational centers embody a seamless integration of timeless wisdom and contemporary scholarship, equipping the Sangha to confront modern issues while safeguarding eternal truths. Equally significant is the modern Bhikkhuni Sangha's commitment to community service and social outreach. Through diverse programs and educational efforts, Bhikkhunis exemplify the practical embodiment of Buddhist teachings, fostering closer ties between monastic and lay communities.

Yet challenges remain, including questions of gender equality within the Sangha and the task of keeping monasticism meaningful in a fast-changing world. Tackling these issues demands creative solutions grounded in the

7. Sakyadhita International Association of Buddhist Women. https://sakyadhita.org/

core tenets of Buddhism. Looking ahead, the Bhikkhuni Sangha in Sri Lanka must engage with an increasingly interconnected global Buddhist community. By adopting new technologies and broadening educational horizons, they can ensure the Dhamma's ongoing relevance and influence.

This book "**History of Buddhist Education in Sri Lanka: Revival of the Bhikkhuni Sangha"**[8] was composed with many color illustrations, for the purpose of introducing the development of the Sangha and the Buddhist educational institutions, monasteries, universities and pirivenas in Sri Lanka in this XXIth century with a particular focus on the revival of the bhikkhuni Sangha. This work stands as a tribute to the vibrant fabric of the Theravada tradition today, weaving together the wisdom of the past with the challenges of the present at the inspirational wing as well as providing contributions to the continued growth and evolution of Buddhism in Sri Lanka and beyond.

This book provides an in-depth exploration of the evolving roles of Bhikkhus and Bhikkhunis in contemporary Sri Lanka. It sheds light on the Sangha's journey through historical obstacles, cultural transformations, and modern adaptations. The work emphasizes the pivotal role of monastic education, the growing involvement of the

8. The English book of "History of Buddhist Education in Sri Lanka: Revival of the Bhikkhuni Sangha" is the number 107 in Bao Anh Lac Bookshelf while the Vietnamese version "Lịch Sử Giáo Dục Phật Giáo ở Sri Lanka: Sự Phục Hồi của Ni Đoàn Tỳ-Kheo-ni" is number 108 in Bao Anh Lac Bookshelf.
Please visit: https://huongsentemple.com/index.php/vn/kinh-sach/tu-sach-bao-anh-lac

Bhikkhuni Sangha in community service, and ongoing initiatives to promote gender equity within Buddhist institutions.

Serving as an essential resource for both monastic and lay readers, the book delves into the dynamic relationship between timeless wisdom and present-day challenges. By showcasing the Sangha's resilience and flexibility, it offers practical insights for preserving Buddhism's significance in a rapidly evolving world.

Beyond enriching the academic study of Sri Lankan Buddhism, this book inspires readers to reflect on the wider impact of spiritual practice on society. It invites thoughtful engagement with Buddhist princip les (precept-meditation-wisdom) and their relevance to addressing contemporary issues. We are profoundly grateful to the Venerable Monks and Nuns, as well as to Buddhists from all around the world, for their invaluable contributions to the existence and dissemination of this book far and wide. Below is a list of those we wish to honor:

1. Venerable Dr. K Siri Sumedha Thero, Venerable Kkandalame Piyasiri Thero, Venerable Nikapitiye Nandarathana Thero (PhD Scholar, Banaras Hindu University, Varanasi, India), and the staff of Jambudvipa Sri Lanka Buddhist Temple, Sarnath, Varanasi, India – For their invaluable informationand introduction
2. Dr. Bhikkhuni Madulle Vijithananda, President of Sakyadhita Training and Meditation Centre, located south of Colombo – For her leadership and guidance on the pilgrimage to the Nunneries and

meeting to the Elder Bhikkhunis in Colombo.

3. Bhikkhuni Tịnh Châu, also known by her Ceylon name, Suratanā, the Ph.D. researcher in Kelaniya University, Sri Lanka – For her meaningful participation in the Nunnery Pilgrimage.
4. Bhikkhuni Peliyagoda Sudharshana, President of Samadhi Buddhist Meditation Center, Florida, USA – For her dedicated efforts in add more information.
5. Venerable Vietnamese Nuns and devotees from the USA, Canada, and Vietnam who participated in pilgrimage tours to Sri Lanka in 2016 and 2023 – For their companionship, present and devotion in this book.
6. Mr. Anura Laksman, Managing Director of Anu Luck Tours, Ambalangoda, and the Tourism Association – For his organizational support.
7. Pamela Kirby, English editor – For her skillful editing.
8. Mr. Vu Dinh Trong, the designer – For his creative design work.
9. Donors who generously contributed their expertise to make this book possible.
10. Various online resources, including internet sites, Google, Wikipedia, websites, blogs, and many others – For providing a wealth of information and photos.
11. Buddhist professors, editors, writers, journalists, pilgrims, and all others, both known and unknown,

who provided valuable information and images for this book – For their diverse and vital contributions.

12. Huong Sen Temple, for their assistance in making this work available to the public – For helping bring this book to a wider audience.

The list of the supporters is very long. We sincerely thank the many Venerable Monks, Nuns, Buddhists, organizations, and associations who supported and guided us in publishing "**History of Buddhist Education in Sri Lanka: Revival of the Bhikkhuni Sangha**." Their efforts and kindness made this achievement possible, and we are deeply grateful.

We are thrilled to share the Dharma with readers worldwide and warmly invite your corrections and comments for future editions. Your input is greatly appreciated.

May this work foster a deeper appreciation of Buddhism's role in Sri Lanka and beyond, inspiring continued growth, understanding, and positive change within the global Buddhist community.

Huong Sen Buddhist Temple, Summer retreat 2025

Bow three times and smile,

Ven. Dr. Bhikṣuṇī T.N. Gioi Huong

Ni sư Giới Hương (chính giữa) và 10 sư cô đệ tử chùa Hương Sen hành hương chiêm bái tháp Ruvanwali Maha Chethiya, Anuradhapura, ngày 12 tháng 7 năm 2023

Giới Thiệu Về Phật Giáo Sri Lanka

1.1 Phật Giáo, Xã Hội và Văn Hóa ở Sri Lanka

Giáo dục Phật giáo đã đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của xã hội và văn hóa Sri Lanka, ảnh hưởng đến các giá trị, truyền thống và bản sắc dân tộc của quốc gia này (Saram, 1977; De Silva 2019). Với sự truyền bá của Phật giáo vào thế kỷ thứ III trước Công nguyên, giáo dục Phật giáo Sri Lanka ban đầu bắt nguồn từ các trường học tu viện (được gọi là 'Pirivena'). 'Pirivena' không chỉ là trường học để nghiên cứu Phật giáo mà còn là học viện giáo dục tập trung, nơi mọi người nghiên cứu triết học, đạo đức, giá trị, hành vi, v.v. dựa trên giáo lý nhà Phật ("Tu viện ở Sri Lanka," không có ngày; Keerthirathne, 2020).

Ngoài những hàm ý về mặt tâm linh, giáo dục Phật giáo còn có tác động sâu sắc đến cấu trúc xã hội của quốc

gia. Tổ chức này đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và thúc đẩy ngôn ngữ và truyền thống Sinhala, đặc biệt là trong suốt thời kỳ cai trị của Anh khi những nỗ lực được thực hiện để thay thế các phong tục bản địa bằng các ảnh hưởng từ nước ngoài (Kemper 1984). Thông qua việc bảo vệ kho tàng kiến thức trong nhiều lĩnh vực, các tổ chức tu viện đã đảm bảo việc truyền tải văn học, nghệ thuật và khoa học của khu vực qua nhiều thế hệ. Về mặt chính trị, giáo dục Phật giáo thúc đẩy sự ổn định và hòa bình, nhằm khuyến khích sự lãnh đạo có đạo đức và các mối quan hệ hài hòa, được cả vua và người dân thường tôn trọng. Các nhà sư và triết gia được đào tạo trong các trường học này thường đóng vai trò là cố vấn cho các vị vua, đưa ra các quyết định làm thay đổi hướng đi của lịch sử quốc gia.

Trong thời đại đương đại, giáo dục Phật giáo ở Sri Lanka đã tiến triển để kết hợp các ngành học hiện tại bao gồm khoa học và công nghệ, hỗ trợ các nhu cầu đang phát triển của xã hội trong khi hiện vẫn duy trì các giá trị truyền thống. Sự thích nghi hiện đại này chuẩn bị cho sinh viên giải quyết các vấn đề đương đại trong khi vẫn bám rễ vào di sản văn hóa của họ (Gamage, 2016).

Tầm quan trọng của giáo dục Phật giáo trong việc định hình bản sắc độc đáo của Sri Lanka không thể bị đánh giá thấp. Giáo dục tiếp tục phát huy ảnh hưởng trong các lĩnh vực chính trị, xã hội và cá nhân, đặc biệt là trong nhóm người Sinhalese chiếm đa số, thúc đẩy cảm giác tự hào và thống nhất dân tộc. Phật giáo tiếp tục là một phần không thể thiếu của xã hội Sri Lanka, phục vụ để bảo vệ di sản của mình và tác động đến con đường của mình.

1.2. Tổng Quan Về Chương-Mục Tiêu

Phần này nhằm mục đích cung cấp một cái nhìn tổng quan về sự phát triển và bản chất hiện tại của nền giáo dục Phật giáo, quý sư Tỳ-kheo (bhikkhu) và sư Ni Tỳ-kheo-ni (bhikkhunis) ở Sri Lanka, đặc biệt đề cập nguồn gốc lịch sử và vai trò Tăng đoàn, Ni đoàn trong bối cảnh giáo dục và xã hội đương đại.

Chương 1: Giới Thiệu về Phật Giáo Sri Lankan

Bối cảnh lịch sử: Chương này khám phá sự xuất hiện và thành lập của Phật giáo ở Sri Lanka, bắt đầu từ thế kỷ thứ III trước Công nguyên với hành trình truyền giáo của đức Thánh Tăng Mahinda Thera. Chương này cũng thảo luận về cách Phật giáo ảnh hưởng đến xã hội, văn hóa, quản trị và bản sắc của Sri Lanka.

Ý nghĩa xã hội và văn hóa: Phật giáo đã định hình sâu sắc di sản quốc gia của Sri Lanka, thúc đẩy các giá trị đạo đức, đời sống cộng đồng và truyền thống tu viện tiếp tục ảnh hưởng đến cấu trúc xã hội của đất nước. Phần này sẽ nói đến sự hội nhập lịch sử của Phật giáo vào xã hội Sri Lanka, làm nổi bật tác động của Phật giáo đối với ngôn ngữ, nghệ thuật, văn học và quản trị.

Mục tiêu Hội nhập: Bằng cách nghiên cứu các khía cạnh nền tảng của Phật giáo Sri Lanka, chương này đặt nền tảng cho việc hiểu cách giáo dục Phật giáo phát triển và tiếp tục phát triển như một khía cạnh thiết yếu của đời sống tôn giáo và xã hội trong nước.

Chương này đặt nền tảng bằng cách thảo luận về sự hội nhập lịch sử, xã hội và văn hóa của Phật giáo trong Sri Lanka, nhằm khám phá sự ảnh hưởng của Phật giáo đối với bản sắc Sri Lanka và vai trò của các tổ chức Phật giáo

trong việc định hình di sản quốc gia.

Chương 2: Tổng Quan Lịch Sử về Giáo Dục Phật Giáo ở Sri Lanka

Sự phát triển trong lịch sử: Chương này theo dõi sự phát triển của giáo dục Phật giáo ở Sri Lanka, bắt đầu từ nguồn gốc của nó trong các trường học tu viện cổ đại (Pirivena) và tiến triển qua thời kỳ trung cổ và thuộc địa. Chương hai sẽ trình bày chi tiết về cách các tu viện Phật giáo đóng vai trò là trung tâm học tập, bảo tồn kinh điển Phật giáo và cung cấp giáo dục về cả các môn học tôn giáo và thế tục.

Tác động của chế độ cai trị thuộc địa: Chương này khám phá những thách thức đáng kể phải đối mặt trong thời kỳ thuộc địa, bao gồm sự suy tàn của nền giáo dục Phật giáo truyền thống do sự cai trị của nước ngoài, nhằm làm nổi bật khả năng phục hồi của các học giả Phật giáo và những nỗ lực phục hồi được thực hiện để khôi phục nền giáo dục tu viện.

Tích hợp mục tiêu: Bằng cách cung cấp một nghiên cứu theo trình tự thời gian về giáo dục Phật giáo, chương này đặt bối cảnh vào cách hệ thống giáo dục truyền thống phát triển và thích nghi với những thay đổi lịch sử trong khi vẫn duy trì các nguyên tắc cốt lõi của nó.

Chương hai sẽ giới thiệu sự phát triển của giáo dục Phật giáo từ thời cổ đại đến hiện tại, nhằm đề cập đến việc thành lập giáo dục tu viện (Pirivena), sự phát triển của nó trong thời kỳ trung cổ và thuộc địa, và tác động của các nhân vật lịch sử quan trọng trong việc bảo tồn giáo lý Phật giáo.

Chương 3: Các Trường Đại Học và Học Viện Nghiên Cứu Phật Giáo Hàng Đầu

Các học viện đương đại: Phần này giới thiệu các học viện giáo dục Phật giáo nổi tiếng của Sri Lanka như:

- Đại học Phật giáo và Pali Homagama
- Đại học Sri Lanka Bhikshu, Anuradhapura
- Viện nghiên cứu Phật giáo quốc tế Nāgānanda, Manel Watta
- Học viện Phật giáo quốc tế Sri Lanka (Cơ sở SIBA), Pallekele
- Viện nghiên cứu Phật giáo và Pali sau đại học, Kelaniya

Các dịch vụ học thuật: Chương này trình bày chi tiết các chương trình từ bậc đại học đến Tiến Sĩ, bao gồm Phật học, cổ ngữ Pali và Phạn, triết học và các môn học ngoài xã hội có liên quan đến giáo dục Phật giáo.

Đóng góp toàn cầu: Phần này thảo luận về cách các học viện này đã trở thành những cơ sở giáo dục đóng góp đáng kể cho các nghiên cứu Phật giáo quốc tế, hợp tác nghiên cứu và sự truyền bá Phật giáo Nguyên thủy trên toàn thế giới.

Tích hợp mục tiêu: Chương này cung cấp hiểu biết thực tế về các tổ chức học thuật Phật giáo, cung cấp những hiểu biết có giá trị về tác động giáo dục, chương trình giảng dạy hiện đại và vai trò của giáo dục trong việc bảo tồn Phật giáo.

Tập trung vào giáo dục Phật giáo hiện đại, chương này cung cấp những hiểu biết sâu sắc về các trường đại học và tổ chức Phật giáo lớn của Sri Lanka, bao gồm các chương trình học thuật, đóng góp cho nghiên cứu Phật giáo và hợp tác quốc tế của học viện.

Chương 4: Các Trung Tâm Thiền Sri Lanka

Vai trò trong Thực hành Tâm linh: Chương này trình bày tổng quan về các tu viện và trung tâm thiền Phật giáo chính ở Sri Lanka, nhấn mạnh tầm quan trọng của chúng trong thực hành Phật giáo Nguyên thủy. Các trung tâm này đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo các tu sĩ và cư sĩ về thiền, chánh niệm và triết học Phật giáo.

Các trung tâm nổi bật: Phần này nêu bật một số trung tâm thiền và tu viện trong rừng, làng, vùng xa, như Nā Uyana Āranya, Nissarana Vanaya (Mitirigala Forest Hermitage) và Tu viện Kudumbigala. Phần này khám phá những đóng góp độc đáo của trường thiền cho các thiền giả trong nước và quốc tế.

Ảnh hưởng toàn cầu: Các trung tâm thiền này thu hút sinh viên và học viên quốc tế tìm kiếm khóa đào tạo thiền Phật giáo. Chương này cũng thảo luận về tầm quan trọng của trường thiền trong giáo dục Phật giáo toàn cầu và sự phát triển tâm linh.

Tích hợp mục tiêu: Bằng cách minh họa vai trò của các trung tâm thiền trong giáo dục Phật giáo đương đại, chương này bắc cầu nối liền mối liên hệ giữa giáo dục tu viện và thực hành tâm linh, nhấn mạnh ý nghĩa lâu dài của chúng trong truyền thống Theravāda.

Chương bốn này nêu bật các tu viện và trung tâm thiền trong rừng sâu của Sri Lanka, nêu chi tiết ý nghĩa của trường thiền trong truyền thống Theravāda, chương trình đào tạo mà chúng cung cấp cho xuất gia và tại gia, cũng như những đóng góp của trường thiền cho thiền Phật giáo trên toàn thế giới.

Chương 5: Sự Phục Hồi của Giáo Đoàn Tỳ Kheo Ni

và các Ni Viện

Bối cảnh lịch sử: Chương này khám phá lịch sử giáo dục Tỳ-kheo-ni (Nữ tu) ở Sri Lanka, bắt đầu từ khi Thánh tổ Ni Saṅghamitrā Theri đến vào thế kỷ thứ III trước Công nguyên. Chương này cũng thảo luận về sự phát triển thịnh vượng của Ni đoàn Tỳ-kheo-ni và sự suy tàn của nó theo thời gian.

Sự phục hồi hiện đại: Chương này nêu bật sự phục hồi đương đại của Ni giới Tỳ-kheo-ni, bao gồm việc tái lập việc truyền giới, thọ giới và phát triển các trung tâm đào tạo Tỳ-kheo-ni chuyên biệt.

Các Trung tâm đào tạo Tỳ-kheo-ni nổi tiếng: Phần này cung cấp tổng quan về các tổ chức hàng đầu như Trung tâm đào tạo và thiền Sakyadhita, Ni trưởng Ayya Khema Mandir và Trung tâm đào tạo Tỳ-kheo-ni Dambulla, nêu chi tiết các chương trình học thuật và tâm linh của Ni giới.

Tích hợp mục tiêu: Phần này nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục Tỳ-kheo-ni trong việc thúc đẩy bình đẳng giới trong tu viện Phật giáo và vai trò của Ni giới trong việc mở rộng kiến thức Phật học trong các Nữ tu.

Dành riêng cho việc giáo dục các Nữ tu Phật giáo (Bhikkhunis), chương này khám phá sự phát triển lịch sử của giáo dục Tỳ-kheo-ni, các trung tâm đào tạo hiện đại và vai trò của Ni giới trong việc thúc đẩy bình đẳng giới và giáo lý Phật giáo.

Chương 6: Đóng Góp của Giáo Đoàn Tỳ Kheo Ni cho Cộng Đồng và Xã Hội Phật Giáo

Nhiều quý Ni sư Tỳ-kheo-ni nổi tiếng như ni trưởng Tiến Sĩ Bhikkhuni Kusuma, Ni trưởng Tiến Sĩ Bhikkhuni Dharmananda, Ni sư Bhikkhuni Madulle Vijithananda, Ni

sư Tỳ-kheo-ni Hapandeniya Supeshala Maha Theri, Ni sư Bhikkhuni Peliyagoda Sudarshana và nhiều Sư ni khác đã đóng góp trong những vai trò quan trọng như làm giới sư, luật sư, pháp sư, giảng sư, giám khảo, cố vấn, vv… giúp cho Ni đoàn phát triển.

Chương 7: Kết Luận

Suy ngẫm về Giáo dục Phật giáo: Chương này tóm tắt sự phát triển lịch sử, ý nghĩa đương đại và những đóng góp toàn cầu của giáo dục Phật giáo tại Sri Lanka, nhằm nêu lên cách giáo lý Phật giáo cần được bảo tồn, điều chỉnh và mở rộng trong bối cảnh học thuật và tu viện.

Thách thức và định hướng tương lai: Chương này thảo luận về những thách thức hiện đại mà giáo dục Phật giáo phải đối mặt, chẳng hạn như cân bằng giữa giáo lý truyền thống với nhu cầu học thuật đương đại, vai trò của công nghệ trong nghiên cứu Phật giáo và nhu cầu hợp tác toàn cầu liên tục trong học bổng Phật giáo.

Tích hợp mục tiêu: Bằng cách cung cấp tổng hợp toàn diện về quá khứ, hiện tại và tương lai của nền giáo dục Phật giáo, chương này cung cấp những hiểu biết sâu sắc cho các nhà nghiên cứu, nhà giáo dục và học viên quan tâm đến sự giao thoa giữa giáo dục, tôn giáo và di sản văn hóa ở Sri Lanka và xa hơn nữa.

Chương cuối cùng tóm tắt những điều cần thiết của việc học Phật và sự phát triển nền giáo dục Phật giáo ở Sri Lanka và quỹ đạo tương lai của nó. Chương bảy cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo tồn và thích ứng nền giáo dục Phật giáo trong một thế giới đang thay đổi nhanh chóng.

Hòa thượng Tiến Sĩ K. Siri Sumedha Thero,
Ni sư T.N. Giới Hương, phái đoàn chùa Hương Sen
với các vị Tăng trẻ Nigrodha Khetta Maha Pirivena,
Kandy, Srilanka, ngày 12 tháng 7 năm 2023.

Chương 2

Tổng Quan Lịch Sử Giáo Dục Tu Viện Ở Sri Lanka

2.1. Giai Đoạn Đầu Của Giáo Dục Phật Giáo Sri Lanka

Giáo dục Phật giáo Sri Lanka đã thiết lập nền tảng bắt đầu vào thế kỷ thứ III trước Công nguyên khi Phật giáo lần đầu tiên được Thánh Tăng Mahinda Thera, con trai của Hoàng đế A-dục (Ashoka), Ấn Độ, đem vào, dưới triều đại của Vua Devānampiyatissa (Mahāvaṃsa 1912, chương 11 - 13; Dīpavaṃsa chương 8). Đó là một giai đoạn chuyển đổi trong lịch sử của hòn đảo. Sau khi Vua Devanampiyatissa và các thành viên trong triều đình chấp nhận Phật giáo, tu viện đầu tiên của Sri Lanka (Kālapāsāda) đã được thành lập tại Anuradhapura dành cho các nhà sư Phật giáo. Đây được đánh dấu là trung tâm giáo dục Phật giáo chính thức ở Sri Lanka (Keerthirathne, 2020).

Ở giai đoạn đầu, giáo dục tu viện được sử dụng phương

pháp truyền khẩu để bảo vệ giáo lý của Đức Phật.[9] Sau nạn đói Baminitiya, họ quyết định ghi chép giáo lý của mình vào thời kỳ Vua Vatta gāmini Abhaya (Walgambā) (89-77) với quyết định của hội đồng các nhà sư Phật giáo ở Sri Lanka (Mahāvaṃsa, Chương 33).[10]

Một số trường tu viện Phật giáo (Pirivena) đã được thành lập trong các thành phố cổ như Anuradhapura và Polonnaruwa với sự lan truyền của Phật giáo ở Sri Lanka (De Silva, 2019). Các tổ chức giáo dục này đã góp phần nâng cao vị thế của các quốc gia bằng cách cung cấp cả giáo dục thế tục và tôn giáo, đào tạo ra các học giả và nhà sư Phật giáo có học thức, những người có ảnh hưởng trong tôn giáo và văn hóa của đất nước.

Giáo dục Phật giáo đóng một vị trí quan trọng trong cấu trúc xã hội và chính trị của Sri Lanka cổ đại. Giai đoạn đầu này cho phép hình thành một xã hội được thiết lập dựa trên các giá trị và giáo lý Phật giáo. Nền tảng được tạo ra cho sự phát triển của giáo dục Phật giáo trong những thế kỷ tiếp theo trong thời đại phát triển này.

2.2. Phát Triển Giáo Dục Qua Thời Kỳ Cổ Đại, Trung Cổ và Thực Dân

Khi Phật giáo trở nên vững chắc trong nước, các tổ chức giáo dục Phật giáo đã trải qua những bước phát triển đáng kể trong suốt thời kỳ cổ đại, trung cổ và thực dân.

9. "Upāli dāsako ceva, soṇako siggavo tathā;Moggaliputtena pañcamā, ete jambusirivhaye.Tato mahindo itṭiyo, uttiyo sambalo tathā;Bhaddanāmo ca paṇḍito." Parivārapāḷi, Bhikkhuvibhaṅgo, Soḷasamahāvāro CS CD Rom

10. Piṭakattayapāḷiñca, tassa aṭṭhakathampi ca;Mukhapāṭhena ānesuṃ, pubbe bhikkhū mahāmati.Hāniṃ disvāna sattānaṃ, tadā bhikkhū samāgatā;Ciraṭṭhitatthaṃ dhammassa, potthakesu likhāpayuṃ."

2.2.1. Thời kỳ cổ đại

Trong thời kỳ cổ đại, sau khi hệ thống giáo dục tu viện được thành lập ban đầu, Phật giáo và các cơ sở giáo dục đã được truyền bá ở Sri Lanka vì các vị vua đã ủng hộ và thúc đẩy các cơ sở Phật giáo. Kind Dutugemunu (161-137), một trong những vị vua nổi tiếng trong lịch sử Sri Lanka, đã xây dựng Maha stupa (Ruwanweli)[11] góp phần vào sự phát triển của nền giáo dục Phật giáo bằng cách thành lập các khu phức hợp tu viện ở Anuradhapura (Harischandra, 1908). Trong thời gian này, các tu viện Mahavihāra, Abhayagiri Vihāra và Jetavana đã được xây dựng. Đây là những địa điểm quan trọng nhất ở Anuradhapura. Mỗi trường học này đều phát triển theo những cách giảng dạy và hiểu biết độc đáo về giáo lý Phật giáo (Somananda, 2021).

2.2.2. Thời kỳ Trung cổ

Trong thời kỳ Trung cổ, khi Vua Vijayabahu I chuyển thủ đô đến Polonnaruwa (1055–1110), nền giáo dục Phật giáo đã có những bước phát triển đáng kể (Peiris, không rõ ngày tháng). Trong khi nhà vua giành lại khu vực này từ Chola, ông đã thực hiện các bước để cải thiện nó tốt hơn, chẳng hạn như khôi phục và hỗ trợ các tu viện Phật giáo. Trong thời kỳ này, hệ thống giáo dục bắt đầu phát triển rộng hơn, tập trung nhiều hơn vào việc viết chú giải (Tīkā). Điều này dẫn đến việc nghiên cứu sâu hơn về Tam tạng trong các trường học.

---

11. "Kāressāmi mahāthūpaṃ." iti haṭṭho mahātalaṃ;
Āruyha rattiṃ bhuñjitvā, sayito iti cintayi., Bộ Biên Niên Sử Mahāvaṃsa 1912, chương.28, bài kệ 3.

Các học giả nổi tiếng như Đại sư Phật Âm (Buddhaghosa), người đã đến thăm hòn đảo vào thế kỷ thứ V, đã đóng một vai trò quan trọng trong việc dịch và diễn giải lời dạy của Đức Phật sang tiếng Pali, giúp chúng dễ tiếp cận hơn và được giảng dạy một cách có hệ thống trên khắp các trường học của tu viện. Các tác phẩm của đại sư, đặc biệt là Thanh Tịnh Đạo Luận (Visuddhimagga), đã trở thành nguồn tài nguyên giáo dục cơ bản trong việc nghiên cứu Phật giáo (Baba, 2022).

Trường đào tạo tu sĩ Phật giáo Sri Vidyasekhara Pirivena Koombiyangoda Maha Vihara, Matale, Sri Lanka.

2.2.3. Thời kỳ Thuộc địa

Với sự xuất hiện của người Bồ Đào Nha vào năm 1505, sau đó là người Hà Lan và người Anh, nền giáo dục Phật giáo đã phải đối mặt với những thách thức to lớn. Các tổ chức giáo dục Phật giáo truyền thống đã sụp đổ do chính

quyền thuộc địa liên tục hỗ trợ và tài trợ cho các trường truyền giáo Cơ đốc (Ruberu, 2013)

Trong thời kỳ thuộc địa của Anh, bất chấp những khó khăn này, nền giáo dục Phật giáo đã phát triển đáng kể với sự giúp đỡ của những công dân nổi bậc như Anagarika Dharmapala (Obeyesekere, 1976). Anagarika Dharmapala bắt đầu ủng hộ sự phục hưng của Phật giáo thông qua việc tái cấu trúc hệ thống giáo dục. Dharmapala đóng vai trò chủ chốt trong việc thành lập các trường học vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX (Amunugama, 2019).

2.3. Vai Trò Của Những Nhân Vật và Sự Kiện Lịch Sử Quan Trọng

Trong thời gian này, Hội Thông Thiên Học, với các thành viên nổi bật như Đại tá Henry Steel Olcott và Bà Blavatsky, đã đóng vai trò chủ chốt và cũng chịu ảnh hưởng rất lớn trong việc thúc đẩy hệ thống giáo dục Phật giáo (Lavoie, 2012). Họ ủng hộ phong trào phục hưng Phật giáo bằng cách thành lập các trường học cung cấp nền giáo dục hiện đại dựa trên giáo lý Phật giáo. Hầu hết các trường học hàng đầu ở Sri Lanka được thành lập trong giai đoạn này (Ananda, Nalanda, Dharmaraja Vijay, v.v.) với sự giúp đỡ của phong trào phục hưng Phật giáo. Hai trường Pirivena hàng đầu, được gọi là Vidyodaya và Vidyalankara được thành lập với sự đóng góp của các nhà sư Phật giáo nổi tiếng (Hikkaduwe Sumangala Thero và Rathmalane Dharmarama Thero) (Dharmadasa, 2019). Sau đó, họ là những trường đại học Phật giáo đầu tiên ở Sri Lanka. Vidyodaya trở thành trường đại học Sri Jayewardenepura, và Vidyalankara trở thành trường đại học Kelaniya (Gamage, 2010)

Những giai đoạn lịch sử này không chỉ cho thấy bản chất bền bỉ của nền giáo dục Phật giáo tại Sri Lanka mà còn cho thấy cách nền giáo dục này thích nghi và phát triển như thế nào để ứng phó với những ảnh hưởng bên trong và bên ngoài. Nền giáo dục Phật giáo tại Sri Lanka đã chuyển mình trong hàng trăm năm, nhưng vẫn thành công trong việc duy trì nguồn gốc cũng như kết hợp các khái niệm và ảnh hưởng mới, giúp nền giáo dục này vẫn có thể áp dụng được trong thế giới hiện đại.

Ni sư T.N. Giới Hương và phái đoàn chùa Hương Sen viếng thăm Trường Tu thục Bồ đề Sri Vidyasekhara Pirivena ngày 16 tháng 08 năm 2016.

Ni sư T.N. Giới Hương và phái đoàn chùa Hương Sen cúng dường cho các giáo viên và tăng sinh tại Trường Tư thục Bồ đề Sri Vidyasekhara Pirivena ngày 13 tháng 07 năm 2023.

Chương
3

Các Trường Đại Học và Học Viện Đào Tạo Hàng Đầu

3.1. Trường Đại Học Phật Giáo và Pali - Homagama

Tòa nhà hành chính của Đại học Phật giáo và Pali, Homagama, Sri Lanka.[12]

12. Source: https://www.studyinsrilanka.org/university/buddhist-pali-university-of-sri-lanka/

Trường Đại học Phật giáo và Pali, Homagama là một trong những trường hàng đầu trong việc phát triển giáo dục Phật giáo tại Sri Lanka, chuyên nghiên cứu và học tập nâng cao về Phật giáo theo cả góc nhìn truyền thống và đương đại.

Chương trình học thuật

Trường cung cấp nhiều chương trình ở bậc đại học, sau đại học và Tiến Sĩ. Các chương trình đại học bao gồm bằng Cử nhân về Nghiên cứu Phật giáo, tiếng Pali và tiếng Phạn, cung cấp cho sinh viên nền tảng sâu sắc về kinh điển, cổ ngữ và triết học của Phật giáo.

Ở bậc sau đại học (hậu đại học), trường cung cấp bằng Thạc sĩ Nghệ thuật, Thạc sĩ Triết học và Tiến Sĩ Triết học. Các chương trình này được thiết kế để phát triển tư duy phản biện, kỹ năng nghiên cứu và kiến thức nâng cao về nhiều khía cạnh của nghiên cứu Phật giáo. Trường cũng cung cấp các khóa học cấp bằng và chứng chỉ đáp ứng nhu cầu của những người không muốn cam kết theo học các chương trình cấp bằng toàn thời gian.

Thông tin liên hệ

- Địa chỉ: Đại học Phật giáo và tiếng Pali Sri Lanka, Thị trấn Pitipana, Homagama, Sri Lanka.
- Điện thoại: +94 11 2857786/ http://www.bpu.ac.lk/
- Email: mail@bpu.ac.lk
- Trang web: http://www.bpu.ac.lk

3.2. Trường Đại Học Tỳ-Kheo Sri Lanka, Anuradhapura

Trường Đại học Sri Lanka Bhikshu tại Anuradhapura

là một học viện Phật giáo chuyên về giáo dục và đào tạo các nhà sư Phật giáo tuy nhiên những cư sĩ tại gia cũng có thể đến ghi danh học Phật học. Được thành lập để bảo tồn và truyền bá giáo lý Phật giáo, trường đóng vai trò quan trọng trong việc theo đuổi học thuật về giáo dục Phật giáo tại Sri Lanka.

Một lớp học tại trường đại học Sri Lanka Bhikshu với các nhà sư đắp y và giảng viên cư sĩ[13]

Tổng quan

Tọa lạc tại thành phố lịch sử Anuradhapura, một nơi có ý nghĩa tôn giáo to lớn và là nơi có một số di tích Phật giáo lâu đời nhất thế giới (như cây bồ đề cổ nhất thế giới 2300 tuổi),[14] Đại học Sri Lanka Bhikshu cung cấp một bối

13. Nguồn: https://free-apply.com/en/university/1014400029

14. Cây Bồ đề thiêng cổ nhất thế giới (Mahābodhivamsa- the Chronicle of the Bodhi Tree) hơn 2300 tuổi, do Thánh Tổ Tỳ kheo Ni Saṅghamittā Theri (con gái hoàng đế A Dục) đem đến trồng tại cố đô Anuradhapura

cảnh lý tưởng để nghiên cứu Phật giáo. Trường đại học được thành lập để thúc đẩy sự hiểu biết sâu sắc về giáo lý Phật giáo, thúc đẩy nghiên cứu Pali và Phật giáo, và đóng góp vào diễn ngôn toàn cầu về Phật giáo thông qua nghiên cứu và học bổng.

Các chương trình học thuật

Trường đại học Sri Lanka Bhikshu cung cấp một loạt các chương trình học thuật được thiết kế để đáp ứng nhu cầu giáo dục của các nhà sư Phật giáo và học giả tại gia. Các chương trình bao gồm bằng Cử nhân Phật học, tiếng Pali và tiếng Phạn, tập trung vào các nghiên cứu chuyên sâu về kinh điển, ngôn ngữ và triết học Phật giáo.

Đối với các nghiên cứu nâng cao, trường cung cấp bằng Thạc sĩ và Thạc sĩ Triết học trong một số lĩnh vực chuyên ngành của nghiên cứu Phật giáo. Các chương trình này được thiết kế để nâng cao kỹ năng nghiên cứu của sinh viên và đào sâu hiểu biết của họ về các khái niệm triết học phức tạp trong Phật giáo.

Trường đại học cũng cung cấp các chương trình Tiến Sĩ cho những nghiên cứu sinh muốn đóng góp đáng kể cho Phật giáo. Các chương trình này khuyến khích nghiên cứu độc đáo và hướng đến mục tiêu phát triển các học giả có thể đóng góp vào các ứng dụng học thuật và thực tiễn của giáo lý Phật giáo.

Thông tin liên hệ

- Địa chỉ: Đại học Sri Lanka Bhikshu, Anuradhapura,

---

vào thế kỷ thứ III trước Công nguyên.
Mời xem : Phật Giáo và Thánh Tích Sri Lanka - Thích Nữ Giới Hương, NXB Tôn Giáo. 2024.
https://huongsentemple.com/index.php/vn/kinh-sach/tu-sach-bao-anh-lac/8707-sri-lanka

Sri Lanka.

- Điện thoại: +94 25 223 6724/ +94 25-2236760
- Email: info@slbu.ac.lk
- Trang web: https://busl.ac.lk/

Đây là hình ảnh của Đại học Bhiksu Sri Lanka, cho thấy tòa nhà chính của trường với thiết kế kiến trúc hiện đại và bảng tên nổi bật bằng tiếng Sinhala và tiếng Anh ở ngày cổng vào.[15]

3.3. Nagananda International Institute For Buddhist Studies

Nāgānanda International Institute for Buddhist Studies, tọa lạc tại Sri Lanka, là một học viện hàng đầu chuyên nghiên cứu nâng cao về Phật giáo. Học viện đóng vai trò là cầu nối giữa giáo lý Phật giáo truyền thống và phân tích học thuật đương đại, cung cấp góc nhìn toàn cầu

15. Nguồn: https://www.hirunews.lk/english/259978/anuradhapura-bhiksu-university-temporarily-closed-due-to-covid

về các thực hành và triết lý Phật giáo.

Tổng quan

Nāgānanda International Institute for Buddhist Studies được thành lập với tầm nhìn thúc đẩy sự hiểu biết sâu sắc hơn về Phật giáo trên nhiều nền văn hóa và bối cảnh khác nhau. Tọa lạc tại một nơi thanh bình thuận lợi cho các hoạt động học thuật và tâm linh, viện thu hút sinh viên và học giả từ khắp nơi trên thế giới. Viện hướng đến mục tiêu thúc đẩy hòa bình và phát triển tâm linh thông qua giáo dục và chuẩn bị cho sinh viên theo đuổi cả sự nghiệp học thuật và tu hành. Cam kết của viện đối với các tiêu chuẩn giảng dạy và nghiên cứu quốc tế khiến viện trở thành một trung tâm nghiên cứu Phật giáo tiêu chuẩn độc đáo.

Khoa Phật học tại Viện Phật học Quốc tế Nāgānanda.[16]

Các chương trình học thuật

- Viện cung cấp nhiều chương trình học thuật toàn diện đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau trong lĩnh vực nghiên cứu Phật giáo như:
- Bằng cấp Cử nhân Phật học: Các chương trình này

16. Nguồn: https://fbs.niibs.lk/

cung cấp kiến thức nền tảng về giáo lý Phật giáo, tiếng Pali, tiếng Phạn và các môn triết học liên quan.

Toàn cảnh Viện Quốc tế Nāgānanda tại Bopitiya.[17]

- Bằng cấp Thạc sĩ Phật học: nghiên cứu sâu hơn về giáo lý Phật giáo, các chương trình này cung cấp các chuyên ngành trong các lĩnh vực như triết học Phật giáo, lịch sử và nghiên cứu văn hóa.
- Chương trình Tiến Sĩ: Đối với những sinh viên muốn đóng góp nghiên cứu ban đầu cho lĩnh vực này, viện cung cấp các chương trình Tiến Sĩ khuyến khích khám phá các chủ đề phức tạp trong nghiên cứu Phật giáo và đối thoại liên-tôn-giáo.
- Các khóa học cấp chứng chỉ và văn bằng: Các chương trình ngắn hạn này được thiết kế riêng cho những cá nhân muốn có được sự hiểu biết cơ bản về Phật giáo hoặc muốn nâng cao kiến thức

17. Nguồn: https://fbs.niibs.lk/

của mình mà không phải cam kết theo học toàn bộ chương trình cấp bằng.

Đại hội lần thứ 4 của Viện Quốc tế Nāgānanda.[18]

Thông tin liên hệ

- Địa chỉ: Viện Nghiên cứu Phật giáo Quốc tế Nāgānanda, Bopitiya, Sri Lanka.
- Điện thoại: +94 11 2904 666
- Email: info@niibs.edu.lk

18. Nguồn: https://english.lankapuvath.lk/2023/12/08/niibs/

- Trang web: http://www.niibs.lk

Viện Nghiên cứu Phật giáo Quốc tế Nāgānanda nổi bật với cam kết về sự xuất sắc trong lĩnh vực giáo dục Phật giáo, cung cấp một môi trường nuôi dưỡng hỗ trợ cả thành tích học tập và sự phát triển kiến thức cá nhân. Các chương trình của viện được thiết kế để thu hẹp khoảng cách giữa trí tuệ cổ xưa và những thách thức hiện đại, khiến viện trở thành một học viện quan trọng cho những người muốn nghiên cứu sâu về Phật giáo.

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
tại Viện Quốc tế Nāgānanda.[19]

3.4. Học Viện Phật Giáo Quốc Tế Sri Lanka (Cơ Sở Siba)

Học viện Phật giáo Quốc tế Sri Lanka, thường được gọi là Cơ sở SIBA, là một học viện uy tín tọa lạc tại Kandy, Sri Lanka, chuyên nghiên cứu nâng cao, truyền bá kiến thức và giáo dục Phật giáo. Học viện kết hợp giáo lý Phật giáo truyền thống với các ngành học thuật hiện đại,

19. Nguồn: https://niibsbookstore.com/faculty-of-humanities-and-social-sciences/

trở thành trung tâm độc đáo cho cả nghiên cứu tôn giáo và thế tục.

Tổng quan

Được thành lập với mục đích thúc đẩy các nguyên lý Phật giáo và nuôi dưỡng sự hiểu biết sâu sắc hơn về Phật giáo trên toàn cầu, Cơ sở SIBA hoạt động dưới sự bảo trợ của Sri Dalada Maligawa (Đền thờ Xá lợi Răng Phật), một trong những nơi được tôn kính nhất ở Sri Lanka. Học viện tọa lạc trong một môi trường yên tĩnh thuận lợi cho việc học tập và thiền định, được trang bị các cơ sở vật chất hiện đại để hỗ trợ các chương trình giáo dục của mình. SIBA thu hút nhiều sinh viên từ khắp nơi trên thế giới, thể hiện cam kết của học viện đối với sự hợp tác quốc tế và sự hiểu biết giữa các nền văn hóa.

Học viện Phật giáo quốc tế Kandy, Sri Lanka.[20]

Chương trình học thuật

SIBA cung cấp nhiều chương trình được thiết kế để

20. Nguồn: https://bizenglish.adaderana.lk/three-new-degree-to-siba-campus/

đáp ứng nhiều nhu cầu giáo dục khác nhau, từ chương trình đại học đến nghiên cứu sau đại học:

- Bằng cử nhân: Bao gồm các chương trình chuyên ngành về nghiên cứu Phật giáo, tiếng Pali, triết học, v.v., kết hợp các giáo lý truyền thống với các môn học đương đại.
- Bằng thạc sĩ: Các chương trình học nâng cao tại SIBA bao gồm các chương trình Thạc sĩ về Phật học, nghiên cứu tôn giáo và các lĩnh vực liên quan, tập trung vào nghiên cứu chuyên sâu và học bổng.
- Chương trình Tiến Sĩ: Đối với những học giả muốn theo đuổi sự nghiệp học thuật hoặc nghiên cứu cấp cao, SIBA cung cấp các chương trình Tiến Sĩ về triết học Phật giáo và các nghiên cứu liên ngành liên quan đến tôn giáo so sánh.
- Các khóa học cấp bằng và chứng chỉ: Các chương trình này lý tưởng cho những cá nhân tìm kiếm kiến thức cơ bản hoặc chuyên sâu mà không cần cam kết theo yêu cầu của bằng cấp đầy đủ.

Thông tin liên hệ

- Địa chỉ: Học viện Phật giáo quốc tế Sri Lanka, Pallekele, Kundasale, Kandy, Sri Lanka.
- Điện thoại: +94 81 24 21 693
- Email: info@siba.edu.lk
- Trang web: http://www.siba.edu.lk

  www.sibacampus.com

Mặt trước của Khoa Phật Học, Trường Sri Lanka International Buddhist Academy, Kandy.[21]

3.5. Viện Hậu-Đại Học Của Nghành Pali và Phật Học

Viện Sau-đại học về môn Pali và Phật học (PIPBS) là một học viện nổi tiếng tại Sri Lanka, chuyên nghiên cứu và học tập nâng cao về Pali và Phật học. Học viện là một phần không thể thiếu của Đại học Kelaniya và được công nhận vì những đóng góp học thuật của mình cho lĩnh vực nghiên cứu Phật học.

Tổng quan

Được thành lập để thúc đẩy và nâng cao việc nghiên cứu tiếng Pali, ngôn ngữ của kinh Phật Theravāda và nghiên cứu Phật giáo, viện này tọa lạc gần Đại học Kelaniya, Sri Lanka. Viện này nhằm mục đích cung cấp sự hiểu biết sâu

21. Nguồn: https://www.srilanka.travel/buddhist-places/learning-buddhism.php

sắc về giáo lý, triết học và lịch sử Phật giáo thông qua quá trình nghiên cứu học thuật nghiêm ngặt. Viện thu hút sinh viên và học giả từ khắp nơi trên thế giới, đóng vai trò là trung tâm cho sự xuất sắc về học thuật và đối thoại liên văn hóa về Phật giáo.

Viện Hậu-đại học về Pali và Nghiên cứu Phật giáo
Postgraduate Institute of Pali and Buddhist Studies.[22]

Chương trình học thuật

PIPBS cung cấp nhiều chương trình học thuật sau đại học được thiết kế để đáp ứng nhu cầu của sinh viên muốn tìm hiểu sâu hơn về Phật giáo và tiếng Pali:

- Thạc sĩ Nghệ thuật (MA) về Nghiên cứu Phật giáo: Trường cung cấp chương trình đào tạo toàn diện về triết học, đạo đức và lịch sử Phật giáo, nhấn mạnh vào tư duy phản biện và nghiên cứu.
- Thạc sĩ Triết học (MPhil) và Tiến Sĩ Triết học (PhD): Các bằng cấp nghiên cứu này bao gồm

22. Nguồn: pgipbs.kln.ac.lk

nghiên cứu chuyên sâu và độc đáo trong các lĩnh vực như học thuyết Phật giáo, ngôn ngữ Pali và tôn giáo so sánh. Mục đích thiết kế cho những sinh viên muốn đóng góp những hiểu biết mới cho lĩnh vực này.

- Văn bằng hậu-đại học về Nghiên cứu Phật học: Đây là chương trình kéo dài một năm dành cho những ai muốn có kiến thức về Phật học mà không phải cam kết theo học chương trình Thạc sĩ toàn thời gian.
- Các khóa học cấp chứng chỉ: Các khóa học ngắn hạn cung cấp phần giới thiệu về ngôn ngữ Pali và nghiên cứu Phật giáo, phù hợp với người mới bắt đầu hoặc những người muốn mở rộng kiến thức của mình trong các lĩnh vực cụ thể.

Thông tin liên hệ

- Địa chỉ: Viện sau đại học Pali và Phật học, Bulugaha Junction, Kelaniya
- Điện thoại: +94113051085 | +94112809322
- Email: pgipbs@sltnet.lk
- Trang web: https://pgipbs.kln.ac.lk/

Mặt trước của Viện nghiên cứu sau đại học Pali và Phật Học (PGIPBS), Đại học Kelaniya.[23]

3.6. Thông Tin Liên Hệ Chi Tiết Cho Tất Cả Các Viện Hậu-Đại Học Của Các Trường Phật Học Sri Lankan

3.6.1. Đại Học Kelaniya

- Khoa: Khoa Nhân văn
- Khoa: Khoa Pali và Phật học
- Viện Hậu-đại học: Viện Hậu-đại học Pali và Phật giáo
- Chương trình: Thạc sĩ, Tiến Sĩ về Phật học; Các

23. Nguồn: https://www.linkedin.com/posts/rumeshi-diwyanjalee-987143282_opening-ceremony-of-the-postgraduate-institute-activity-7159566935972573184-3XTr/

khóa học cấp bằng Hậu-đại học và chứng chỉ

- Liên hệ: Kelaniya, Sri Lanka; +94 (0112) 903 952; +94 (0112) 903 953, https://fgs.kln.ac.lk/

3.6.2. Trường Đại Học Phật Giáo và Pali Homagama

- Các chương trình: Cử nhân, Thạc sĩ, Tiến Sĩ, Tiến Sĩ Phật học; Các khóa học cấp bằng và chứng chỉ
- Liên hệ: Thị trấn Pitipana, Homagama, Sri Lanka; +9411-2580609; Email: fgs@bpu.ac.lk

3.6.3. Trường Đại Học Sri Jayewardenepura, Nugegoda

- Các chương trình: Thạc sĩ, Tiến Sĩ Phật học
- Liên hệ: Gangodawila, Nugegoda, Sri Lanka; +94 11 288 1558; boshu.fgs@sjp.ac.lk

3.6.4. Trường Đại Học Colombo

- Các chương trình: Thạc sĩ, Tiến Sĩ, Tiến Sĩ Phật học
- Liên hệ: Colombo 03, Sri Lanka; +94 112 581 835; https://cmb.ac.lk/post Graduate-programmes

Các Tu Viện và Trung Tâm Thiền Ở Sri Lanka

Sri Lanka nổi tiếng với việc thực hành các phương pháp thiền Theravāda, và có nhiều tu viện và trung tâm thiền trong rừng sâu, cung cấp các điều kiện thuận lợi cho các hoạt động tâm linh của các hành giả, thiền giả trong và ngoài nước. Các nhà Sư, Nữ tu và Cư sĩ Phật giáo đang thực hành thiền trong các tu viện trong rừng. Những tu viện này đóng vai trò chính trong việc nuôi dưỡng chánh niệm và thực hành giáo lý Phật giáo. Đây là nơi trú ẩn cho những ai muốn đào sâu kiến thức về giáo lý Phật giáo và thực hành thiền trong một môi trường chánh niệm. Các tổ chức này thường phục vụ cho nhiều hành giả, từ bắt đầu đến những thiền giả có kinh nghiệm, cung cấp nhiều chương trình khác nhau bao gồm các khóa tu thiền, các bài giảng Phật Pháp và các hoạt động tâm linh khác. Kỷ luật của tu viện và lịch trình hàng ngày được thiết kế để nuôi dưỡng nghiêm túc chánh niệm và tỉnh thức theo

lời dạy của Đức Phật.

4.1. Na Uyana Aranya

Vị trí: Nằm giữa những khu rừng tươi tốt của Quận Kurunegala ở Sri Lanka, Na Uyana Aranya mang đến một môi trường thanh bình và lý tưởng cho việc thiền định và thực hành tâm linh. Tu viện trải dài trên một khu rừng rộng lớn, mang đến bối cảnh thiên nhiên tươi mát, giúp nâng cao trải nghiệm thiền định.

Tổng quan: Na Uyana Aranya là một trong những tu viện trong rừng lớn nhất ở Sri Lanka, dành riêng cho việc thực hành và giảng dạy Phật giáo Nguyên thủy. Nơi đây thu hút một nhóm hành giả đa dạng từ khắp nơi trên thế giới, bao gồm cả tu sĩ và cư sĩ. Trung tâm được đánh giá cao vì duy trì kỷ luật tu viện nghiêm ngặt và bầu không khí tĩnh lặng thuận lợi cho nhập định tầng thiền sâu.

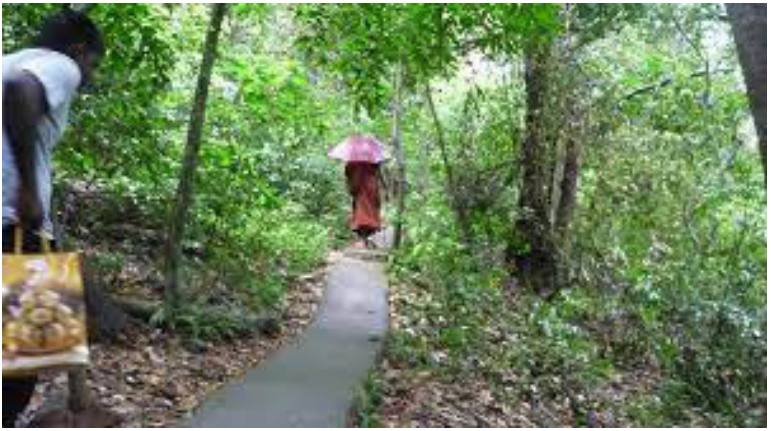

Đường về Trường thiền Na Uyana Monastery.[24]

24. Nguồn: https://www.tripadvisor.in/Attraction_Review-g2202501-d4292235-Reviews-Na_Uyana_Monastery-Melsiripura_North_Western_Province.html

Chương trình Thiền:

Vipassana (Thiền Minh Sát): Na Uyana Aranya cung cấp các khóa tu thiền Vipassana chuyên sâu do các thiền sư giàu kinh nghiệm hướng dẫn. Các khóa tu này tập trung vào việc phát triển chánh niệm và chánh định, hướng dẫn các hành giả thực hành một loạt các kỹ thuật thiền, khám phá bản chất của vô thường, đau khổ và vô ngã. Phương pháp thực hành này bắt nguồn từ Kính Tứ Niệm Xứ (Satipatthana Sutta), văn bản nền tảng của thiền chánh niệm trong Phật giáo Nguyên thủy.

Metta (Từ bi quán): Bên cạnh Minh sát tuệ (Vipassana), thiền viện cũng nhấn mạnh vào việc tu tập Metta, hay từ bi quán. Thực hành này bao gồm việc phát triển những cảm xúc tích cực vô điều kiện đối với tất cả chúng sinh. Đây là một thực hành bổ sung cho thiền minh sát Vipassana, nhằm mục đích làm dịu tâm trí và mở rộng trái tim yêu thương, hỗ trợ cho sự sâu sắc của trí tuệ.

Lịch trình hàng ngày: Thời khóa hàng ngày tại Na Uyana Aranya được xây dựng để hỗ trợ cho việc thực hành nghiêm ngặt, bao gồm:

- Các buổi thiền sáng sớm bắt đầu trước khi bình minh.
- Ngồi thiền theo nhóm và cá nhân trong suốt cả ngày.
- Các khoảng thời gian dành riêng cho thiền hành để cân bằng với việc ngồi thiền căng thẳng.
- Các buổi pháp đàm và thảo luận về Phật pháp được tổ chức thường xuyên để hiểu sâu hơn về giáo lý Phật giáo.

- Các buổi tối bao gồm tụng kinh và thiền định thêm cho đến tận đêm khuya.

Chư tăng rời cốc đi khất thực.[25]

Chỗ ở và Tiện nghi: Các hành giả được cung cấp chỗ ở đơn giản và khiêm tốn như tánh cách khổ hạnh của đời sống tu viện trong rừng. Các kutis (thất bằng lều) thường nằm rải rác khắp khu rừng, mang đến sự tĩnh lặng và ít phiền nhiễu. Các thiền thất được thiết kế để hỗ trợ cuộc sống giản dị và buông bỏ, khuyến khích các thiền sinh tập trung hoàn toàn vào mục đích nội tâm của họ.

Cộng đồng và Môi trường: Cộng đồng tại Na Uyana Aranya luôn hỗ trợ cho sự phát triển tâm linh. Môi trường là nơi tôn trọng lẫn nhau và chuyên tâm tu tập. Hạn chế giao tiếp ở mức tối thiểu để duy trì sự chuyên tu tĩnh tâm.

Na Uyana Aranya đại diện cho sự cam kết thực hành thiền truyền thống theo lời dạy của Đức Phật. Nơi đây mang đến cơ hội độc đáo để chuyển hóa sâu sắc bản thân trong truyền thống tu viện rừng cổ xưa của Sri Lanka.

4.2. Thiền viện Nissarana Vanaya

Địa điểm: Nissarana Vanaya, còn được gọi là Mitirigala Forest Hermitage, tọa lạc tại Quận Colombo của Sri Lanka. Thiền viện nổi tiếng trong nhiều thập kỷ này tọa lạc trong một khu rừng yên tĩnh, mang đến môi trường hoàn hảo cho việc thiền định sâu sắc và nội tỉnh nhất tâm, dành cho các hành giả một lòng muốn đạt thiền và chứng ngộ.

Tổng quan: Nissarana Vanaya là một tu viện trong rừng được tôn kính, là trung tâm của đời sống tu hành và thiền định Phật giáo trong nhiều thập kỷ. Được thành lập

25. Nguồn: https://nauyana.org/na-uyana-english/

với tầm nhìn cung cấp một môi trường nghiêm ngặt và biệt lập cho việc thực hành Dhamma nghiêm túc, nơi đây tuân thủ theo truyền thống Phật giáo Theravāda. Tu viện này nổi tiếng với cách tiếp cận có kỷ luật đối với đời sống tu hành và thiền định, thu hút cả các nhà sư trong nước và quốc tế cũng như các học viên tại gia nghiêm túc muốn nâng cao việc thực hành của mình.

Đường thiền hành chánh niệm tại Nissarana Vanaya.[26]

Các chương trình thiền:

• **Vipassana (Thiền minh sát):** Trọng tâm chính tại Nissarana Vanaya là thiền Vipassana, như được dạy trong truyền thống Theravāda. Các kỹ thuật thiền được thực hành ở đây dựa trên Tứ Niệm Xứ (Satipatthana Sutta), nhấn mạnh vào chánh niệm và sự tập trung để phát triển sự hiểu biết sâu sắc về bản chất của thực tại. Các hành giả được hướng dẫn thông qua các buổi thiền chuyên sâu, để quán chiếu ba đặc điểm của sự tồn tại: vô thường, khổ và vô ngã.

26. Nguồn: https://www.nissarana.lk/meditate-with-us/retreats/

• **Các khóa tu thiền:** Nissarana Vanaya cung cấp các khóa tu thiền có thể kéo dài từ vài tuần đến vài tháng, tùy thuộc vào sự cam kết và khả năng của thiền giả. Các khóa thiền này được thiết kế để đắm mình vào thiền định, với sự hướng dẫn của các nhà sư giàu kinh nghiệm, thâm sâu về Giáo pháp.

Khất thực.[27]

Lịch trình hàng ngày: Thói quen hàng ngày tại Nissarana Vanaya được xây dựng để hỗ trợ cho việc thực hành thiền chuyên sâu:

- Các buổi thiền trước bình minh bắt đầu từ sáng sớm.
- Các buổi thiền nhóm theo lịch trình trong suốt cả ngày, bổ sung cho thời gian thực hành cá nhân.
- Các khoảng thời gian thiền đi bộ để cân bằng với việc thực hành thiền ngồi chuyên sâu.
- Các buổi thuyết pháp thường xuyên để cung cấp hướng dẫn và cảm hứng, thường do các nhà sư

27. Nguồn: https://www.nissarana.lk/about-us/

thâm niên của tu viện thực hiện.

- Các buổi tụng kinh và thiền buổi tối tiếp tục tập trung vào sự phát triển tâm linh.

Chỗ ở và Tiện nghi: Nissarana Vanaya cung cấp chỗ ở khiêm tốn và tiện dụng, phản ánh lối sống khắc khổ của các nhà sư trong rừng. Các học viên ở trong các kutis (tịnh thất, lều) riêng lẻ rải rác khắp khu rừng, đơn giản và cung cấp sự tĩnh lặng cần thiết để thiền định. Các cơ sở được thiết kế để giảm thiểu sự xao nhãng và thúc đẩy cuộc sống tập trung vào việc thực hành tâm linh.

Giảng đường giữa rừng cây thanh tịnh.[28]

4.3. Trung Tâm Thiền Kanduboda Siyane Vipassana

Địa điểm: Trung tâm Thiền Kanduboda Siyane Vipassana tọa lạc tại Delgoda, một thị trấn thanh bình ở Tỉnh phía Tây của Sri Lanka. Trung tâm tọa lạc trong một môi trường yên tĩnh hỗ trợ thiền sâu và nội tâm, tránh xa sự hối hả và nhộn nhịp của cuộc sống đô thị.

Tổng quan: Được thành lập để thúc đẩy và giảng dạy

28. Nguồn: https://www.nissarana.lk/

thực hành Thiền Minh sát Vipassana do Đại sư Mahasi Sayadaw giảng dạy, Trung tâm Thiền Kanduboda Siyane Vipassana là một trong những trung tâm thiền hàng đầu tại Sri Lanka dành riêng cho truyền thống Phật giáo Nguyên thủy. Trung tâm được công nhận vì cách tiếp cận có cấu trúc đối với thiền, phục vụ cho cả người mới bắt đầu và những thiền sinh dày dạn kinh nghiệm.

Các nhà sư tại Trung tâm Thiền Vipassana Kanduboda Siyane.[29]

Các chương trình thiền:

29. Nguồn : https://www.asiamantra.com/packages/kanduboda-siyane-vipassana-meditation-centre-kanduboda

- **Kỹ thuật Thiền Vipassana của Mahasi Sayadaw:** Trung tâm chuyên về kỹ thuật Mahasi Sayadaw, nhấn mạnh vào việc thực hành chánh niệm và ghi nhận như một phương pháp để phát triển sự hiểu biết sâu sắc về bản chất của các hiện tượng. Kỹ thuật này bao gồm sự quan sát liên tục và tỉ mỉ đến các cảm giác, suy nghĩ và cảm xúc về mặt thể chất, tạo điều kiện cho sự hiểu biết sâu sắc về ba đặc điểm của sự tồn tại: vô thường, đau khổ và vô ngã.
- **Các khóa tu thiền có cấu trúc:** Trung tâm Thiền Vipassana Kanduboda Siyane cung cấp các khóa tu có thời lượng khác nhau, tạo cơ hội cho việc thực hành sâu sắc và bền bỉ. Các khóa tu này được thiết kế để phù hợp với những người ở các giai đoạn khác nhau trong hành trình thiền của họ, từ những người mới bắt đầu tìm kiếm sự giới thiệu về những điều cơ bản của Thiền minh sát (Vipassana), đến những người thực hành nâng cao muốn đào sâu việc thực hành của mình trong một môi trường hỗ trợ và kỷ luật.

Thiền định.[30]

Lịch trình hàng ngày: Thời khóa hàng ngày tại trung tâm rất chuyên sâu, khuyến khích các thiền sinh đắm mình hoàn toàn vào quá trình thực hành:

- Các buổi thiền sáng sớm bắt đầu từ lúc bình minh.
- Nhiều buổi thiền nhóm trong ngày để duy trì quá trình thực hành và động lực liên tục.
- Các khoảng thời gian thực hành thiền cá nhân cho phép suy ngẫm cá nhân và tập trung sâu hơn.
- Thiền đi bộ để cân bằng bản chất ít vận động của thiền ngồi và nuôi dưỡng chánh niệm trong chuyển động.
- Các buổi thảo luận buổi tối và các bài pháp thoại về Phật pháp cung cấp hướng dẫn và hiểu biết sâu sắc về thực hành thiền và giáo lý Phật giáo.
- Các buổi tối để thiền sâu hơn, củng cố quá trình thực hành và hiểu biết sâu sắc trong ngày.

Chỗ ở và Tiện nghi: Chỗ ở tại Trung tâm Thiền Vipassana Kanduboda Siyane khiêm tốn và được thiết kế để hỗ trợ lối sống thiền định. Các học viên ở trong những căn phòng đơn giản hoặc kutis cung cấp sự riêng tư và yên tĩnh cần thiết để thiền chuyên sâu. Trung tâm được trang bị các tiện nghi cơ bản để đảm bảo một kỳ nghỉ thoải mái trong khi vẫn duy trì bầu không khí thuận lợi cho việc thực hành tâm linh.

Cộng đồng và Hỗ trợ: Cộng đồng tại Kanduboda tập trung vào thiền định và phát triển tâm linh. Môi trường

30. Nguồn: https://www.asiamantra.com/packages/kanduboda-siyane-vipassana-meditation-centre-kanduboda

là nơi tôn trọng lẫn nhau và nỗ lực chung hướng đến sự giác ngộ. Các Thiền sư giàu kinh nghiệm và những người bạn đồng tu cung cấp sự hỗ trợ và hướng dẫn, tạo nên bầu không khí thuận lợi cho việc tập thiền và tiến bộ về mặt tâm linh.

Trung tâm Thiền Vipassana Kanduboda Siyane vẫn là một cơ sở quan trọng đối với những ai muốn khám phá và thực hành thiền Vipassana theo truyền thống của Mahasi Sayadaw. Các chương trình rõ rang và môi trường hỗ trợ của trung tâm khiến nơi đây trở thành điểm đến được săn đón đối với cả những thiền giả trong nước và quốc tế cống hiến cho con đường giác ngộ.

Toàn cảnh Trung tâm Thiền Kanduboda Siyane Vipassana.[31]

4.4. Tu Viện Kudumbigala: Nơi ẩn náu của sự thanh thản và thực hành tâm linh

Vị trí: Tu viện Kudumbigala nằm trong vùng hoang

31. Nguồn: https://www.asiamantra.com/packages/kanduboda-siyane-vipassana-meditation-centre-kanduboda

dã thanh bình cách Panama mười một dặm và cách Làng Kumana mười bảy dặm, thuộc Quận Colombo của Sri Lanka. Tu viện lịch sử này nằm giữa những khu rừng rậm rạp, mang đến nơi ẩn dật yên tĩnh tránh xa những thành phố nhộn nhịp.

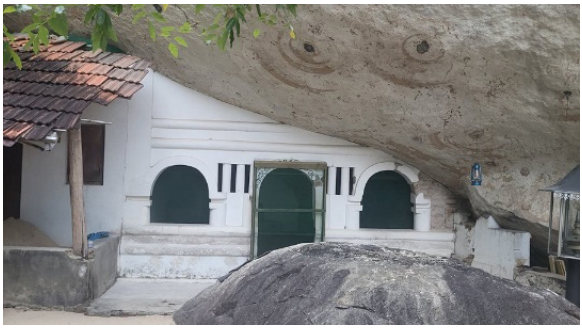

Hang đá ẩn tu Kudumbigala.[32]

Bối cảnh lịch sử: Được thành lập vào năm 246 trước Công nguyên dưới thời trị vì của Vua Devanampiyatissa, Tu viện Kudumbigala ban đầu được hình thành như một nơi ẩn dật cho các nhà sư Phật giáo tìm kiếm sự tĩnh lặng, khỏi cuộc sống đô thị. Khu phức hợp này là một kỳ quan khảo cổ, nơi có hơn 200 hang động đá đã được các nhà sư sử dụng trong nhiều thế kỷ để thiền định và cư trú. Việc phát hiện ra các dòng chữ khắc bằng chữ Brahmi và các hiện vật khác trong hang động Maha Sudharshana Lena cho thấy nguồn gốc cổ xưa của tu viện và việc thành lập nơi này như một Aranya Senasana (ẩn thất trong rừng) vào thời kỳ tiền Cơ đốc giáo. Đáng chú ý, Maha Sudharshana Lena trong lịch sử đã được Nandimitra, một trong mười chiến binh khổng lồ của Vua Dutugemunu, tặng cho các vị A-la-hán, đánh dấu nơi đây là một địa điểm có giá trị tinh thần và lịch sử quan trọng.

Thời kỳ hỗn loạn: Sự tồn tại yên bình của tu viện đã bị phá vỡ vào năm 1994 khi nó trở thành nạn nhân của cuộc xung đột sắc tộc, dẫn đến việc thiền viện bị bỏ hoang sau vụ thảm sát 17 thường dân ở Panama gần đó của LTTE. Thiền viện vẫn không có người ở và bị lãng quên cho đến khi kết thúc cuộc xung đột dân sự vào năm 2009, trở thành biểu tượng đơn độc của những thách thức mà nền văn minh Sinhalese phải đối mặt.

Sự trỗi dậy và Thực hành Tâm linh: Sau năm 2009, Kudumbigala đã được hồi sinh như một trung tâm thực

32. Nguồn: https://www.tripadvisor.in/Attraction_Review-g3348959-d5995999-Reviews-Kudumbigala_Monastery-Arugam_Bay_Eastern_Province.html

hành tâm linh. Thiền viện hiện là nơi tu tập của khoảng 15 nhà sư sống trong sự cô lập tự nguyện, theo đuổi sự giác ngộ thông qua các thời khóa thiền định nghiêm ngặt. Những nhà sư này không tuân theo bất kỳ quy tắc nghiêm ngặt hoặc sự quản lý bên ngoài nào, cho phép các ngài tự do khám phá con đường tâm linh của mình một cách độc lập.

Đời sống và môi trường tu viện: Môi trường của tu viện hoàn toàn phù hợp cho việc thiền định và theo đuổi tâm linh. Các nhà sư sống trong các thất bằng lều (kutis) nằm dưới những tảng đá khổng lồ hoặc trong các hang động biệt lập nằm rải rác khắp khu rừng xung quanh. Khu vực này nổi tiếng với những tảng đá cao chót vót và những con đường rừng rậm rạp dẫn lên đỉnh, nơi các nhà sư và du khách có thể trải nghiệm sự bình yên sâu sắc và nội tâm. Hành trình lên đỉnh là một trải nghiệm thiền định tự thân, được làm nổi bật bởi vẻ đẹp tự nhiên và ý nghĩa lịch sử và tâm linh của cảnh quan.

Tháp trụ tròn Kudumbigala.[33]

33. Nguồn: https://www.hideawayarugambay.com/explore/kudumbigala-monastery.html

Tương tác và giáo lý cộng đồng: Mặc dù sống ẩn dật, các nhà sư thỉnh thoảng vẫn tương tác với những người tại gia, đặc biệt là trong các bài giảng về Phật pháp và khi nhận đồ cúng dường từ dân làng. Một hội trường nhỏ bên cạnh ngôi tháp hình trụ cổ kính—là ngôi chùa duy nhất còn sót lại ở Sri Lanka—được dùng làm không gian chung để ăn uống và thỉnh thoảng thuyết giảng. Tuy nhiên, những tương tác này bị hạn chế vì các nhà sư ưu tiên thực hành tâm linh cá nhân và đạt được trí tuệ cao hơn trước khi thuyết giảng hoặc giảng dạy.

Di sản văn hóa và tâm linh: Kudumbigala tiếp tục là một địa điểm tâm linh quan trọng, bảo tồn các truyền thống khổ hạnh của đời sống tu viện Phật giáo. Nơi đây cung cấp cái nhìn độc đáo về cuộc sống thiền định và theo đuổi tâm linh đã diễn ra liên tục trong hơn hai thiên niên kỷ, ngoại trừ những lần gián đoạn ngắn ngủi. Tu viện vẫn là minh chứng cho sự kiên cường và tinh thần bền bỉ của đời sống tu viện Phật giáo ở Sri Lanka, thu hút những người muốn trải nghiệm bầu không khí yên tĩnh và huyền bí của nơi này.

4.5. Labunoruwa Aranya Senasanaya: Nơi ẩn náu cho sự chiêm nghiệm tâm linh

Địa điểm: Labunoruwa Aranya Senasanaya tọa lạc tại một khu vực biệt lập ở Quận Anuradhapura của Sri Lanka, được bao quanh bởi khu rừng rậm rạp và sự yên tĩnh tự nhiên. Vị trí xa xôi này khiến nơi đây trở thành nơi ẩn dật lý tưởng cho các nhà sư và cư sĩ tìm kiếm một môi trường yên bình để thiền sâu và thực hành tâm linh.

Tổng quan: Labunoruwa Aranya Senasanaya nổi tiếng với cam kết theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy, nhấn mạnh vào sự giản dị và khổ hạnh. Được thành lập như một ẩn thất cho những người muốn thực hành thiền định tránh xa những phiền nhiễu của cuộc sống hàng ngày, nơi đây cung cấp một môi trường hỗ trợ cho sự phát triển cá nhân và tâm linh.

Tu viện Labunoruwa Aranya Senasanaya.[34]

Thực hành tâm linh và Thiền định: Trọng tâm chính tại Labunoruwa Aranya Senasanaya là thiền định, đặc biệt là Vipassana (thiền Minh sát tuệ) và Metta (từ bi quán). Những thực hành này là trọng tâm trong thời khóa hàng ngày của các nhà sư, nuôi dưỡng sự hiểu biết sâu sắc về giáo lý Phật giáo và tạo điều kiện cho sự tiến bộ hướng đến giác ngộ.

Đời sống tu viện: Các nhà sư tại Labunoruwa Aranya

34. Nguồn: https://www.hideawayarugambay.com/explore/kudumbigala-monastery.html

Senasanaya sống trong kutis, những túp lều nhỏ nằm rải rác khắp khu rừng, nơi cung cấp sự tĩnh lặng cần thiết cho việc thiền định. Lịch trình hàng ngày bao gồm các khoảng thời gian thiền định, tụng kinh và quán chiếu cá nhân. Các nhà sư cũng tham gia thiền hành trên những con đường được đào xuyên qua khu rừng để thực hành chánh niệm trong chuyển động.

Tương tác cộng đồng: Tương tác trong cộng đồng là rất ít, duy trì sự tĩnh lặng và cô độc cần thiết cho việc thiền định. Tuy nhiên, thỉnh thoảng tu viện mở cửa cho những người tại gia tìm kiếm sự hướng dẫn tâm linh hoặc nơi ẩn dật khỏi thế giới trần tục. Những hành giả này được chào đón vào cộng đồng thiền để tham gia các buổi thiền định và nhận được lời dạy từ các thiền sư cao cấp.

Giáo dục và tiếp cận tâm linh: Mặc dù chủ yếu tập trung vào đời sống tu viện, Labunoruwa Aranya Senasanaya cũng đóng góp cho cộng đồng Phật tử rộng lớn hơn thông qua các chương trình giáo dục và tiếp cận tâm linh. Các chương trình này nhằm mục đích giáo dục công chúng về các giới luật Phật giáo và việc thực hành thiền định. Ngoài ra, tu viện đôi khi tổ chức các hội thảo và khóa tu cho thiền sinh tại gia và xuất gia sĩ, dưới sự hướng dẫn của các thiền sư giàu kinh nghiệm.

Bảo tồn môi trường và truyền thống: Tu viện không chỉ dành riêng để bảo tồn các truyền thống tâm linh của Phật giáo mà còn cả môi trường tự nhiên xung quanh. Cam kết này được phản ánh trong cách sống thiền môn của các nhà sư, phù hợp chặt chẽ với các nguyên tắc bảo tồn môi trường. Các ngài bảo vệ rừng và sự đa dạng sinh học của cây cối, coi thế giới tự nhiên là một phần không thể thiếu trong quá trình thực hành tâm linh của thiền viện.

Nơi ẩn dật tâm linh: Labunoruwa Aranya Senasanaya vẫn là ngọn hải đăng cho những ai muốn đào sâu hiểu biết của mình về Phật giáo và về bản thân họ. Bối cảnh biệt lập của nó, kết hợp với sự tận tụy với các hoạt động Phật giáo truyền thống, khiến nơi đây trở thành một nơi độc đáo và được tôn kính đối với những ai tìm kiếm tâm linh từ Sri Lanka.

Tịnh thất ẩn cư Labunoruwa Aranya Senasanaya.[35]

35. Nguồn : https://amazinglanka.com/wp/kudumbigala/

Chương
5

Sự Phục Hồi Của Giáo Đoàn Tỳ Kheo Ni và Các Ni Viện

5.1. Tổng Quan Lịch Sử

Lịch sử của giáo đoàn Tỳ-kheo-ni (Nữ tu) ở Sri Lanka có từ thế kỷ thứ III trước Công nguyên, dưới thời trị vì của Vua Devanampiyatissa (250 - 210 trước Công nguyên). Thánh Tăng Mahinda Thera, con trai của Hoàng đế A-dục (Ashoka), Ấn Độ, đã mang Phật giáo đến Sri Lanka, và ngay sau đó, chị gái của ngài là công chúa và cũng là Thánh tổ Ni Saṅghamittā Theri đã đến cùng một nhóm Tỳ-kheo-ni ở Ấn Độ đến Sri Lanka. Các ngài thành lập Ni đoàn Tỳ-kheo-ni, truyền giới cho Hoàng hậu Anulā và đoàn tùy tùng của hoàng hậu trở thành những Nữ tu

đầu tiên của Sri Lanka. Sự kiện này đánh dấu sự khởi đầu của giáo đoàn Tỳ-kheo-ni ở Sri Lanka, phát triển mạnh mẽ trong nhiều thế kỷ, đóng góp đáng kể vào sự truyền bá và thực hành Phật giáo trong giới phụ nữ. Theo sử sách Trung Quốc, cách đây 1500 năm, các Tỳ-kheo-ni Sri Lanka đã mang giáo đoàn Tỳ-kheo-ni đến Trung Quốc. Sự kiện này chứng tỏ giáo đoàn Tỳ-kheo-ni mạnh hơn và có ảnh hưởng ở Sri Lanka và các vùng lân cận.

Nguồn gốc và di sản của Giáo đoàn Tỳ-kheo-ni tại Sri Lanka: Sự xuất hiện của Saṅghamittā Theri cùng với Cây Bồ đề thiêng liêng, Thành lập Giáo đoàn Tỳ-kheo-ni và Mở đường cho những đóng góp của phụ nữ cho Phật giáo tại Sri Lanka.[36]

Sau đó, Giáo đoàn Tỳ-kheo-ni đã phải đối mặt với vô số thách thức trong nhiều thế kỷ. Những biến động chính trị, các cuộc xâm lược của nước ngoài và các cuộc xung đột nội bộ đã góp phần làm suy yếu dần mặc dù đã thành công ban đầu tại Sri Lanka. Đến thế kỷ thứ 11, Giáo đoàn

36. https://www.sundaytimes.lk/171203/plus/lankan-bhikkhunis-took-bhikkhuni-sasana-to-the-world-271068.html

Tỳ-kheo-ni gần như biến mất hoàn toàn khỏi Sri Lanka. Việc thiếu các Nữ tu được truyền giới đã dẫn đến việc chấm dứt quá trình truyền giới, vì cả Tăng bộ và Ni bộ đều được yêu cầu phải hiện diện nghi lễ truyền giới cụ túc Tỳ-khe0-ni. Sự suy giảm này trở nên trầm trọng hơn do bối cảnh xã hội và chính trị thay đổi, ngày càng làm giảm vai trò của phụ nữ trong cộng đồng tu viện.

Sự hồi sinh hiện đại của Giáo đoàn Tỳ-kheo-ni (Sīla Māta) tại Sri Lanka bắt đầu vào cuối thế kỷ 20. Những nỗ lực khôi phục dòng truyền thừa đã được khởi xướng bởi cả cộng đồng Phật giáo địa phương và quốc tế. Năm 1996, một cột mốc quan trọng đã đạt được khi một nhóm phụ nữ Sri Lanka được thọ giới Tỳ-kheo-ni cụ túc tại Sarnath, Ấn Độ, với sự hỗ trợ của các ni trưởng Đài Loan. Sự kiện lịch sử này đánh dấu sự tái lập của Ni đoàn Tỳ-kheo-ni tại Sri Lanka. Kể từ đó, nhiều buổi lễ thọ giới đã được tổ chức và một số trung tâm giáo dục Tỳ-kheo-ni đã được thành lập để hỗ trợ việc đào tạo và giáo dục các Nữ tu.

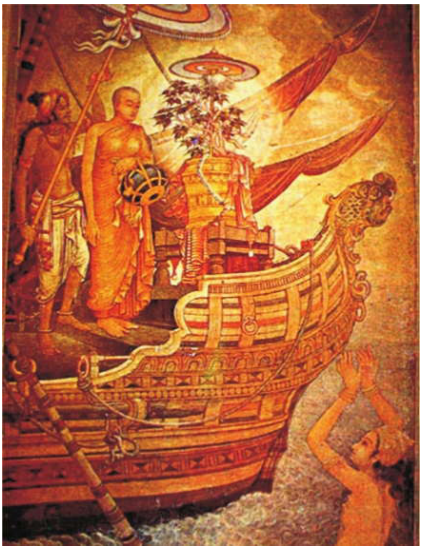

Thánh tổ Ni Saṅghamittā Theri,
con gái Đại đế A-dục, Ấn Độ.[37]

vào ngày 14 tháng 3 năm 1998, Hòa thượng Inamaluwe Sumangala Thero đã tổ chức lễ truyền giới cho Ni giới trên đất Sri Lanka, sự kiện đầu tiên như vậy sau hơn một nghìn năm. Tại Tu viện Rangiri Dambulla, trong cùng một hội trường nơi chư tăng truyền giới, hai mươi hai cựu Nữ tu (dasa sil matas) đã được truyền giới cụ túc Tỳ-kheo-ni 311. Năm vị đại lão Hòa thượng (Tỳ-kheo cao cấp) và quy 1Ni trưởng (Tỳ-kheo-ni Sri Lanka) làm giới sư truyền giới. Các ngài đã truyền giới vào tháng trước tại Bodhgaya và bây giờ là tại Sri Lanka.

Các Nữ tu Sri Lanka.

Từ năm 1998, lễ truyền giới cho Tỳ-kheo-ni diễn ra hàng năm tại Dambulla, Navagula và tại Trung tâm Thiền Dekanduwala ở Horana. Chư Ni có thể được đào tạo tại Trung tâm Thiền và Đào tạo Sakyadhita ở Panadura và tại

37. Thánh tổ Ni Sanghamitta Theri
https://ibhforum.org/the-splendid-mission-of-sangamitta-theri-a-turning-point-for-the-sri-lankan-culture/

Ni viện Ayya Khema Mandir ở Colombo, với các trung tâm đào tạo khác đang trong giai đoạn thanh lập.

Những nỗ lực này đã đóng vai trò quan trọng trong việc phục hồi Giáo đoàn Tỳ-kheo-ni, mang đến cho Ni giới một cơ hội tu tập giữ giới luật cao hơn và góp phần truyền bá Phật giáo.

Giáo đoàn Bhikkhuni, một trong bốn giáo đoàn (Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cư sĩ nam và cư sĩ nữ) do Đức Phật thành lập, đóng vai trò quan trọng trong lịch sử Phật giáo ban đầu. Tuy nhiên, ở Sri Lanka, dòng tu này đã biến mất trong gần một nghìn năm do nạn đói, bệnh tật và những thay đổi xã hội. Chỉ đến cuối thế kỷ 20, những nỗ lực khôi phục lại giáo đoàn mới bắt đầu, đạt đến đỉnh cao là các lễ truyền giới chính thức tại Bodhgaya và Sarnath vào những năm 1990. Bất chấp sự hồi sinh này, các Bhikkhuni vẫn tiếp tục phải đối mặt với những thách thức, bao gồm sự phản kháng từ các nhà sư (Bhikkhu), việc thiếu sự công nhận của chính phủ và sự thiệt thòi của xã hội. Nhiều tu viện phải vật lộn với sự hỗ trợ tài chính và nhiều phụ nữ trẻ thiếu sự khuyến khích để bước vào đời sống tu viện. Tuy nhiên, thông qua sự kiên trì và cống hiến, cộng đồng Bhikkhuni đã dần tái lập, ngày càng tăng về số lượng và ảnh hưởng ở cả Sri Lanka và quốc tế.

Ngoài việc thực hành tâm linh, các Tỳ-kheo-ni còn có những đóng góp đáng kể cho xã hội Sri Lanka hiện đại. Ni giới đóng vai trò tích cực trong giáo dục bằng cách giảng dạy tại các tu viện và trường đại học, thuyết giảng kinh Phật, giới luật và tâm linh cho các Nữ tu trẻ và cư sĩ. Nhiều Tỳ-kheo-ni cũng được đào tạo về tư vấn tâm lý, hỗ trợ phụ nữ gặp khó khăn. Ngoài ra, Ni giới còn tham gia vào công tác xã hội, giúp đỡ người nghèo, cứu trợ thiên tai

và thúc đẩy phúc lợi cộng đồng. Những nỗ lực của Ni giới mở rộng sang đối thoại liên tôn, nơi họ hợp tác với các nhà lãnh đạo tôn giáo để giải quyết các vấn đề xã hội. Bất chấp những thách thức đang diễn ra, giáo đoàn Tỳ-kheo-ni vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ, giúp khôi phục cộng đồng Phật giáo bốn phương và đảm bảo sự phù hợp của cộng đồng này trong xã hội đương đại.

5.2. Chương Trình Giáo Dục Tại Các Trung Tâm Tỳ Kheo Ni Nổi Tiếng Ở Sri Lanka

Trong những năm gần đây, một số trung tâm giáo dục Tỳ-kheo-ni nổi tiếng chuyên đào tạo và giáo dục các Nữ tu Phật giáo đã được thành lập tại Sri Lanka. Các tổ chức này nhằm mục đích cung cấp nền giáo dục học thuật và tâm linh toàn diện, đảm bảo rằng các Tỳ-kheo-ni được trang bị tốt để tham gia vào cả nhiệm vụ tại tu viện và cộng đồng. Các trung tâm đóng vai trò nổi bật trong việc thúc đẩy sự phục hồi và tính bền vững của Ni đoàn Tỳ-kheo-ni, đảm bảo một thế hệ Nữ tu mới được giáo dục và trao quyền.

Các chương trình giáo dục tại các trung tâm này được thành lập kết hợp giáo lý Phật giáo truyền thống với các ngành học thuật hiện đại. Chương trình giảng dạy thường bao gồm:

1. **Triết lý và Đạo đức Phật giáo:** Nghiên cứu chuyên sâu về giáo lý, đạo đức và triết học Phật giáo, tập trung vào truyền thống Theravāda.
2. **Ngôn ngữ Pali và tiếng Phạn:** Đào tạo tiếng Pali, ngôn ngữ của kinh điển Phật giáo Theravāda, và tiếng Phạn, để tạo điều kiện hiểu sâu hơn về các văn bản Phật giáo.

3. **Vinaya (Giới luật):** Hướng dẫn chi tiết về Vinaya, khuôn khổ quy định cho cộng đồng tu viện, điều này rất cần thiết để duy trì kỷ luật và trật tự tu viện.
4. **Thực hành thiền:** Đào tạo nhiều hình thức thiền khác nhau, bao gồm Vipassana (thiền minh sát) và Metta (từ bi quán), để phát triển chánh niệm, sự tập trung và tình yêu thương.
5. **Các môn học hiện đại:** Các khóa học về các môn học hiện đại như tâm lý học, xã hội học và nghiên cứu môi trường, để giúp các Tỳ-kheo-ni giải quyết các vấn đề đương đại và tham gia vào cộng đồng rộng lớn hơn.
6. **Lãnh đạo và dịch vụ cộng đồng:** Các chương trình được thiết kế để phát triển các kỹ năng lãnh đạo và chuẩn bị cho các Tỳ-kheo-ni đảm nhiệm các vai trò trong dịch vụ cộng đồng và tham gia xã hội.

5.3. Các Tỳ Kheo Ni Piriven (Siia Mata) Nổi Bật Ở Sri Lanka

Tổng quan: Tỳ-kheo-ni Piriven (Sila Mata) là các trường tu viện chuyên biệt dành cho các Nữ tu Phật giáo (Bhikkhuni) ở Sri Lanka. Các tổ chức này, được công nhận theo Bộ phận Pirivena của Bộ Giáo dục, cung cấp nền giáo dục tôn giáo và thế tục toàn diện cho các Nữ tu sĩ. Chương trình giảng dạy kết hợp giáo lý Phật giáo truyền thống với các môn học hiện đại, thúc đẩy sự phát triển toàn diện và chuẩn bị cho các Tỳ-kheo-ni đảm nhiệm nhiều vai trò khác nhau trong cộng đồng tu viện và cư sĩ.

Các Tỳ-kheo-ni Piriven nổi tiếng: Sau đây là một số Ni

viện Tỳ-kheo-ni Piriven nổi tiếng ở Sri Lanka:

5.3.1. Sri Subodha Sila Matha Pirivena

Địa điểm: Kandy

Tổng quan: Sri Subodha Sila Matha Pirivena tọa lạc tại thủ đô văn hóa Kandy. Học viện này dành riêng cho việc giáo dục và đào tạo các Tỳ-kheo-ni, cả về mặt tinh thần và học thuật.

Chương trình học:

- Triết lý và đạo đức Phật giáo: Các khóa học về triết lý, đạo đức và giáo lý Phật giáo Nguyên thủy.
- Nghiên cứu tiếng Pali và Phạn: Đào tạo toàn diện về cổ ngữ Pali và Phạn.
- Vinaya (Giới luật tu viện): Nghiên cứu chi tiết về tạng luật (Vinaya Pitaka).
- Thực hành thiền: Các buổi học và khóa tu thường xuyên cho thiền Vipassana và Metta.
- Các môn học hiện đại: Các lớp học tiếng Anh, Công nghệ thông tin và Khoa học xã hội.

Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ: Sri Subodha Sila Matha Pirivena, Kandy, Sri Lanka
- Điện thoại: +94 81 223 3521

5.3.2. Parapaduwa Sila Matha Pirivena

Địa điểm: Dodanduwa

Tổng quan: Parapaduwa Sila Matha Pirivena tọa lạc

tại thị trấn ven biển thanh bình Dodanduwa. Ni viện này nổi tiếng với môi trường kỷ luật và các chương trình học thuật nghiêm ngặt.

Chương trình học thuật:

- Nghiên cứu văn bản Phật giáo: Các khóa học chuyên sâu về kinh điển Phật giáo.
- Đào tạo tu viện: Đào tạo về các hoạt động tu viện và dịch vụ cộng đồng.
- Nghiên cứu ngôn ngữ: Các khóa học tiếng Pali, Sinhala và tiếng Anh.
- Chương trình thiền: Các buổi thiền thường xuyên tập trung vào chánh niệm và chánh định.
- Giáo dục phổ thông: Các môn học như Toán học, Khoa học và Lịch sử.

Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ: Parapaduwa Sila Matha Pirivena, Dodanduwa, Sri Lanka

5.3.3. Gothami Sila Matha Pirivena

Địa điểm: Colombo

Tổng quan: Gothami Sila Matha Pirivena là một học viện giáo dục nổi tiếng dành cho các Tỳ-kheo-ni tại thành phố Colombo nhộn nhịp. Học viện kết hợp giáo dục tu viện truyền thống với các ngành học thuật đương đại.

Chương trình học thuật:

- Nghiên cứu Phật giáo: Các khóa học về triết học, lịch sử và đạo đức Phật giáo.
- Nghiên cứu Luật (Vinaya: Đào tạo chuyên sâu về

Vinaya Pitaka.

- Năng lực ngôn ngữ: Các lớp học bằng tiếng Pali, Sinhala và tiếng Anh.
- Thiền và chánh niệm: Các chương trình có cấu trúc cho các hoạt động thiền và chánh niệm.
- Giáo dục hiện đại: Kết hợp các môn học như Khoa học máy tính, Nghiên cứu môi trường và Tâm lý học.

Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ: Gothami Sila Matha Pirivena, Colombo, Sri Lanka

5.3.4. SAṄGHAMITTĀ SILA MATHA PIRIVENA

Địa điểm: Galle

Tổng quan: Saṅghamittā Sila Matha Pirivena, tọa lạc tại thành phố lịch sử Galle, là một ni viện dành riêng cho việc giáo dục và đào tạo toàn diện cho các Tỳ-kheo-ni. Được đặt theo tên của Thánh tổ Ni Tỳ-kheo-ni Saṅghamittā đáng kính, Pirivena tập trung vào cả sự phát triển về mặt tinh thần và học thuật.

Chương trình học thuật:

- Nghiên cứu Phật học: Các khóa học bao gồm kinh điển, triết học và lịch sử Phật giáo.
- Đào tạo Vinaya: Nghiên cứu chi tiết và thực hành giới luật và kỷ luật tu viện.
- Các khóa học ngôn ngữ: Hướng dẫn bằng tiếng Pali, tiếng Sinhala và tiếng Anh.
- Thiền: Các buổi học và khóa tu thường xuyên cho nhiều hình thức thiền khác nhau.
- Các môn học hiện đại: Các lớp học về các môn

như Khoa học máy tính, Nghiên cứu môi trường và Khoa học xã hội.

Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ: Saṅghamittā Sila Matha Pirivena, Galle, Sri Lanka

5.3.5. Manelwatta Sila Matha Pirivena

Địa điểm: Kelaniya

Tổng quan: Manelwatta Sila Matha Pirivena ở Kelaniya nổi tiếng với môi trường học thuật nghiêm khắc và chú trọng vào giáo lý Phật giáo. Pirivena hướng đến mục tiêu cung cấp nền giáo dục cân bằng, kết hợp kiến thức tâm linh và thế tục.

Chương trình học:

- Triết học Phật giáo: Các khóa học toàn diện về triết học và đạo đức Phật giáo Theravāda.
- Nghiên cứu Pali và Sanskrit: Các khóa học ngôn ngữ nâng cao để hiểu sâu hơn về các văn bản thiêng liêng.
- Luật tạng: Đào tạo về các quy tắc và quy định của tu viện.
- Thực hành thiền: Các buổi tập trung vào các bài tập chánh niệm và tập trung.
- Giáo dục phổ thông: Bao gồm các môn học hiện đại như Toán học, Khoa học và Công nghệ thông tin (It: Information Technolog).

Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ: Manelwatta Sila Matha Pirivena, Kelaniya, Sri Lanka.

5.3.6. Anula Sila Matha Pirivena

Địa điểm: Anuradhapura

Tổng quan: Anula Sila Matha Pirivena, tọa lạc tại thành phố cổ Anuradhapura, chuyên về giáo dục và đào tạo tâm linh cho các Tỳ-kheo-ni. Được đặt theo tên của Tỳ-kheo-ni đầu tiên của Sri Lanka, Pirivena duy trì truyền thống giáo dục tu viện vững chắc.

Chương trình học thuật:

- Nghiên cứu văn bản Phật giáo: Nghiên cứu chuyên sâu về các văn bản và kinh điển Phật giáo.
- Đào tạo Luật (Vinaya): Hướng dẫn chi tiết về kỷ luật tu viện.
- Các khóa học ngôn ngữ: Các lớp học bằng tiếng Pali, Sinhala và tiếng Anh.
- Chương trình thiền: Các buổi học có cấu trúc và khóa tu cho các bài thực hành thiền.
- Giáo dục phổ thông: Bao gồm các môn học như Toán học, Khoa học và Nhân văn.

Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ: Anula Sila Matha Pirivena, Anuradhapura, Sri Lanka
-

5.4. Các Chùa Của Dasa Sila Matha

Ngoài ra còn có một số Ni viện, đặc biệt là ở các vùng nông thôn, cùng với nhiều sa di (Sāmaṇeris) và Dasa Sila Matha (Matas) vẫn giữ mười Giới luật truyền thống (sāmaṇerīs). Đó là cách truyền thống của các Nữ tu Sri

Lanka từ lâu.

Ở Srilanka, khi Giáo đoàn Tỳ-kheo-ni bị đứt đoạn chưa khôi phục, thì các Nữ tu đắp y vẫn ở tu việ và Mười Giới luật được gọi là Dasa Sila Matha hoặc Sila Matha.

Những Dasa Sila Matha này cảm thấy 10 giới luật là đủ cho việc thực hành của họ trong cuộc sống. Họ cảm thấy không cần phải nhận được sự truyền giới đầy đủ của các Nữ tu (bhikkhuni) sẽ tuân thủ 311 quy tắc của bhikkhuni Patimokkha.

Hòa thượng Siri Sumedha Thero, Ni sư T.N. Giới Hương, Sư cô trụ trì Aluthgama Chandima Theri, chư Ni Sri Lanka và Việt Nam.

Chương trình thực hành:

- Tụng kinh hàng ngày: Các buổi tụng kinh buổi sáng và buổi tối và Cúng rằm.

- Chương trình thiền: Các buổi thiền thường xuyên tập trung vào các bài tập chánh niệm và tập trung.
- Giáo dục Phật pháp: Các lớp học về giáo lý Phật giáo và nghiên cứu kinh điển cho người tại gia và ni chúng.
- Giáo dục chung: Đào tạo và giáo dục cho các Nữ tu trẻ.
- Các nghi lễ trong ngày Poya: Các chương trình đặc biệt bao gồm việc tuân thủ Bát giới, các bài pháp thoại về Phật pháp và thiền vào những ngày trăng tròn.

Hòa thượng Siri Sumedha Thero và gia đình, Ni sư T.N. Giới Hương, Sư cô trụ trì Aluthgama Chandima Theri, chư Ni Sri Lanka và Việt Nam.

Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ: [Nhập địa chỉ]
- Điện thoại: 071 679 8680 / 076 784 1109
- Email: aluthgama.chandima@gmail.com, usudammika@gmail.com

5.5. Trung Tâm Đào Tạo Tỳ Kheo Ni

5.5.1. Ni Viện Ayya Khema International Buddhist Mandir

Bia đá của Trung tâm Thiền Quốc tế Ayya Khema (Ayya Khema International Meditation Center).

Địa điểm: Horana, Colombo

Tổng quan: Ayya Khema International Buddhist Meditation Centre là một Ni viện nổi tiếng chuyên đào tạo các Tỳ-kheo-ni tại Sri Lanka do cố Ni trưởng Tiến Sĩ Bhikkuni Kusuma thành lập. Được đặt theo tên của Ni trưởng Ayya Khema (người Đức) nổi tiếng. Ni viện Mandir tập trung vào việc cung cấp nền tảng vững chắc về giáo lý và thực hành Phật giáo. Tọa lạc tại Colombo, nơi

đây mang đến một môi trường thanh bình thuận lợi cho cả việc theo đuổi học thuật và thiền định.

Cố Ni trưởng Kusuma, đã viên tịch, là người Ni đầu tiên trong thời hiện đại được thọ giới Tỳ-kheo-ni cụ túc với tư cách là một Nữ tu Phật giáo trong giáo phái Theravāda. Trung tâm thiền Ayya Khema, an tĩnh tọa lạc trênmột con đường rợp bóng cây xanh ở một ngôi làng tại Ngã tư Batuwitta ở Horana, Sri Lanka, và yên tĩnh và giản dị, với một cây bồ đề nhỏ và Bảo tháp trắng mà các Nữ tu thường trú (hiện tại có hai Nữ tu) dâng cúng hoa thu hoạch từ khu vườn vào buổi sáng và buổi tối hàng ngày. Dù là trung tâm nhỏ nhưng lại đi đầu trong phong trào quốc tế nhằm khôi phục việc thọ giới cụ túc Tỳ kheo ni cho phụ nữ trong Phật giáo.

Tỳ-kheo-ni Ayya Khema và các đệ tử châu Âu.

Các chương trình học thuật:

- Trung tâm cung cấp một loạt các chương trình toàn diện nhằm nuôi dưỡng sự phát triển về trí tuệ và tinh thần của các Tỳ-kheo-ni.
- Nghiên cứu Pali cơ bản và nâng cao: Các chương trình này cung cấp nền tảng vững chắc về Pali, ngôn ngữ của kinh điển Phật giáo Theravāda. Các khóa học trải dài từ trình độ nhập môn đến trình độ nâng cao, đảm bảo hiểu sâu sắc các văn bản.
- Vinaya (giới luật): Hướng dẫn chi tiết về tạng luật (Vinaya Pitaka), tập trung vào các giới và thiền môn quy củ. Chương trình này rất cần thiết để duy trì kỷ luật và sự chính trực trong Ni đoàn Tỳ-kheo-ni.
- Các khóa tu thiền: Các khóa tu thiền định thường xuyên được tổ chức để giúp các Tỳ-kheo-ni phát triển chánh niệm, chánh định và chánh tuệ. Các khóa tu này tuân theo các kỹ thuật thiền Theravāda truyền thống, bao gồm các thực hành thiền minh sát (Vipassana) và từ bi quán (Metta).

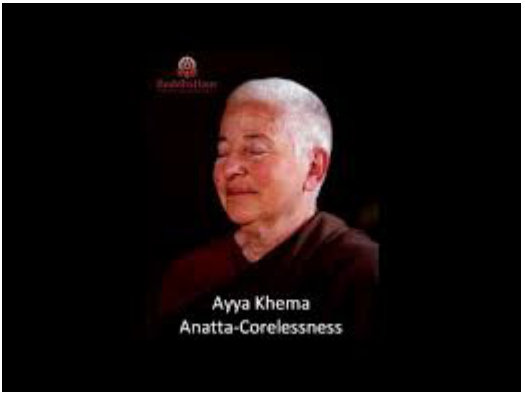

Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ: 37 Batuwita Junction, Olaboduwa, Horana, Sri Lanka
- Điện thoại: +94 (034) 225 3971 / +94 (011) 250 1194/ +94716809247/
- Email: opticoptions@gmail.com
  dilly_weera@hotmail.com
  mettadhathu@gmail.com

5.5.2 Trung Tâm Đào Tạo Tỳ Kheo Ni Dambulla

Hang Phật giáo Dambulla (Dambulla Buddhist Cave)

Địa điểm: Dambulla

Tổng quan: Trung tâm đào tạo Tỳ-kheo-ni Dambulla tọa lạc tại thành phố lịch sử Dambulla, nổi tiếng với những ngôi chùa và hang động Phật giáo cổ kính. Trung tâm này chuyên cung cấp nền giáo dục toàn diện cho các Tỳ-kheo-ni, kết hợp đào tạo học thuật nghiêm ngặt với dịch vụ cộng đồng thiết thực.

Trung tâm đào tạo Tỳ-kheo-ni Dambulla ở Sri Lanka, do Inamaluwe Sumangala thành lập, là một địa điểm quan trọng cho việc khôi phục Ni đoàn Tỳ-kheo-ni Theravāda (cộng đồng các Nữ tu đã thọ giới đầy đủ cụ túc) và là trung tâm truyền giới Tỳ-kheo-ni kể từ năm 1998.

Các chương trình học thuật:

- Trung tâm cung cấp nhiều chương trình được thiết kế để trang bị cho các Tỳ-kheo-ni kiến thức và kỹ năng cần thiết cho cả vai trò lãnh đạo tinh thần và cộng đồng.
- Triết lý Phật giáo: Các khóa học chuyên sâu về giáo lý, đạo đức và triết học Phật giáo, tập trung vào truyền thống Theravāda. Các khóa học này nhằm mục đích thúc đẩy sự hiểu biết sâu sắc về Dhamma.
- Thiền: Các buổi thiền và tĩnh tâm thường xuyên là một phần không thể thiếu của chương trình đào tạo, bao gồm cả các buổi thực hành có hướng dẫn và cá nhân, nhấn mạnh vào chánh niệm và sự sáng suốt.
- Đào tạo dịch vụ cộng đồng: Các chương trình được thiết kế để chuẩn bị cho các Tỳ-kheo-ni đảm nhiệm các vai trò tích cực trong cộng đồng của họ. Đào tạo bao gồm công tác xã hội, tư vấn và các kỹ năng lãnh đạo, giúp Ni giới có thể đóng góp hiệu quả cho xã hội.

Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ: Trung tâm đào tạo Tỳ-kheo-ni Dambulla, Dambulla, Sri Lanka

5.5.3. Trung Tâm Thiền Địa Newgala, Tỳ Kheo Ni Asram Sasanaloka và Trường Sangamiththa Dhamma Sri

Địa điểm: Thị trấn Galigamuwa, Kegalle

Tổng quan: Parapaduwa Sila Matha Pirivena rộng 2,5 mẫu Anh và nằm trên ngọn đồi rợp bóng cây xanh. Ni viện được ghi nhận là tu viện đầu tiên vì được thành lập vào ngày 14 tháng 9 năm 1958. Hòa thượng Tinh Vân (Hsing Yun) của Phật Quang Sơn (Đài Loan) đã tài trợ để mua mảnh đất này cho các Nữ tu.

Trưởng lão A. A. Bhananda, NI sư M.Vijithananda, Ni sư Giới Hương, Tỳ-kheo-ni Tịnh Châu và chư Ni.

Vị trụ trì đầu tiên sáng lập ra ngôi chùa đã qua đời cách đây bảy năm (2017), hiện do Trưởng lão Tỳ-kheo-ni A. A. Bhananda (85 tuổi) làm trụ trì thứ hai. Hiện tại có hai Tỳ-

kheo-ni và sáu nữ sa di (sāmaṇerī) đang tu học.

Mỗi chủ nhật, Trường Sri Sangamiththa Dhamma có 75 học sinh và 10 giáo viên.

Trưởng lão Bhikkhuni A. A. Bhananda, Bhikkhuni M.Vijithananda, Tiến Sĩ Bhikṣuṇī Giới Hương và chư Ni.

Chương trình học thuật:

- Nghiên cứu văn bản Phật giáo: Các khóa học chuyên sâu về kinh Phật.
- Đào tạo tu viện: Đào tạo về các hoạt động tu viện và dịch vụ cộng đồng.
- Nghiên cứu ngôn ngữ: Các khóa học tiếng Pali,

Sinhala và tiếng Anh.

- Chương trình thiền: Các buổi thiền thường xuyên tập trung vào chánh niệm và sự tập trung.
- Giáo dục phổ thông: đào tạo các Nữ tu trẻ và nữ sinh.

Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ: E 11 e Asoka, thị trấn Galigamuwa, Kegalle
- Điện thoại: 035 222 9769

5.5.4.Ni Viện Sri Sunanda Bhikhuni Aramaya

Địa điểm: Alpitiya Galupitamada

Tổng quan: Ngôi chùa có diện tích gần nửa mẫu Anh, ẩn trong hanh đá rất đẹp và được thành lập vào ngày 27 tháng 12 năm 1969 bởi Trưởng lão Bhikkhuni A.A. Bhinanda Theri (85 tuổi). Ni trưởng là một trong những vị Ni sư cao tuổi xuất chúng, trung thành thọ giới theo truyền thống giữ 10 giới (Dasa Sila Mata). Sau hơn 40 năm giữ 10 giới, với sự đồng ý của các vị trưởng lão, Ni trưởng được thọ giới vào năm 2000 tại Phật Quang Sơn, Đài Loan và hiện nay ni trưởng dạy luật Tỳ-kheo-ni cho chư ni.

Chùa hiện tại có 7 Tỳ-kheo-ni và 3 Sa-di-ni đang tập sự tu học tại đây.

Chương trình học thuật và thực hành:

- Nghiên cứu văn bản Phật giáo: Các khóa học chuyên sâu về kinh Phật.
- Đào tạo tu viện: tu học và phục vụ cộng đồng.
- Nghiên cứu ngôn ngữ: Các khóa học tiếng Pali,

Sinhala và tiếng Anh.

- Chương trình thiền: Các buổi thiền thường xuyên tập trung vào chánh niệm và chánh định.
- Giáo dục chung: đào tạo các Nữ tu trẻ và nữ sinh.

Từ trái: Ni trưởng A.A. Bhinanda, Ni sư T.N. Giới Hương và Ni sư M.Vijithananda chụp dưới bảng hiệu của chùa.

Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ: Alpitiya, Galupitamada
- Điện thoại: 035 222 6655

Ni đoàn tại chùa Sri Sunanda Bhikhuni Aramaya.

5.5.5. Chùa Khemaramaya

Địa điểm: Indiparape, Mirigama, Galgamuva, Veyangoda

Tổng quan: Ngôi chùa được thành lập vào ngày 10 tháng 6 năm 1986 do Ni sư trụ trì Bhikkhuni M. Dhammachari Theri và Ni sư phó trụ trì T. Dhammadeepani.

Ngôi chùa hiện có 2 Tỳ-kheo-ni, 5 ni cô mới tập tục, 9 Sa-di-ni (sāmaṇerī) và 2 bé gái chuẩn bị xuống tóc. Đây là nơi mà Ni sư Tiến Sĩ Bhikkhuni Madulle Vijithananda (trụ trì Trung tâm đào tạo Sakyadhita, Colombo), đã sống và tu học tại đây trong 21 năm. Hai vị Ni sư trù trì và phó trụ trì cũng phụ trách giám sát và giảng dạy tại trường ni viện (Pirivana: trường Bodhi - từ lớp 1 đến lớp 11) tại Vishakaramaya.

Ni sư Trụ trì M. Dharmachari (giữa) và Ni sư phó trụ trì T. Dharmadeepani (trái) cùng chư ni.

Chương trình thực hành:

- Puja hàng ngày: Các buổi tụng kinh và thiền định vào buổi sáng và buổi tối.
- Các khóa tu thiền: Các khóa tu thiền định một ngày.
- Các lớp học Dhamma: Các bài giảng về giáo lý và kinh Phật dành cho các tín đồ tại gia và các Nữ tu thường trú.
- Cúng dường (Dana): Phật tử dâng các bữa ăn và các vật dụng cần thiết khác cho Ni đoàn.
- Tụng giới Sila: Các chương trình tụng giới Uposatha (Ngày Poya) hàng tháng dành cho các Phật tử giữ Tám giới.

Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ: Thành phố Galgamuva, Veyangoda
- Điện thoại: 071 729 9931.

Cùng với Chư Ni trẻ ở chùa Khemaramaya.

5.5.11. Chùa Tỳ Kheo Ni Susilavasa Aramaya

Vị trí: Damingamuwa Millaniya

Tổng quan: Chùa rộng 1¼ mẫu Anh và được thành lập vào ngày 3 tháng 11 năm 1976 do Trưởng lão Bhikkuni Padukke Sumithra Theri. Ni trưởng là một trong 20 sư cô thọ giới Tỳ-kheo-ni tại Bodhgaya, Biha, Ấn Độ vào năm 1998 với sự chấp thuận của tăng đoàn quốc tế từ nhiều quốc gia.

Chùa hiện có 5 Tỳ-kheo-ni và 1 sāmaṇerī.

Địa chỉ: Mellawagedara

Điện thoại: 0342252590.

Ni trưởng Bhikkuni Padukke Sumithra Theri (cầm sách) và chư Ni.

Kỷ niệm sinh nhật vào ngày 22 tháng 10 của Ni trưởng Tỳ-kheo-ni Sri Lanka Maha Upajjhaya, Padukke Sumithra Theri, một trong ba Tỳ-kheo-ni Sri Lanka đầu tiên được đề cử làm thầy truyền giới trong cuộc phục hưng Ni đoàn Tỳ-kheo-ni. (Facebook.com)

Ni sư T.N. Giới Hương dưới bảng hiệu chùa Susilavasa Bhikkhuni Aramaya.

5.5.7.Đền Vishakaramaya

Địa điểm: Galgamuva, Veyangoda

Tổng quan: Rộng 1 mẫu Anh, do ni trưởng Bhikkhuni B. Dhamma Nandhani Theri thành lập vào ngày 14 tháng 9 năm 1965. Hiện chùa có 3 Bhikkhuni và 6 Sa-di-ni (sāmaṇerīs) đang tu học. Nơi này đào tạo Bhikkhuni và thường mở lễ truyền giới Bhikkhuni cho Chư Ni.

Các Sa-di-ni Sāmaṇerī đảnh lễ Ni sư T.N. Giới Hương, và Ni sư M.Vijithananda.

Thông tin liên hệ:

Địa chỉ: Vishakaramaya, Galgamiva, Veyangoda.

Điện thoại: 033 228 8875.

Ni sư T.N. Giới Hương
và Ni đoàn tại chùa Vishakaramaya.

5.5.8. Trung Tâm Đào Tạo Sakyadhita Cho Ni Giới Ở Moratuwa và Panadura

5.3.8.a. Địa điểm: Moratuwa

Tổng quan: Trung tâm đào tạo và thiền Sakyadhita ở phía nam Colombo cung cấp các cơ sở tu tập cho các tân Tỳ-kheo-ni. Bên cạnh việc học về Phật pháp, còn có các khóa học tiếng Anh và máy vi tính, cũng như các khóa học về công tác xã hội, do Hội Sankyadana của Sri Lanka cung cấp.

Các chương trình học thuật: Trung tâm có nhiều chương trình đa dạng nhằm thúc đẩy đối thoại liên tôn, tham gia xã hội và hiểu biết sâu sắc về kỷ luật tu viện.

- Đối thoại liên tôn: Các chương trình khuyến khích sự hiểu biết và hợp tác giữa các truyền thống tôn giáo khác nhau. Các khóa học này nhằm mục đích thúc đẩy sự tôn trọng lẫn nhau và chung sống hòa bình giữa các cộng đồng tôn giáo khác nhau.
- Tham gia xã hội: Các chương trình đào tạo tập trung vào hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng. Các Tỳ-kheo-ni được trang bị các kỹ năng để tham gia vào các vấn đề xã hội, ủng hộ công lý xã hội và lãnh đạo các dự án cộng đồng.
- Nghiên cứu Giới luật (Vinaya): Các khóa học toàn diện về Luật tạng (Vinaya Pitaka), bao gồm các quy tắc và quy định về hành vi đạo đức. Các khóa học này rất quan trọng để duy trì các tiêu chuẩn đạo đức và kỷ luật của Ni đoàn Tỳ-kheo-ni.

Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ: Số 50, Alwis Perera Mawatha, Katubedda, Moratuwa, Sri Lanka
- Điện thoại: +94 – 11 2605489
- Email: ranjanides@gmail.com
- Trang web: sakyadhita-srilanka.org

5.5.8.b. Địa điểm: Gorakana, Panadura

Tổng quan: Trung tâm rộng 60 pertsu và được tặng bởi chủ đất là ông E. P. Gunasena ở Gorakana và vào ngày 10 tháng 5 năm 2000, bà Ranjani De Silva đã thành lập nơi này với tên gọi là Trung tâm đào tạo Sakyadhita dành cho Tỳ-kheo-ni và Ni sư Tiến Sĩ Tỳ-kheo-ni Madulle Vijithananda được bổ nhiệm làm trụ trì từ năm 2003 đến nay.

Ni sư Bhikkhuni Madulle Vijithananda (phải)
và Ni sư T.N. Giới Hương (trái).

Hiện tại có 3 Tỳ-kheo-ni từ Việt Nam (Tỳ-kheo-ni Tịnh Châu có tên Tích Lan là Suratanā), Singapore và Indonesia và hai ni cô Sa-di-ni (sāmaṇerīs).

Mỗi Chủ Nhật đều có một buổi thuyết pháp và thiền định. Mỗi tháng đều có một buổi tu học với gần 500 thanh thiếu niên và sinh viên tham dự, và vào các ngày lễ lớn, hàng ngàn Phật tử đến tham dự và thực hành.

Chương trình tu học khác:

Đào tạo thiền: Các buổi thiền định thường xuyên với hướng dẫn về các phương pháp thực hành chánh niệm dựa trên giáo lý Phật giáo.

Các chương trình tham gia cộng đồng: Các buổi thực hành hàng tháng dành cho các học viên tại gia, thu hút gần 500 thanh thiếu niên và sinh viên, nhấn mạnh vào việc áp dụng các nguyên lý Phật giáo vào cuộc sống hàng ngày.

Các bài giảng thuyết pháp: Các buổi pháp thoại hàng tuần và vấn đáp Phật pháp nhằm mục đích đào sâu hiểu biết về giáo lý của Đức Phật.

Đào tạo Tỳ-kheo-ni quốc tế: Đón tiếp và đào tạo các Tỳ-kheo-ni và các Nữ tu mới xuất gia từ các quốc gia như Việt Nam, Singapore và Indonesia, thúc đẩy sự giao lưu văn hóa trong cộng đồng tu viện Phật giáo.

Thông tin liên hệ:

Địa chỉ: Mellawagedara

Điện thoại: 038 229 8184

Email: Vijithananda21@gmail.com

Chánh điện Trung Tâm Sakyadhita.

5.5.9.Chùa Pradeeepaloka

Địa điểm: Thành phố Kendalanda Pallewela

Tổng quan: Ngôi chùa rộng 1 mẫu Anh do Ni sư Tiến Sĩ Bhikkhuni Madulle Vijithananda thành lập vào ngày 17 tháng 3 năm 1978. Năm 2022, ngôi chùa được giao cho Bhikkhuni Vinayadharani phụ trách trong khi Ni sư Tiến Sĩ Bhikkhuni Madulle Vijithananda đến Panadura để làm trụ trì của Trung tâm đào tạo Sakyadhita, tại Gorakana, Panadura.

Từ trái: Ni sư Vinayadharani, Bhikṣuṇī T.N. Giới Hương,và Ni sư M. Vijithananda.

Hiện tại, ngôi chùa có 4 Ni sư và 16 Ni cô Sa-di-ni (sāmaṇerī) đang theo học và ngôi chùa cũng có trường học Pirivena (lớp 1-11). Ni sư trụ trì Bhikkhuni Vinayadharani là một giáo viên và cũng có nhiều giáo viên khác để dạy

cùng với cô.

Sau khi tốt nghiệp lớp 11 trong trường Tư thục Bồ đề trong chùa tương đương với trường trung học trong xã hội, vào thời điểm đó, các Nữ tu trẻ có thể thi vào trường cao đẳng hoặc đại học bên ngoài.

Chương trình học: lớp 1-11

Ni sư T.N. Giới Hương cùng các Ni trẻ của trường Pradeepaloka.

Thông tin liên hệ

- Địa chỉ: Thành phố Kendalanda Pallewela
- Điện thoại: 033 205 1453.

Ni sư Tiến Sĩ Bhikṣuṇī T.N. Giới Hương với các Sa-di-ni (Sāmaṇerī) của Trường Tu thục Bồ đề Pradeepaloka.

5.5.10. Chùa Uppalawannaramaya Waradala

Địa điểm: Mellawagedara.

Tổng quan: ngôi chùa rộng nửa mẫu Anh và do Ni sư M. Hemananda (chị ruột của Ni sư Madulle Vijithananda) thành lập. Một nữ Phật tử tên là Aljima đã hiến đất. Ngôi chùa hiện có một đệ tử Ni tu học cùng với Ni sư trụ trì.

Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ: Mellawagedara
- Điện thoại: 077 661 3449.

Từ trái: Tỳ-kheo-ni Tịnh Châu, 1 Tỳ-kheo-ni, Ni sư trụ trì M. Hemananda (giữa), Bhikṣuṇī T.N. Giới Hương, và Ni sư Tỳ-kheo-ni M.Vijithananda.

Chư Ni tại chùa Uppalawannaramaya Waradala.

5.5.11. Chùa Siri Sudhammikaramaya

Địa điểm: Nahena, Sri Lanka

Tổng quan: Chùa rộng 40 pertsus do Ni trưởng Tỳ-kheo-ni U. Sumedha Theri thành lập vào ngày 23 tháng 7 năm 1978. Chùa có 3 Tỳ-kheo-ni và 5 sa di (sāmaṇerī) đang học tập. Các Nữ tu sinh viên nước ngoài đến từ Malaysia và Miến Điện cũng đang trú ở đây, để hàng ngày theo học tại các trường đại học bên ngoài.

Trưởng lão Tỳ-kheo-ni U. Sumedha Theri (giữa), Bhikṣuṇī T.N. Giới Hương, Ni sư Bhikkhuni M.Vijithananda (bên phải bên cạnh) và các Sư cô.

Các chương trình học thuật và thực hành:

- Tụng kinh và Puja hàng ngày: Các buổi tụng kinh và cúng dường Tam bảo vào buổi sáng và buổi tối để chánh niệm và tôn kính.
- Hướng dẫn thiền: Các buổi thiền chánh niệm và

tĩnh lặng thường xuyên cho các ni chúng thường trú và các hành giả tại gia.

- Giáo dục Phật pháp: Giảng dạy giáo lý Phật giáo và nghiên cứu kinh điển cho các ni cô mới vào tu và sinh viên đến thăm.
- Tiếp cận quốc tế: Các chương trình và chỗ ở đặc biệt cho các sư cô sinh viên nước ngoài theo học đại học.
- Các hoạt động trong Ngày Poya: Tuân thủ Tám giới, pháp thoại và các buổi thiền cho các Phật tử và cư dân.
- Tham gia văn hóa và cộng đồng: Tổ chức các cuộc thảo luận về Phật pháp, các sự kiện văn hóa và các hoạt động phúc lợi xã hội.

Chư Ni tại chùa Siri Sudhammikaramaya.

5.5.12. Sri Sucharithawardhanaramaya

Địa điểm: Madampe

Tổng quan: Chùa rộng 26 perch và có một trường mẫu giáo cùng nhiều giáo viên Phật tử giảng dạy dưới sự lãnh đạo của Ni sư Bhikkhuni Dapane Dharma Sumanapali Theri.

Hiện tại có 2 Tỳ-kheo-ni (bhikshunis) và 5 Sa-di-ni (sāmaṇerī) đang sống và tu học tại đây.

Chư Ni chùa Sri Sucharithawardhanaramaya cùng Ni sư T.N. Giới Hương

Chương trình học thuật và thực hành:

- Tụng kinh và cúng dường hàng ngày: Tụng kinh buổi sáng và buổi tối và các ngày lễ rằm.
- Chương trình thiền: Các buổi thiền thường xuyên

nhấn mạnh vào chánh niệm và sự tĩnh lặng.

- Giáo dục mẫu giáo: Giáo dục trẻ nhỏ cho trẻ em địa phương dưới sự chăm sóc của chùa.

Ni sư T.N. Giới Hương và Ni sư Bhikkhuni M.Vijithananda dưới bảng hiệu chùa Sri Sucharithawardhanaramaya.

- Giáo dục Phật pháp: Giáo lý Phật giáo và nghiên cứu kinh điển cho các Sa-di-ni (sāmaṇer và cư sĩ Phật tử.
- Tham gia cộng đồng: Tổ chức các buổi nói chuyện về Phật pháp và các chương trình văn hóa cho cộng đồng địa phương.
- Các buổi lễ Poya Day: Các chương trình đặc biệt vào ngày trăng tròn với thọ Bát Quan trai giới, tụng kinh và thiền định.

Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ: Madampe
- Số điện thoại 0342207274.

5.5.13. Trung Tâm Giáo Dục Ni Giới Sri Chandrodaya - Sri Chandrodaya Meheni Pirivena

Sri Chandrodaya là một ngôi chùa Phật giáo và trung tâm giáo dục dành riêng cho việc đào tạo Ni giới, đặc biệt các tân Sa-di-ni (sāmaṇeri). Chương trình bao gồm các môn học chính của Phật giáo giới luật, kinh Phật, tiếng Pali và tụng kinh Phật (lời dạy của Đức Phật). Ngoài ra, các tân sasāmaṇeri còn học các môn học thế tục như tiếng Anh, ngôn ngữ Sinhala, lịch sử và toán học.

Ni sư Hapandeniya Supeshala trụ trì của Trung tâm Giáo dục Ni Giới Sri Chandrodaya cũng là Trợ lý Giám đốc tại Bộ Giáo dục (Sri Lanka). Là một Tỳ-kheo-ni và giảng viên Phật giáo, Ni sư đã theo học ngành Phật giáo tại Đại học Kelaniya và hiện đang sống tại Padukka, Sri Lanka.

Liên hệ:

- Địa điểm: Padukka, Sri Lanka.
- Điện thoại: 94 77 967 3049
- www.srichandrodaya.org

- https://www.facebook.com/bhikkhunihalpandeniye.supeshala/
- facebook.com/sri.chandrodaya.buddhist.nuns.education.center

Ni sư trụ trì Hapandeniya Supeshala
cùng chư Ni Học viện Sri Chandrodaya

5.5.14. Trung Tâm Thiền và Ni Viện Dekanduwala Dhamma - Trung Tâm Đào Tạo Tỳ Kheo Ni Đầu Tiên Của Sri Lanka và Khoa Nghiên Cứu Phật Giáo Quốc Tế (Btc và Ifbs)

Địa điểm: Kananvila, Horana

Trường thiền và Ni viện Dekanduwala là trung tâm đào tạo Chư Ni trong và ngoài nước. Trung tâm đào tạo Bhikkhuni Dekanduwala và Khoa Phật học quốc tế, nơi phụ nữ bước vào cuộc sống tu viện, xuất gia tu học, nhận

được sự đào tạo tâm linh và thọ giới, tọa lạc tại Horana, cách Colombo, Sri Lanka khoảng 30km.

Chư Ni Dhamma Dekanduwala thiền hành.

Liên hệ:

- Địa chỉ: Dekanduwala, Kahatapitiya, Kenanwila, Horana, Sri Lanka
- Điện thoại: 034 435 0200
- Điện thoại di động : 0776072359
- Email: info@bhikkhunitrainingcentre.org
- Trang web: www. bhikkhunitrainingcentre.org

Tổng quan: Hòa thượng Kirama Wimalajothi Thera là người sáng lập năng động của Trung tâm Văn hóa Phật giáo, Colombo (thành lập năm 1992) và cũng là người sáng lập Trung tâm Đào tạo Tỳ-kheo-ni Dekanduwala (thành lập năm 2014). Ngài là một học giả và nhà sư có tầm nhìn xa, được nhiều nới biết đến. Tính cách hòa nhã của ngài đã thu hút bất cứ nơi nào ngài đến. Ngài đã bổ nhiệm Ni sư Tỳ-kheo-ni Mayinneluwe Dhammashanthi làm giám đốc tại học viện này.

Ni sư T.N. Giới Hương (bên phải) cùng Chư Ni dùng trưa tại quả đường của Ni viện Dhamma Dekanduwala.

Hòa thượng Wimalajothi Thera cho biết, "Sự phát triển của Phật giáo và nền văn hóa phát triển mạnh mẽ nhờ sự tồn tại của bốn chúng – Tỳ-kheo (bhikkhus), Tỳ-kheo-ni (Bhikkhunis), nam cư sĩ (Upasakas) và nữ cư sĩ (Upasikas). Cốt lõi của vinh quang cổ xưa của chúng ta, sự thịnh vượng về trí tuệ và kinh tế, sự phát triển cân bằng của con người và cuộc sống luôn là mối quan hệ tương tác vô cùng cao quý giữa giới tăng lữ-cư sĩ tại gia này."

Từ trái: Tỳ-kheo-ni Tịnh Châu, Ni sư M. Vijithananda, Ni sư Giám đốc Mayinneluwe Dhammashanthi và Bhikṣuṇī T.N. Giới Hương.

Tầm nhìn tương lai và các mục tiêu cơ bản của Trung tâm đào tạo Tỳ-kheo-ni (BTC):

1. Từ nền giáo dục được truyền đạt thông qua các hoạt động hàng ngày dựa trên tín tâm và giới luật:
2. Kiến thức về Tam tạng kinh điển
3. Kiến thức về tiếng Sinhala, Pali, tiếng Anh và tiếng Tamil
4. Hiểu biết về văn hóa thông qua môn Lịch sử và Xã

hội học

5. Tư vấn tâm lý giúp giải quyết các vấn đề liên quan đến Thiền định và các vấn đề gia đình
6. Giúp các Tỳ-kheo-ni truyền bá Phật giáo sau khi đào tạo về khóa giao tiếp hiệu quả, kỹ năng lãnh đạo và quản lý chùa
7. Đào tạo về các hoạt động liên quan đến Phật pháp (Dhamma) và dịch vụ xã hội
8. Kiến thức về tôn giáo so sánh (môn tỷ giáo)
9. Kiến thức về việc tụng đúng các bài kệ Phật giáo (Pirith), nghi lễ và các lễ nghi phong tục dân gian liên quan liên quan đến Phật giáo phổ biến
10. Kiến thức và sự hiểu biết liên quan đến việc đáp ứng các nhu cầu xã hội đương đại, bao gồm nắm vững Chiêm tinh học và Ayurveda

Giáo dục được truyền đạt ở đây không định giúp Ni giới theo đuổi sư nghiệp "duy tuệ thị nghiệp" để nâng cao cuộc sống với tư cách là một Nữ tu/trụ trì.

Tiêu chuẩn để tham dự thi vào Ni viện Dekanduwala Dhamma Training Center như:

1. Kỳ thi cuối kỳ cơ bản Pirivena
2. Kỳ thi sơ cấp phương Đông
3. Kỳ thi trung cấp phương Đông
4. Kỳ thi chuyên gia phương Đông
5. Kỳ thi cao hơn liên quan đến triết học Phật giáo.

Tất cả các thời khóa hàng ngày đều được thực hiện theo quy tắc kỷ luật của tổ chức và thời gian biểu cố định.

Tuyển sinh học viên – Khóa Pirivena: Độ tuổi giới hạn

từ 16-40 tuổi. Hiện tại có 70 Nữ tu mới xuất gia. Trung tâm đào tạo Tỳ-kheo-ni và Khu phức hợp tòa nhà tu viện ba tầng mới xây dựng.

Chúng tôi rất tự hào khi cơ sở Phật giáo này được đăng ký vào năm 2019 và được Bộ Giáo dục chấp thuận. Tất cả chúng tôi đều mong muốn hồi hướng công đức vô lượng cho những ai đã làm việc không mệt mỏi vì Ni viện, bao gồm cả Bộ trưởng Bộ Giáo dục.

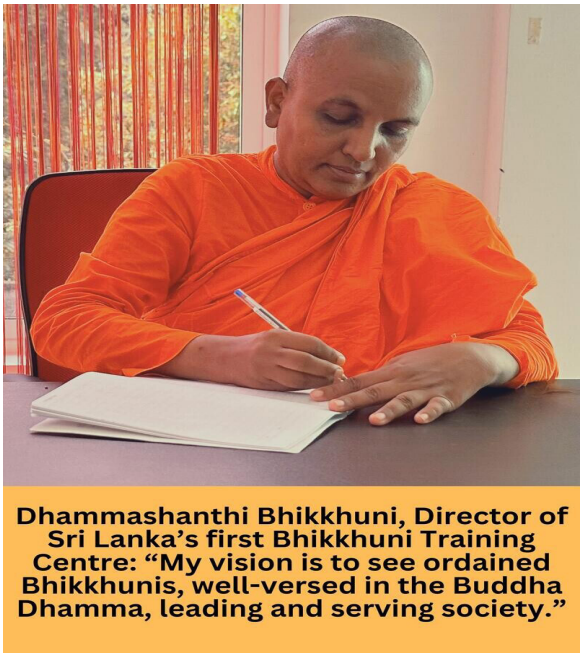

Ni sư Mainnaluwe Dhammashanthi,
Giám đốc điều hành Ni viện Dekanduwala.

Hội đồng quản trị của BTC Dekanduwala gồm có:

- Hiệu trưởng – Giám đốc Trung tâm Văn hóa Phật giáo Nedimala: Hòa thượng Kirama Wimalajothi

Nayaka Thera

- Giáo viên – Cao đẳng Hoàng gia, Horana: Hòa thượng Guyranagama Vineetha Thera
- Điều hành và Hiệu trưởng: Ni sư Bhikkhuni Mainnaluwe Dhammashanthi
- Giảng viên: Ông Keerthi Gunathilake, Tiến Sĩ Sarath Chandrasekara
- Điều phối viên khóa học: Ông Rathna Bandara
- Ủy ban điều phối và hoạt động: Ni sư Bandarawela Siri Sunanda, Ni sư Henegedara Sucintha, Ni sư Gurudeniye Suwinali, Ông Niroshan Priyasad Ranasinghe.

5.6. Hãy Bảo Tồn Đạo Phật Cho Hậu Thế, Trung Tâm Phật Pháp và Trường Tại Dekanduwala Horana

Mọi tổ chức trên thế giới, đặc biệt là những tổ chức liên quan đến dịch vụ xã hội tôn giáo, đều giúp đỡ các gia đình của người vô gia cư, người già…v.v., tuy nhiên, gánh nặng đối với các Tỳ-kheo-ni phải do nhà nước và công chúng Phật giáo chịu trách nhiệm.

Chính nhờ sự đoàn kết huynh đệ mà các cộng đồng của cả Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đã được thành lập và phát triển mạnh mẽ tại Sri Lanka bởi Thánh Tăng Mahinda Thera và Thánh tổ ni Sangamitta Theri (Ấn Độ). vào thời điểm đó, không có Tỳ-kheo hay bất kỳ người nào khác ở Sri Lanka được biết là phản đối việc thành lập cộng đồng Tỳ-kheo-ni. Do đó, Phật giáo đã phát triển mạnh mẽ ở cả Ấn Độ và Sri Lanka.

Tuy nhiên, do hệ tư tưởng Bà La Môn, Kỳ Na giáo và các hội chống nữ quyền, các Tỳ-kheo-ni đã tuyệt chủng ở cả Sri Lanka và Ấn Độ. Sau đó, các Tỳ-kheo cũng tuyệt chủng và nhiều ý tưởng sai lầm đã trở thành một phần của các chuyên luận liên quan đến giới luật của các Tỳ-kheo-ni.

Cũng giống như thời kỳ tồn tại của các Tỳ-kheo-ni, Phật giáo đã trở thành thời kỳ hoàng kim ở cả Ấn Độ và Sri Lanka, như được chứng minh bằng các di tích khảo cổ.

Có thể chứng minh đầy đủ rằng các quốc gia và khu vực mà các Tỳ-kheo-ni phát triển mạnh mẽ đã cải thiện đáng kể, cả về kinh tế và các mặt khác, như có thể thấy ở Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc, Việt Nam và Nhật Bản.

Đức Phật biết rằng Niết bàn là điều có thể đối với những phụ nữ chưa thọ giới. Tuy nhiên, Bhikkhuni Sasana (Giáo lý) đã được thiết lập với các quy tắc để thọ giới nhằm mục đích Sasana (giáo lý) tồn tại lâu dài và mỗi nhóm bao gồm bốn nhóm (Tăng Ni, nam nữ cư sĩ) nói trên đều làm việc một cách hài hòa để truyền bá Phật giáo.

Y, bát, giới luật đạo đức, quyền lợi và khất thực không liên quan đến Dasa Sil Mathas. Chúng không được coi là một phần của Buddha Sasana (lời dạy của Đức Phật).

Một cộng đồng Tỳ-kheo-ni mạnh mẽ có thể đóng góp to lớn và thúc đẩy sự phát triển kinh tế và tinh thần của Sri Lanka.

Việc không chấp nhận Tỳ-kheo-ni ở một quốc gia theo Phật giáo Therevadin như Sri Lanka là hoàn toàn không có lý do khi xét đến thực tế là hơn một nửa dân số là phụ nữ.

Nhiều người thắc mắc tại sao Tỳ-kheo-ni được cấp thẻ căn cước cho đến năm 20024 rồi đột nhiên dừng lại. Có phải vì định kiến (chauvinism) của nam giới hay do sự

ngụy biện và ghen tị?

Mặc dù những người phản đối việc công nhận Tỳ-kheo-ni có một số quy chế xã hội, họ đã không được công nhận rộng rãi trong nước; bên cạnh đó, họ đã không làm và không làm bất cứ điều gì có giá trị để nâng cao Sasana mà chỉ ích kỷ nghĩ đến bản thân mình.

Bốn chúng, tại thời điểm này, đang ở giữa quỷ dữ và biển xanh thẳm do không có một thẩm quyền hoặc trụ sở duy nhất để điều phối các hoạt động của 35 giáo phái Tỳ-kheo-ni ở Sri Lanka.

Trong số những người nổi tiếng tìm cách tái lập Bhikkhuni Sasana có hòa thượng Anagarika Dharmapala, Giáo sư Gunapala Malalesekera, Thượng tọa Tiến Sĩ Kirinde Dhammananda Thera, Thượng tọa Tiến Sĩ Walpola Rahula Thera, Thượng tọa Tiến Sĩ Mapalagama Vipulasara Thera và Thượng tọa Thalalle Dhammaloka Thera. Hiện nay, một phần quan trọng và tiên phong trong việc tái lập Bhikkhuni Sasana đang được Hòa thượng Tiến Sĩ Inamaluve Sumangala Thera, Hòa thượng Giáo sư Kaburugamuwe Vajira Thera, Hòa thượng Bodagama Chandima Thera, Giáo sư Galmangoda, Giáo sư Chandra Wickramage và giáo sư Ariyapala Perera.

Với tình yêu vô bờ bến dành cho Sasana và lòng tốt khiêm nhường, chúng tôi yêu cầu các vị cấp lại thẻ căn cước cho các Tỳ-kheo-ni đáng kính, đăng ký các tu viện nơi Tỳ-kheo-ni cư trú và xây dựng khoảng 10 Pirivenas để giáo dục các Tỳ-kheo-ni mới vào nghề.

Thiền đường Trung tâm đào tạo Ni giới Dekanduwala.

5.7. Chào Mừng Đến Với Cộng Đồng Ni Giới Tỳ Kheo Ni

Cộng đồng Tỳ-kheo-ni được Đức Phật chấp thuận và thành lập ngay trong thời gian Ngài còn tại thế và được khai mạc bằng lễ truyền giới của Di Mẫu Điều Đàm Di Đại Ái Đạo (Maha Prajapati Gotami), chấp nhận Di Mẫu và 500 cung nữ dòng họ hoàng gia Thích Ca được xuất gia thọ giới như Chư Tăng. Lễ truyền giới này cũng được khai mạc tại Sri Lanka vào thế kỷ thứ III trước Công nguyên bởi Thánh tổ Ni Tỳ-kheo-ni Saṅghamittā. vào thế kỷ VI, Tỳ-kheo-ni Devasara đã truyền giới Tỳ-kheo-ni sang Trung Quốc. Điều này đã được chứng thực rõ ràng trong luận án của Giáo sư Hema Gunatilleke.

Ni đoàn Tỳ-kheo-ni (Bhikkhuni Sasana) vẫn chưa

được thành lập ở các quốc gia khác như Miến Điện và Thái Lan, nơi Phật giáo Nam tông thịnh hành.

Một sự thật đã được xác lập rõ ràng là phù hợp với các giới luật do Đức Phật đặt ra là lễ truyền giới Tỳ-kheo-ni vẫn được thực hiện một cách nghi lễ trước sự chứng kiến của cả hai bộ Tăng già (Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni) ở Hàn Quốc và Đài Loan. Về vấn đề này, một công trình nghiên cứu thử nghiệm có tên "Bhikkhuni Vinaya" đã được Bhikkhuni Tiến Sĩ Kusuna đưa ra.

Trong thời gian gần đây, Ni đoàn Tỳ-kheo-ni được khôi phục nhờ các Ni trưởng đại thừa truyền giới. Đó không phải là hình thức Đại thừa của Phật giáo, siêu hình Đại thừa hay ngôn ngữ của nó. Đơn giản, ni đoàn Tỳ-kheo-ni tái lập tại Sri Lanka hay các nước Nam Tông là chúng ta thực hiện các nghi lễ theo các chỉ thị được nêu trong Tam tạng Pali (Pali Tripitaka).

Những điều cần thiết để thành lập Cộng đồng Bhikkhuni

- Ngoại trừ bốn chúng được gọi là Bhikkhu-Bhikkhuni-Upasaka-Upasika, không có sự truyền bá Phật giáo trên toàn thế giới.

Theo sự hiểu biết của Hòa thượng Kirinde Dhammanada và một số người khác liên quan đến Buddha Sasana, Buddha Sasana ngày nay đang bị đe dọa ngay cả khi một cái bàn đứng trên ba chân.

Tương lai của Phật giáo phụ thuộc vào sự tồn tại của bốn chúng như đã đề cập ở trên.

Các Sa-di-ni (sāmaṇerī) trẻ
đang đảnh lễ Quý Ni sư Bhikṣuṇī.

Những Đóng Góp Của Giáo Đoàn Tỳ Kheo Ni Cho Xã Hội và Cộng Đồng Phật Giáo

Các Ni viện Tỳ-kheo-ni đối với cộng đồng Phật giáo địa phương và quốc tế, sự hồi sinh của giáo dục Tỳ-kheo-ni ở Sri Lanka đã có tác động sâu sắc đến cả cộng đồng Phật giáo địa phương và quốc tế. Ở địa phương, các trung tâm giáo dục này đã trao quyền cho phụ nữ theo đuổi đời sống tu tập, trang bị cho Ni giới các kiến thức và kỹ năng cần thiết để tham gia vào các hoạt động tôn giáo, giáo dục và xã hội. Các Tỳ-kheo-ni hiện đang tích cực tham gia vào các chương trình giảng dạy, phục vụ cộng đồng và phúc lợi xã hội, đóng góp đáng kể vào việc truyền bá giáo lý Phật giáo và cải thiện xã hội.

Trên bình diện quốc tế, các Tỳ-kheo-ni Sri Lanka đã trở thành đại sứ của Phật giáo Nguyên thủy, tham gia các hội nghị toàn cầu, đối thoại liên tôn và các hoạt động học thuật. Ni đoàn Tỳ-kheo-ni đã mang đến một góc nhìn độc

đáo cho cộng đồng Phật giáo quốc tế, nhấn mạnh tầm quan trọng của bình đẳng giới trong các hoạt động tu viện. Sự thành công của giáo dục Tỳ-kheo-ni ở Sri Lanka đã truyền cảm hứng cho các phong trào tương tự ở các quốc gia Nguyên thủy khác như Miền Điện, Thái lan, Lào, Cam-pu-chia, vv..., thúc đẩy một mạng lưới các Nữ tu Phật giáo được trao quyền trên toàn cầu.

Sau đây là một số các Ni trưởng tỳ-kheo-ni điển hình:

6.1. Ni Trưởng Tiến Sĩ Bhikkhuni Kusuma

Ni trưởng Tiến Sĩ Tỳ-kheo-ni Kusuma.

Tỳ-kheo-ni Kusuma (1930–2021) là một nhân vật tiên phong trong công cuộc phục hưng Ni đoàn Tỳ-kheo-ni Nguyên thủy ở Sri Lanka, được công nhận rộng rãi là người phụ nữ Sri Lanka đầu tiên trong thời hiện đại được thọ giới Tỳ-kheo-ni cụ túc giới. Cuộc đời và sự nghiệp của Ni trưởng là một cột mốc quan trọng trong công cuộc khôi phục lại Ni đoàn của các Nữ tu Phật giáo thọ giới cụ túc, vốn đã vắng bóng ở Sri Lanka trong gần một thiên niên kỷ. Dưới đây là tổng quan về những đóng góp và di sản

của Ni trưởng, được đặt trong bối cảnh Sri Lanka tính đến ngày 19 tháng 3 năm 2025.

Hành trình tâm linh của Kusuma trở nên sâu sắc hơn vào những năm 1980 khi ni trưởng trở thành một Dasa Sil Mata (Nữ tu mười giới), một vai trò phổ biến đối với phụ nữ ở Sri Lanka vào thời điểm đó, vì Ni đoàn Tỳ-kheo-ni đã biến mất vào khoảng thế kỷ 11 do những gián đoạn lịch sử như cuộc xâm lược của Chola. Tuy nhiên, Ni trưởng đã tìm kiếm sự truyền giới Tỳ-kheo-ni, lấy cảm hứng từ tiền lệ lịch sử do Thánh tổ Ni Saṅghamittā Theri đặt ra và được thúc đẩy bởi sự tồn tại của dòng dõi Tỳ-kheo-ni Theravada ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Việt Nam, Nhật Bản và Đài Loan, vv...

Năm 1996, ở tuổi 66, Ni trưởng Kusuma đã tạo nên lịch sử khi trở thành người phụ nữ Sri Lanka đầu tiên trong thời hiện đại được thọ giới Tỳ-kheo-ni cụ túc giới. Sự kiện này diễn ra tại Sarnath, Ấn Độ, trong một buổi lễ thọ giới quốc tế do Hội Jogye Hàn Quốc tổ chức, với sự tham gia của các nhà sư Theravada từ Sri Lanka và các Ni trưởng Đại thừa có nguồn gốc từ truyền thống Theravada. Ni trưởng được thọ giới cùng với chín sư cô Sri Lanka khác, đánh dấu một thời khắc quan trọng trong sự hồi sinh của Ni đoàn Tỳ-kheo-ni. Sự kiện này được các nhà sư Sri Lanka ủng hộ như Hòa thượng Inamaluwe Sumangala Thera đã tạo điều kiện thuận lợi, bất chấp sự phản đối của các phe phái bảo thủ cho rằng dòng dõi không thể được khôi phục một cách chân thực.

Đóng góp cho Ni đoàn Tỳ-kheo-ni

Sau khi thọ giới, Tỳ-kheo-ni Kusuma trở về Sri Lanka và cống hiến cuộc đời mình để tái lập và củng cố Ni đoàn Tỳ-kheo-ni. Ni trưởng đóng vai trò chủ chốt trong

lễ truyền giới Tỳ-kheo-ni đầu tiên trên đất Sri Lanka vào năm 1998 tại Đền vàng ở Dambulla, nơi ni trưởng làm đàn đầu Hòa thượng Ni (upajjhaya) cho các lễ truyền giới tiếp theo. Sự kiện này đã củng cố sự hồi sinh, cho phép phụ nữ địa phương gia nhập Ni đoàn mà không cần phải đi nước ngoài.

Ni trưởng Kusuma thành lập Trung tâm Thiền quốc tế Ayya Khema tại Horana, Sri Lanka, được đặt theo tên của Ni sư Phật giáo Nguyên thủy nổi tiếng người Đức Ayya Khema. Trung tâm đã trở thành trung tâm đào tạo Tỳ-kheo-ni (bhikkhuni) và Sa-di-ni (sāmaṇerie), cung cấp các khóa dạy thiền định, giáo dục Phật pháp và tiếp cận cộng đồng. Ni trưởng nhấn mạnh đến việc tuân thủ nghiêm ngặt Luật tạng trong khi điều chỉnh cuộc sống tu viện cho phù hợp với nhu cầu hiện đại, dạy các Nữ tu cách tham gia vào xã hội thông qua giáo dục và phục vụ xã hội.

Là một học giả, Ni trưởng đã biên soạn một số tác phẩm, bao gồm các dịch phẩm và sớ luận về các văn bản Phật giáo, giúp cả tu sĩ và cư sĩ có thể tiếp cận được với Dhamma. Nền tảng khoa học của Ni trưởng đã định hình cách tiếp cận phân tích của Ni trưởng đối với triết học Phật giáo, giúp Ni trưởng được kính trọng như một giảng viên, pháp sư và diễn giả nổi tiếng về giới ni ở Sri Lanka và trên toàn thế giới.

Thách thức và di sản

Tỳ-kheo-ni Kusuma đã phải đối mặt với sự phản đối đáng kể từ các thành phần bảo thủ trong Tăng đoàn Sri Lanka, những người đã đặt câu hỏi về tính hợp pháp của lễ thọ giới của Ni trưởng do sự tham gia của các Nữ tu Đại thừa và sự gián đoạn lâu dài trong dòng dõi Tỳ-kheo-ni Nguyên thủy. Mặc dù vậy, ni trưởng vẫn kiên định, ủng

hộ bình đẳng giới trong đời sống tu viện và lập luận rằng ý định ban đầu của Đức Phật là đưa phụ nữ vào Tăng đoàn một cách trọn vẹn. Những nỗ lực của ni trưởng đã giúp thay đổi thái độ, mở đường cho hàng trăm phụ nữ trở thành Tỳ-kheo-ni ở Sri Lanka vào đầu thế kỷ 21.

Ni trưởng đã qua đời vào ngày 27 tháng 8 năm 2021, ở tuổi 90, để lại một di sản lâu dài. Tính đến này, Ni trưởng vẫn còn tồn tại trong Ni đoàn Tỳ-kheo-ni ngày càng lớn mạnh, hiện đã lên đến hàng trăm người, với các Nữ tu như Ni sư Tiến SĩTỳ-kheo-ni Madulle Vijithananda tiếp tục công việc của Ni trưởng tại các trung tâm như Sakyadhita. Trung tâm Thiền Ayya Khema vẫn hoạt động, và các tác phẩm của Ni trưởng tiếp tục truyền cảm hứng cho cả các tu sĩ và học giả.

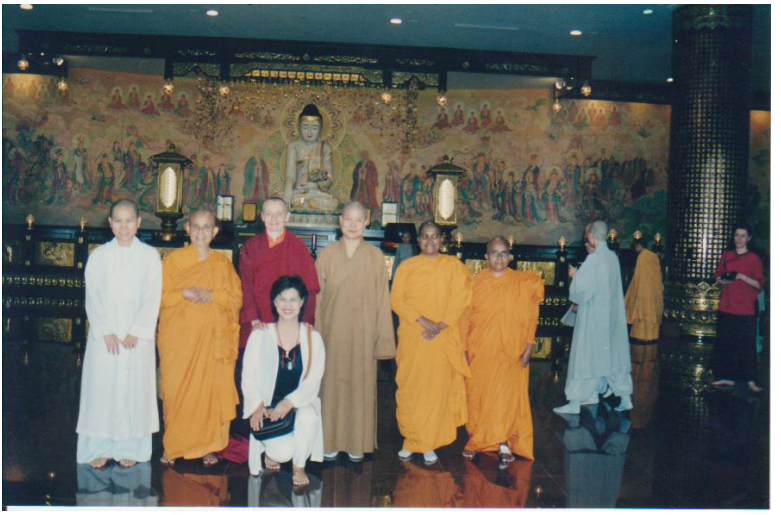

Từ trái: Bhiksuni T.N. Giới Hương, Ni trưởng Tỳ-kheo-ni Kusuma, Ni sư Tây Tạng, Ni sư Đài Loan, Bhikkhuni P Sudharshana và Bhikkhuni Madulle Vijithananda tại Hội nghị Sakyadhita ở Đài Loan năm 2002.

Tác động tại Sri Lanka đương đại

Việc tiên phong thọ giới của Bhikkhuni Kusuma đã phá vỡ rào cản, giúp phụ nữ Sri Lanka giành lại vị trí của mình trong truyền thống Theravada. Sự nhấn mạnh của Ni trưởng vào giáo dục và thiền định đã hình thành nên một thế hệ Bhikkhuni hiện đang đóng góp cho xã hội thông qua việc giảng dạy, tư vấn và phúc lợi xã hội, giống như chư Tăng. Cuộc đời của Ni trưởng là một ví dụ điển hình cho khả năng phục hồi, kết hợp sự nghiêm khắc về mặt trí tuệ với lòng sùng kính tâm linh, và di sản của Ni trưởng nhấn mạnh vai trò đang phát triển của phụ nữ trong Phật giáo Sri Lanka ngày nay.

Công trình học thuật của Ni trưởng cũng ấn tượng không kém, với nhiều ấn phẩm về triết học Phật giáo và luật (Vinaya), bộ luật tu viện, đã đánh dấu ngài là một giảng viên, pháp sư và nhà tư tưởng được kính trọng trong cộng đồng Phật giáo. Nhờ sự cống hiến không ngừng nghỉ của mình, ngài đã truyền cảm hứng cho vô số phụ nữ theo đuổi cuộc sống tu viện, để lại di sản lâu dài tiếp tục định hình con đường cho các nữ hành giả.

6.2. Ni Trưởng Tiến Sĩ Bhikkhuni Dhammananda

Vốn một giáo sư Phật học, Ni trưởng Dhammananda đã chọn xuất gia làm Tỳ-kheo-ni và từ đó trở thành một nhân vật nổi bật trong việc thúc đẩy việc truyền giới và giáo dục Tỳ-kheo-ni. Ni trưởng đã tích cực tham gia giảng dạy, viết lách và đấu tranh cho quyền của phụ nữ trong cộng đồng Phật giáo.

Dhammananda, tên khai sinh là Chatsumarn

Kabilsingh hoặc Chatsumarn Kabilsingh Shatsena, là một Tỳ-kheo-ni người Thái. vào ngày 28 tháng 2 năm 2003, Ni trưởng Kabilsingh đã thọ giới Tỳ-kheo-ni theo truyền thống Theravada tại Sri Lanka.

Ni trưởng Tiến Sĩ Bhikkhuni Dhammananda.

6.3. Ni Sư Tiến Sĩ Madulle Vijithananda

Tỳ-kheo-ni Madulle Vijithananda là trụ trì chính của Trung tâm đào tạo và thiền Sakyadhita tại Sri Lanka. Là một Nữ tu Phật giáo Nguyên thủy (bhikkhuni) hàng đầu trong nước, Ni sư được công nhận rộng rãi vì những nỗ lực của mình trong việc phục hồi Ni đoàn bhikkhuni (giới tu nữ) không chỉ ở Sri Lanka mà còn trên toàn cầu.

Ni sư Bhikkhuni Madulle Vijithananda.

Ni sư Madulle Vijithananda đã lấy bằng Cử nhân Nghệ thuật và Thạc sĩ Phật học tại Đại học Phật giáo & Pali và Đại học Kelaniya. Hiện tại, Ni sư đang là Viện trưởng của Trung tâm Thiền và Đào tạo Sakyadhita ở Panadura, Sri Lanka, một vị trí mà Ni sư đã vinh dự đảm nhiệm từ năm 2003. Trong vai trò là Viện trưởng, Ni sư giảng dạy Dhamma và thiền, tư vấn cho phụ nữ mang thai, điều hành Trường Dhamma Chủ Nhật, điều phối các khóa tu hàng tháng và các ngày lễ Phật giáo hàng năm, và hỗ trợ cho thanh thiếu niên kém may mắn. Ngoài trung tâm, Ni sư còn thuyết giảng Dhamma và tham gia vào các đối thoại liên tôn ở cả Sri Lanka và nước ngoài, bao gồm cả Đài Loan.

Ni sư Madulle Vijithananda cũng tham gia vào công tác xã hội, hỗ trợ các gia đình nghèo khó, phân phối hàng cứu trợ thiên tai khẩn cấp và cung cấp đồ dùng học tập cho học sinh nông thôn, với sự hỗ trợ từ Tu viện Phật Quang Sơn tại Đài Loan. Từ năm 2008, Ni sư đã truyền giới cho nhiều phụ nữ và làm việc để hỗ trợ Ni đoàn Phật giáo Nguyên thủy. Để nâng cao và xây dựng cơ cấu đào tạo Ni giới, Ni sư đã đến Đài Loan vào năm 2005, dành bốn tháng để học tại Tu viện Phật Quang Sơn. Để ghi nhận những nỗ lực tận tụy và từ bi của Ni sư, ngài đã được vinh danh với giải thưởng "Bằng cấp Thạc sĩ Phật giáo Vinh quang và Biểu ngữ Chiến thắng cho Hoằng pháp" (The M.A. in Glorious Buddhist Doctrine and the Victorious Banner for Buddhist Dispensation). Ni sư Madulle Vijithananda trở thành người đầu tiên nhận được giải thưởng danh giá này và là hình mẫu truyền cảm hứng về cách một Ni sư có thể đóng góp có ý nghĩa cho xã hội.

Từ phải: Tỳ-kheo-ni Tịnh Châu, Ni sư T.N. Giới Hương (thứ hai bên phải), Ni sư Madulle Vijithananda và chư Ni tại Trung tâm Đào tạo và Thiền định Sakyadhita,

Sri Lanka, ngày 19 tháng 07 năm 2023.

6.4. Ni Sư Hapandeniya Supeshala Maha Theri

Viện trưởng tại Trung tâm Giáo dục Ni Giới Sri Chandrodaya.

Trợ lý Giám đốc Bộ Giáo dục (Sri Lanka), Giảng viên Phật học, tốt nghiệp Phật học tại Đại học Kelaniya, sống ở Padukka, Sri Lanka.

Ni sư Bhikkhuni Hapandeniya Supeshala.

Được biết đến với công việc phục vụ cộng đồng, Ni sư Bhikkhuni Hapandeniya Supeshala đã khởi xướng một số chương trình phúc lợi xã hội, bao gồm các dự án giáo dục cho trẻ em nghèo và trại y tế ở các vùng nông thôn. Công việc của Ni sư minh họa cho hành động từ bi là trọng tâm của giáo lý Phật giáo.

6.5. Ni Sư Bhikkhuni Peliyagoda Sudarshana

Ni sư Bhikkhuni Peliyagoda Sudarshana.

Sinh năm 1968, Ni sư Bhikkhuni Peliyagoda Sudarshana đã nổi lên như một nhân vật có sức biến đổi trong Phật giáo Nguyên thủy, đặc biệt là thông qua sự cống hiến của Ni sư cho việc phục hồi và phát triển giáo đoàn Ni. Hành trình tâm linh của Ni sư bắt đầu vào năm 1985 khi xuất gia làm ni cô, và vào năm 1997, Ni sư đã có một bước tiến lịch sử khi trở thành một trong những Nữ tu đầu tiên được thọ giới Tỳ-kheo-ni ở Sri Lanka. Cột

mốc này báo hiệu một bước ngoặt trong sự hồi sinh của Ni đoàn, cộng đồng Tỳ-kheo-ni cụ túc giới.

Trước khi hoàn toàn bước vào đời sống tu hành, Ni sư Sudarshana đã xây dựng một nền tảng học vấn vững chắc. Sư theo học tại Đại học Peradeniya và Đại học Colombo, nơi Ni sư được đào tạo để trở thành giáo viên trung học. Niềm đam mê học tập không dừng lại ở đó—sau đó Ni sư đã lấy bằng Thạc sĩ Nhân Văn tại Đại học Phật giáo và Pali và bằng Thạc sĩ Giáo dục tại Đại học Colombo. Những thành tựu này phản ánh sự kết hợp độc đáo giữa tính nghiêm túc trong học thuật và lòng kính đạo và những phẩm chất này giúp định hình nên những đóng góp trong hiện tại và tương lai của Ni sư.

Tác động của Ni sư Sudarshana thực sự tỏa sáng qua những nỗ lực nhằm củng cố cộng đồng Tỳ-kheo-ni toàn cầu. Ni sư đã đồng tổ chức ba buổi lễ truyền giới cao cấp quốc tế quan trọng cho Tỳ-kheo-ni: một buổi ở Đài Loan vào năm 2001, tiếp theo là hai buổi ở Sri Lanka vào năm 2002 và 2003. Những sự kiện này không chỉ trao quyền cho phụ nữ trong Phật giáo mà còn thúc đẩy mối liên hệ xuyên biên giới. vào năm 2001, Ni sư đã làm phong phú thêm học thuật Phật giáo bằng cách biên soạn cuốn Bhikkhuni Patimokkha và Vinaya Karma, một tác phẩm vẫn là nguồn tài nguyên có giá trị cho các hành giả và học giả.

Ảnh hưởng của Ni sư vượt xa Sri Lanka. Ni sư Sudarshana thường đi tham dự hội nghị nhiều nơi như Đài Loan, Hàn Quốc, Thái Lan, Ấn Độ, Campuchia, New Zealand và Hoa Kỳ. Những chuyến đi này đã cho phép Ni sư chia sẻ trí tuệ của mình và xây dựng những cây cầu trong cộng đồng Phật giáo quốc tế. Từ năm 2003, Ni sư đã định cư tại Hoa Kỳ, nơi sư làm Viện trưởng của Trung tâm

Thiền Samadhi ở Florida, Hoa Kỳ.[38] Từ trường thiền này, Ni sư đã tiếp tục hướng dẫn và truyền cảm hứng cho các thiền sinh và Phật tử.

Ni sư P. Sudarshana và Tăng đoàn
tại Samadhi Meditation Center, Flodira, USA.

Tiếp nối tổ tiên là Đức Thánh tổ Ni Bhikkhuni Saṅghamittā, một nhân vật lịch sử từ thế kỷ thứ III trước Công nguyên, hiện không còn ở Sri Lanka nữa, vì ngài đã sống cách đây hơn hai thiên niên kỷ. Những đóng góp của Ni sư P. Sudarshana đã đặt nền móng cho dòng dõi Ni đoàn Bhikkhuni Theravada ở Sri Lanka và nhiều nơi khác.

Có rất nhiều Bhikkhuni lỗi lạc đã phục vụ trong những vai trò quan trọng, chẳng hạn như bhikkhuni pavattini-upajjhaya (giới sư Tỳ-kheo-ni) và bhikkhuni kammavacacarini (giảng sư), giáo viên Dhamma-Vinaya

38. Địa chỉ: Samadhi Meditation Center
5908 67th Ave, Pinellas Park, Florida USA
Email: Floridasamadhimc@gmail.com
Phone: 727 744 4377

(Luật sư) và tiếng Anh (giáo viên ngôn ngữ), vv... Chư Ni trưởng, Ni sư đào tạo những Phật tử nữ tại gia trở thành Ni cô (Sa-di-ni giữ Mười giới, dasa silas) và sau đó truyền giới Cụ túc Tỳ-kheo-Ni giới (Khukkhunis precepts) với mục đích giúp những phụ nữ Phật tử trẻ tiến bộ thành những bhikkhuni đầy đủ năng lực và có đủ phẩm chất của Ni đoàn, và cũng là những thành viên đầy đủ năng lực và có phẩm chất của Ni đoàn bhikkhuni Theravada. Chư Ni trưởng đã hình thành nền tảng trong giáo dục, sự hiện diện toàn cầu, di sản lâu dài và ủng hộ Giáo đoàn Tỳ-kheo-ni. Ảnh hưởng của Tỳ-kheo-ni đóng vai trò tích cực trong xã hội Sri Lanka đương đại, tham gia vào việc giảng dạy thiền định, dịch vụ cộng đồng và giáo dục.

Thông qua những công cống hiến không mệt mỏi, các Tỳ-kheo-ni Sri Lanka đã nâng cao sự công nhận và địa vị của phụ nữ trong Phật giáo, cả ở Sri Lanka và trên toàn thế giới. Câu chuyện cuộc đời của quý Ni sư—từ những nhà giáo dục tận tụy đến những nhà lãnh đạo tu viện tiên phong—là minh chứng cho cam kết không lay chuyển của Ni giới đối với đức tin, giáo dục và bình đẳng trong truyền thống Phật giáo.

Chương
7

Kết Luận

Sự phát triển của các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni ở Sri Lanka phản ánh một lịch sử phong phú bắt nguồn từ sự du nhập của Phật giáo vào hòn đảo này, sự phát triển của nó qua nhiều thế kỷ thịnh vượng và suy tàn, và sự thích nghi của nó với những thách thức hiện đại. Dưới đây là tổng quan về sự phát triển này, theo dõi các cột mốc và sự chuyển đổi quan trọng trong Tăng đoàn (cộng đồng tu sĩ, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni) từ thời xa xưa đến ngày nay, tính đến ngày 19 tháng 3 năm 2025.

7.1. Phát triển ban đầu (Thế kỷ thứ 3 Trước Công nguyên)

Phật giáo du nhập vào Sri Lanka vào thế kỷ III dưới thời trị vì của Vua Devanampiya Tissa, do Thánh Tăng Mahinda Thera, con trai của Hoàng đế Ashoka, Ấn độ, mang vào Ceylon. Ngài Mahinda thành lập Tăng đoàn Tỳ-kheo bằng cách truyền giới cho những người đàn ông Sri Lanka, bắt đầu với cháu trai của nhà vua, Mahā Arittha.

Sự kiện này đánh dấu sự khởi đầu của truyền thống Phật giáo Nguyên thủy trên hòn đảo, với tu viện Mahavihara ở Anuradhapura trở thành trung tâm của đời sống tu viện và học tập.

Ngay sau đó, chị gái của Mahinda, cô chúa và cũng là Thánh Tổ Ni Saṅghamittā Theri, đã đến với một nhánh cây non của Cây Bồ đề để trồng ở cố đô Anuradhapura và thành lập Ni đoàn Tỳ-kheo-ni bằng cách truyền giới cho Hoàng hậu Anula và những người phụ nữ khác. Sự kiện này đã đưa Sri Lanka trở thành một trong những khu vực đầu tiên có một giáo đoàn Nữ tu được truyền giới đầy đủ, tuân thủ theo Vinaya (giới luật, thiền môn quy củ của nhà chùa). Tăng đoàn Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni phát triển mạnh mẽ dưới sự bảo trợ của hoàng gia, được hỗ trợ bởi mạng lưới các tu viện như Jetavana và Abhayagiri, cùng với Mahavihara.

7.2. Thời kỳ hoàng kim và sự phát triển của thể chế (Thế kỷIII trước Công nguyên - Thế kỷ XI)

Trong hơn một thiên niên kỷ, Tăng đoàn phát triển mạnh mẽ như một nền tảng của xã hội Sri Lanka. Các Tỳ-kheo đã bảo tồn giáo lý Phật giáo thông qua truyền miệng, sau đó chuyển chúng thành văn bản vào thế kỷ thứ 1 trước Công nguyên tại Alu Vihara, tạo ra Kinh điển Pali dưới dạng văn bản đầu tiên. Giáo dục tu viện phát triển, với các nhà sư trở thành học giả, thiền sư và cố vấn cho các vị vua. Các tu viện lớn đóng vai trò là trung tâm trí tuệ, thúc đẩy sự truyền bá của Phật giáo Nguyên thủy đến Đông Nam Á.

Ni đoàn Bhikkhuni cũng thịnh vượng trong thời kỳ này, với các Nữ tu tích cực tham gia vào đời sống tâm linh và cộng đồng. Các sử liệu lịch sử như Dipavamsa (do các Nữ tu biên soạn vào thế kỷ thứ 4), nêu bật những đóng góp của Ni giới cho văn học và thực hành Phật giáo. Sự hỗ trợ của hoàng gia đảm bảo việc xây dựng các tu viện, chẳng hạn như các tu viện ở Anuradhapura, và giáo đoàn Ni Bhikkhuni duy trì sự hiện diện mạnh mẽ bên cạnh các Tăng đoàn Bhikkhu.

7.3. Sự suy tàn của Ni đoàn Tỳ-kheo-ni (Thế kỷ 11)

Ni đoàn Tỳ-kheo-ni đã phải đối mặt với một sự thất bại đáng kể vào khoảng thế kỷ 11, có thể là do cuộc xâm lược của Chola từ Nam Ấn Độ, đã phá vỡ các tổ chức tu viện và dẫn đến sự suy tàn của Phật giáo ở Sri Lanka. Yêu cầu về số lượng Tỳ-kheo-ni đã thọ giới cụ túc để thọ giới không còn có thể đáp ứng được nữa, khiến cho giáo đoàn Ni dần biến mất khỏi hòn đảo này. Trong khi Tăng đoàn Tỳ-kheo vẫn tồn tại, được hỗ trợ bởi các đợt tái thọ giới định kỳ từ Miến Điện và Thái Lan, thì dòng dõi Tỳ-kheo-ni đã bị mất tại địa phương, khiến phụ nữ phải đóng vai trò tại gia hoặc địa vị của Dasa Sil Matas (Nữ tu mười giới) không được thọ giới cụ túc Tỳ-kheo-ni.

7.4. Sự hồi sinh và những thách thức (Thế kỷ 12 - Thế kỷ 19)

Tăng đoàn Tỳ-kheo đã trải qua những chu kỳ suy tàn và hồi sinh, đáng chú ý là dưới thời các vị vua như Parakramabahu I (thế kỷ 12), người đã thống nhất Tăng đoàn và củng cố kỷ luật tu viện. Tuy nhiên, chế độ thực

dân (Bồ Đào Nha, Hà Lan và Anh, thế kỷ 16–20) đã mang đến nhiều thách thức hơn nữa. Các hoạt động truyền giáo của Cơ đốc giáo và tịch thu đất đai đã làm suy yếu các thể chế tu viện, mặc dù các Tỳ-kheo đã thích nghi bằng cách tham gia vào cải cách xã hội và giáo dục, với những nhân vật như Hikkaduwe Sri Sumangala thành lập các học viện Phật giáo như Vidyodaya Pirivena vào thế kỷ 19.

Sự vắng mặt của Ni đoàn Tỳ-kheo-ni vẫn tiếp diễn trong suốt thời kỳ này, mặc dù Nữ tu mười giới (Dasa Sil Matas) vẫn tiếp tục thực hành và phục vụ với năng lực hạn chế, thường quản lý các ngôi chùa và giảng dạy cho người tại gia. Những nỗ lực khôi phục lại dòng tu Tỳ-kheo-ni đã bị cản trở bởi các phe phái bảo thủ trong Tăng đoàn, những người đặt câu hỏi về tính hợp pháp của nó khi không có dòng dõi Theravada trực tiếp.

7.5. Sự hồi sinh hiện đại của Ni đoàn Tỳ-kheo-ni (Thế kỷ 20 - Hiện tại)

Thế kỷ 20 đánh dấu bước ngoặt cho cả Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. Tăng đoàn Tỳ-kheo lấy lại sức mạnh thông qua phong trào phục hưng Phật giáo, được hỗ trợ bởi những nhân vật như Hòa thượng Anagarika Dharmapala và việc thành lập các trường đại học tu viện hiện đại, chẳng hạn như Đại học Phật giáo và Pali của Sri Lanka. Các Tỳ-kheo mở rộng vai trò của mình, tham gia vào giáo dục, dịch vụ xã hội và các phong trào dân tộc chủ nghĩa.

Ni đoàn Tỳ-kheo-ni đã chứng kiến sự hồi sinh mang tính lịch sử bắt đầu vào cuối thế kỷ 20. Năm 1996, phụ nữ Sri Lanka đã được thọ giới Cụ túc làm Tỳ-kheo-ni tại Sarnath, Ấn Độ, với sự hỗ trợ của các Ni sư Đại thừa từ Hàn Quốc và Đài Loan, vì dòng dõi Tỳ-kheo-ni Nguyên

thủy đã tồn tại ở Đông Á. Các lễ truyền giới đầu tiên ở Sri Lanka diễn ra vào năm 1998 tại Dambulla, do các hòa thượng ủng hộ phong trào phục hưng, bất chấp sự phản đối của các nhà sư bảo thủ với lý do là các vấn đề Luật tạng. Những nhân vật chủ chốt như cố Ni trưởng Bhikkhuni Kusuma (Tỳ-kheo-ni Sri Lanka hiện đại đầu tiên) và Ni sư Bhikkhuni Madulle Vijithananda và nhiều vị khác đã ủng hộ phong trào này, thành lập các trung tâm đào tạo như Sakyadhita ở Panadura.

7.6. Phát triển đương đại (Thế kỷ 21 - 19 tháng 3 năm 2025)

Lịch sử của các giáo đoàn này được đặc trưng bởi các giai đoạn hưng thịnh và suy tàn, chịu ảnh hưởng của những thay đổi chính trị xã hội từ thời cổ đại đến thời thuộc địa. Sức phục hồi của Ni đoàn Bhikkhuni đặc biệt đáng chú ý, đã phục hồi sau khi gần như tuyệt chủng. Những nỗ lực phục hồi vào cuối thế kỷ 20, bao gồm cả việc tái lập lễ thọ giới Bhikkhuni, đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng, phục hồi con đường tu viện dành cho phụ nữ và tiếp thêm sinh lực cho các hoạt động giáo dục và tâm linh bắt nguồn từ truyền thống Theravāda.

Giáo dục tu viện đương đại đã phát triển đáng kể, với các tổ chức như Đại học Phật giáo và Pali Homagama và Viện nghiên cứu Phật giáo quốc tế Nāgānanda and các học viện khác đã cung cấp chương trình đào tạo học thuật và tâm linh nâng cao. Các trung tâmPhật giáo này đã đóng góp vào sự phát triển trí tuệ của Tăng đoàn và chuẩn bị cho tăng ni cư sĩ tham gia vào các thách thức của xã hội hiện đại.

Ni đoàn Bhikkhuni được tái lập đã tác động sâu sắc

đến xã hội Sri Lanka, mở rộng ra ngoài các vai trò tu viện truyền thống để tham gia vào dịch vụ cộng đồng, giáo dục và tiếp cận quốc tế. Điều này minh họa cho bản chất năng động của chủ nghĩa tu viện Phật giáo, điều chỉnh các hoạt động truyền thống để đáp ứng nhu cầu hiện đại. Những thách thức đang diễn ra bao gồm duy trì chất lượng giáo dục tu viện, giải quyết sự chênh lệch giới tính và đảm bảo sự phù hợp của đời sống tu viện trong một thế giới hiện đại hóa. Những cách tiếp cận sáng tạo tôn trọng truyền thống trong khi chấp nhận sự thay đổi tiến bộ là cần thiết để giải quyết những vấn đề này.

Tính đến ngày 19 tháng 3 năm 2025, Tăng đoàn Tỳ-kheo vẫn là lực lượng thống trị trong Phật giáo Sri Lanka, với hàng nghìn nhà sư sống trong các tu viện nông thôn và thành thị. Các ngài tiếp tục đóng vai trò truyền thống - thiền định, tụng kinh và giảng dạy - đồng thời giải quyết các vấn đề hiện đại thông qua phương tiện truyền thông, hoạt động vì môi trường và giáo dục. Các cơ sở giáo dục Gangaramaya và các pirivenas (trường học tu viện) hiện đại kết hợp truyền thống với nhu cầu đương đại.

Ni đoàn Tỳ-kheo-ni, mặc dù nhỏ hơn, cũng đang phát triển từ từ đều đặn, với hàng trăm Nữ tu đã thọ giới cụ túc Tỳ-kheo-ni (Bhikkhunis) và hàng nghìn Sa-di-ni (Sāmaṇeris) và Dasa Sil Matas. Các Tỳ-kheo-ni đã đảm nhận nhiều trách nhiệm hơn, bao gồm cả phục vụ cộng đồng (ví dụ: hỗ trợ các gia đình nghèo, cứu trợ thiên tai), giáo dục (ví dụ: trường Dhamma Chủ Nhật) và đối thoại liên tôn. Các nhà lãnh đạo Ni giới như Cố Ni trưởng Tiến Sĩ Bhikkhuni Kusuma, ni trưởng Tiến Sĩ Bhikkhuni Dhammananda, Ni sư Bhikkhuni Madulle Vijithananda, Ni sư Bhikkhuni Hapandeniya Supeshala Maha Theri, Ni

sư Bhikkhuni Peliyagoda Sudarshana, và nhiều Tỳ-kheo-ni khác nổi bật như những nhân vật đáng chú ý trong lịch sử Phật giáo Ni giới Sri Lanka.

Là những người tiên phong chủ chốt trong việc phục hồi ni đoàn Tỳ-kheo-ni ở Sri Lanka, quý Ni sư đã đóng vai trò quan trọng trong việc tái lập hệ thống thọ giới cụ túc trọn vẹn cho phụ nữ, thổi luồng sinh khí mới vào một truyền thống đã phai nhạt theo thời gian. Ni giới là những ví dụ điển hình cho sự tiến hóa, kết hợp đời sống tu viện với hoạt động tiếp cận xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức, bao gồm sự phản kháng đối với tính hợp pháp của họ từ một số Tỳ-kheo và các cuộc tranh luận của xã hội về bình đẳng giới.

Sự tiến hóa và tình trạng hiện tại của Tăng đoàn Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni ở Sri Lanka cho thấy sự tương tác phức tạp giữa lòng sùng đạo, tác động xã hội và bảo tồn văn hóa kéo dài hàng thiên niên kỷ. Sự kiện này nêu bật những hiểu biết sâu sắc và dự đoán các quỹ đạo tương lai trong Phật giáo toàn cầu.

Với sự hỗ trợ mạnh mẽ của địa phương và quốc tế, cùng đức tin và sự cống hiến to lớn của chính những Tỳ-kheo-ni Sri Lanka mới, Ni đoàn Tỳ-kheo-ni Theravada hiện đã được thành lập vững chắc tại Sri Lanka. Khi tăng già bốn chúng của Đức Phật hiện đã hoàn chỉnh—Tỳ kheo (bhikkhu), Tỳ-kheo-ni (bhikkhuni), nam cư sĩ (upasaka) và nữ cư sĩ (upasika)—ở Sri Lanka trở nên có trình độ hơn, kiến thức hơn, được nâng cao và được trao quyền hơn trong quá trình Phật giáo toàn cầu đang phát triển.

Phái đoàn Ni sư Giới Hương cúng dường cho các học tăng trẻ tại Trường Sri Vidyasekhara Pirivena, Koombiyangoda Maha Vihara, ngày 13 tháng 7 năm 2023

Phụ Lục 1

Sự Khởi Đầu Của Một Cộng Đồng Ni Giới

Wijayaratna, M. (biên tập)

Mặc dù Cộng đồng Ni giới được thành lập sau khi Cộng đồng Tăng sĩ ra đời, Đức Phật đã giảng dạy Giáo lý cho cả Tăng Ni và nam nữ cư sĩ ngay từ khi bắt đầu sự nghiệp hoằng pháp của mình, và nhiều đệ tử nữ—như Visākhā Migāra-Mātā, Bandula-Mallikā, Khujuttarā, Velukantakī Nanda-Mātā, v.v.—đã ủng hộ sự bình đẳng độ sanh của Đức Phật với tư cách là những đệ tử tại gia thuần thành. Do đó, người ta có thể hỏi tại sao Đức Phật lại đợi quá lâu trước khi đồng ý thành lập một giáo đoàn dành cho phụ nữ. Một giai thoại dài trong Luật tạng và Tăng chi bộ kinh đã nêu rõ bối cảnh. Sau đây là một bản tường thuật ngắn gọn về sự kiện này:

Một lần nọ, Đức Phật ở thành Ka-tỳ-la-vệ

(Kapilavatthu)[39] và mẹ kế (di mẫu) của Ngài là Kiều-đàm-di Đại-ái-đạo (Mahā-Pajāpati Gotamī), đã xin phép xuất gia sống cuộc sống không nhà.[40] Đức Phật đã từ chối, nói rằng, "Không, Gotamī, đừng sống cuộc sống không nhà trong Giáo pháp và Giới luật này đã được Như Lai truyền dạy." Di Mẫu Mahā-Pajāpati Gotamī đã đưa ra cùng một yêu cầu trong hai lần khác, nhưng Đức Phật cũng đã đưa ra câu trả lời phủ định mỗi lần như vậy, và Mahā-Pajāpati Gotamī đã rất thất vọng.

vào một dịp sau đó, khi Đức Phật đang cư trú tại thành Tỳ-xá-ly (Vesālī),[41] Di Mẫu Mahā-Pajāpati Gotamī, Thái tử Rāhula-Mātā và một nhóm lớn các phụ nữ hoàng gia dòng họ Thích Ca (Sākyan) đã cắt tóc, mặc quần áo khổ hạnh và đi thành một nhóm đến Vesālī, đi bộ một quãng đường dài (hơn ba trăm km) để thể hiện quyết tâm sâu sắc của các ngài. vào cuối cuộc hành trình, nhóm phụ nữ tụ tập lại khóc lóc bên ngoài cổng nơi Đức Phật đang cư ngụ. Nhìn thấy Mahā-Pajāpati Gotamī và nhóm phụ nữ hoàng già, tôn giả Āyasmanta Ānanda đã thay mặt các ngài, đưa ra một lời thỉnh cầu mới lên Đức Thế Tôn. Lần này, Đức Phật đã cho phép Mahā-Pajāpati Gotamī nhập vào cuộc sống không nhà cửa "trong Giáo pháp và Giới luật này" với điều kiện Di mẫu phải chấp nhận Tám pháp cung kính

39. Cung thành Ca-tỳ-la-vệ nơi Đức Phật đản sinh, thành phố chính của dòng họ hoàng gia Thích Ca (Sakya).

40. Xem Tương Ưng Bộ Kinh (Saṃyutta Nikāya), tập II, 18-19. Theo các Chú giải, sự việc này xảy ra khi Đức Phật đến xứ Sakya để hòa giải hai nhóm, người Sakya và người Koliya. Họ đang tranh cãi nhau về việc giành quyền sử dụng nước sông Rohiṇi (xem S-a 672; Dhp-a III, 254-56; J V 412). Sự việc này xảy ra sau khi phụ vương của Đức Phật, vua Tịnh Phạn Vương (Suddhodana), thủ lĩnh của người Sakya, bang hà.

41. Thủ đô của dân tộc Vajjians.

(Bát kính pháp).[42]

Chúng ta có thể hỏi tại sao Đức Phật lại do dự nhiều như vậy khi cho phép thành lập một cộng đồng tôn giáo dành cho phụ nữ, vì Ngài đầy lòng từ bi và bình đẳng với mọi người. Để hiểu được "sự do dự" của Ngài, chúng ta hãy quay lại giai thoại ban đầu. Chúng ta có thể thấy ở đây, Đức Phật có hai lập trường trái ngược nhau. Trước hết, Ngài từ chối cho phép mẹ kế của mình vào cuộc sống Tăng sĩ (vô gia cư), nhưng sau đó Ngài đồng ý và thậm chí còn chấp nhận thành lập một cộng đồng tu viện dành cho phụ nữ.

Trước hết, chúng ta phải lưu ý rằng, nói một cách nghiêm ngặt, Di mẫu Mahā-Pajāpati Gotamī không yêu cầu thành lập một Cộng đồng Ni giới (bhikkhunī sangha). Ngài chỉ yêu cầu được phép vào đời sống vô gia cư trong "Giáo pháp và Giới luật này". Chúng ta có thể thấy rằng Đức Phật có hai khả năng. Ngài có thể cho phép những người phụ nữ này vào Cộng đồng Tăng sĩ, vốn đã được thành lập, hoặc ngài có thể thành lập một cộng đồng chỉ dành cho phụ nữ—một cộng đồng tồn tại song song với Cộng đồng Tăng sĩ. Tuy nhiên, khả năng đầu tiên là không khả thi. Việc cho phép nam và nữ sống gần nhau như vậy sẽ làm suy yếu nguyên tắc xuất gia. Khả năng thứ hai chắc chắn là giải pháp tốt nhất, nhưng khi những yêu cầu đầu tiên được đưa ra, các điều kiện vẫn chưa thuận lợi để thành lập một Cộng đồng Ni giới. Chắc chắn đã có một khoảng thời gian nhất định trôi qua giữa yêu cầu đầu tiên của Di mẫu Mahā-Pajāpati Gotamī và chuyến viếng thăm Tỳ-xá-ly (Vesālī) của ngài để gặp Đức Phật. Vì vậy, khi đến Vesālī, Đức Phật

42. Luật tạng (Vinaya), tập II, trang 253-54; A IV 272-77; see also Th-a 141 and Vinaya, IV, 52.

đã chọn giải pháp thứ hai và đưa ra một số điều kiện tiên quyết (Bát kính pháp) để vạch ra ranh giới giữa Cộng đồng Tăng và Cộng đồng Ni. Do đó, khi đồng ý thành lập Cộng đồng Ni, Đức Phật đã cung cấp cho Mahā-Pajāpati Gotamī nhiều hơn những gì bà đã yêu cầu.

Để hiểu tại sao Đức Phật không thể đưa ra lời đề nghị này khi Mahā-Pajāpati Gotamī lần đầu tiên yêu cầu xuất gia, chúng ta phải xem xét thái độ của Đức Phật đối với các vấn đề xã hội và đặc biệt là tính cách từ bi và nhạy cảm của Ngài. Các văn bản kinh điển cho thấy rằng Đức Phật đôi khi thay đổi ý định tùy thuộc vào những gì mọi người yêu cầu, cũng giống như Ngài sẽ điều chỉnh bài thuyết giảng của mình theo khả năng của những người lắng nghe Ngài. Đôi khi Ngài sẽ chấp nhận một số yêu cầu nhất định, nếu chúng được lặp lại nhiều lần. Ví dụ, một ngày nọ, khi Đức Phật ở thành Vương Xá (Rājagaha, Rajgir), Ngài tình cờ gặp một nhà khổ hạnh khỏa thân tên là Ca-diếp-ba (Kassapa) đang đi bộ trong thị trấn. Kassapa nói với Đức Phật, "Nếu Đức Gotama đáng kính cho phép tôi, nếu Ngài muốn cho tôi cơ hội để nghe câu trả lời của Ngài, tôi muốn hỏi Ngài về một vấn đề nào đó." Đức Phật trả lời, "Đây không phải là lúc để hỏi, hỡi Kassapa, chúng ta đang ở giữa các ngôi nhà."[43]

Nhà khổ hạnh lõa thể lặp lại lời thỉnh cầu của mình và Đức Phật từ chối lần thứ hai. Sau đó, nhà khổ hạnh lõa thể nói, "Đây không phải là vấn đề quan trọng mà chúng tôi muốn hỏi, hỡi Đức Phật đáng kính." Sau đó, Đức Phật nói, "Ông có thể hỏi bất cứ điều gì ông thích, hỡi Kassapa."

43. Câu nói "chúng ta đang ở giữa các ngôi nhà" (antaraghare) có nghĩa là "chúng ta đang ở trong một ngôi làng hoặc một thị trấn để nhận thức ăn".

và họ đã có một cuộc thảo luận quan trọng.[44] Cuộc đối thoại này cho thấy Đức Phật đã phản ứng như thế nào với một người khăng khăng yêu cầu. Các văn bản kinh điển ghi lại nhiều sự việc tương tự.[45] Có khả năng là, đối với Đức Phật, người đưa ra yêu cầu cần phải kiên trì, khi đó là một vấn đề quan trọng.[46] "Sự kiên trì kiên trì với một mục đích tốt" được phân loại trong Giáo lý là thuộc về phạm trù nỗ lực tốt (sammā vāyāma), mà Đức Phật đã ca ngợi ngay từ đầu bài thuyết pháp đầu tiên của mình. Tương tự như vậy, chúng ta có thể thấy trong câu chuyện về việc thành lập Cộng đồng Ni giới rằng Đức Phật đã tính đến sự khăng khăng của Di mẫu Mahā-Pajāpati Gotamī và Tôn giả Ānanda.

Một điểm quan trọng khác cần xem xét trong mối liên hệ này là cách Đức Phật đưa ra quyết định. Các văn bản

44. Xem Tương Ưng Bộ Kinh (Saṃyutta Nikāya), tập II, 18-19 / SN 12:17; cf. Udana, pp. 6-9/Ud 1.10.

45. Ngay cả trong kinh Mahā-Parinibbāna-sutta, liên quan đến khả năng hoãn lại sự nhập niết bàn của mình, Đức Phật đã nói với Āyasmanta Ānanda, "Nếu ông nài nỉ, Như Lai có thể từ chối lời kêu gọi ngay cả lần thứ hai, nhưng đến lần thứ ba, Người sẽ chấp nhận":
Even in the Mahā-Parinibbāna-sutta, concerning the possibility of postponing his parinibbāna, the Buddha said to Āyasmanta Ānanda, "If you had insisted, the Tathāgata might have rejected the appeal even the second time, but the third time he would have accepted it": Sace tvam Ānanda Tathāgatam yāceyyāsi, dve vā te vā ca Tathāgato paṭikkhipeyya, atha tatiyakaṃ adhivāseyya— Dīgha Nikāya (Trường Bộ), tập II, trang 116-18.

46. Theo truyền thống, Đức Phật bắt đầu giảng dạy Giáo lý chỉ sau khi Phạm thiên Brahmā Sahampati yêu cầu Ngài làm như vậy (Vinaya, I, 6-7; Majjhima Nikāya (Trung Bộ), I, 168; Tương Ưng Bộ Kinh (Saṃyutta Nikāya), I, 137-38). Về mặt biểu tượng, một câu chuyện như thế này cho thấy rằng những người khác phải yêu cầu được nghe Giáo lý và chỉ sau đó Đức Phật mới nói. Ngài không áp đặt Giáo lý và Kỷ luật của mình mà chỉ giảng dạy sau khi được yêu cầu làm như vậy!

trong Luật Tạng (Vinaya-piṭaka) cho thấy Đức Phật chỉ đặt ra một quy tắc nhất định khi rõ ràng là nó sẽ hữu ích cho người khác, khi có dịp và khi chứng tỏ điều đó là hoàn toàn cần thiết. Ví dụ, lúc đầu, khi tôn giả Xá Lợi Phất (Sāriputta) thỉnh Đức Phật thiết lập một bộ Giới luật, oai nghi, quy tắc kỷ luật rõ ràng cho Cộng đồng Tăng sĩ, Đức Phật đã không đồng ý. Đức Phật chỉ đưa ra các quy tắc giới luật khi nhu cầu phạm giới hay tệ nạn phát sinh vì, ngài nói, do duyên khởi của hoàn cảnh thay đổi theo thời gian (rattanna-mahatta), do vật phẩm cúng dường nhiều, do lòng tham tích lũy (labhagga-mahatta), do tăng chúng tranh cải (vepulla-mahatta) và do sự gia tăng các loại thị phi, mẫu thuẫn trong chúng (bahusacca-mahatta), vv... thì lúc đó Đức Phật mới chế giới.[47]

Cách tiếp cận "chờ đợi thời điểm thích hợp" được tìm thấy trong toàn bộ Luật tạng khi Đức Phật thiết lập các giới luật kỷ cương, và thường xuyên hơn, khi Ngài đưa ra các sửa đổi và bổ sung cho các quy tắc. Dù sao đi nữa, đây là ấn tượng mà mọi trang của các văn bản Luật tạng mang lại. Do đó, trong trường hợp yêu cầu của những người phụ nữ muốn bước vào đời sống tôn giáo, có vẻ như Đức Phật không vội vàng thành lập một Cộng đồng Ni giới như một phần của phong trào mới của Ngài dành cho những người từ bỏ cuộc sống gia đình. Ngài có lẽ đã thấy trước những khó khăn sẽ phát sinh nếu một Cộng đồng Ni giới được thành lập quá sớm. Nói cách khác, Đức Phật không thể thành lập một Cộng đồng Ni giới trước khi có đủ các nhà tài trợ để hỗ trợ như một tổ chức tu viện. Đối với Ngài, một cộng đồng tu viện không nên tách biệt khỏi cộng đồng cư sĩ; nó phải là một tổ chức nhất thiết phải được cư sĩ hỗ

47. Xem Luật tạng (Vinaya), tập 1, trang 43.

trợ và bảo vệ. Cộng đồng Tăng sĩ đã được thành lập theo những nguyên tắc đó. Câu hỏi đặt ra là: Cộng đồng Ni giới có nhận được sự ủng hộ rộng rãi từ cộng đồng giáo dân nếu được thành lập cùng lúc với Cộng đồng Tăng sĩ không? Câu trả lời là: Không!

Chúng ta phải nhớ rằng khi một số thanh niên rời bỏ gia đình để gia nhập vào dòng tu Phật giáo vào thời điểm nó mới bắt đầu, những người theo Bà-la-môn ở thành Vương Xá (Rājagaha) và chính những người Bà-la-môn đã tức giận, nói rằng, "Vị khổ hạnh Gotama này đang trên con đường tước đoạt con cái của chúng ta; vị khổ hạnh Gotama này đang trên con đường phá hủy gia đình."[48] Vì vậy, chúng ta thấy rằng lúc đầu, Đức Phật và các đệ tử nam đầu tiên của ngài đã gặp khó khăn khi đối mặt với các tín ngưỡng truyền thống của một xã hội do những người Bà-la-môn thống trị. Trong những điều kiện như vậy, chúng ta không thể tưởng tượng rằng những người tại gia sẽ chấp nhận cảnh tượng phụ nữ của họ (kể cả những phụ nữ chưa lập gia đình) rời bỏ gia đình. Thật vậy, truyền thống của những người Bà-la-môn đã giới hạn phụ nữ trong gia đình. Những người Bà-la-môn sẽ không muốn nhà lãnh đạo tôn giáo Gotama phá hủy "ngôi nhà" của họ!

Hơn nữa, có một số trở ngại đối với Đức Phật khi chấp nhận yêu cầu thành lập một cộng đồng cho các Nữ tu. Một mặt, Giáo lý của Đức Phật vẫn chưa được phổ biến rộng rãi; mặt khác, không có nhiều người ủng hộ những người đã xuất gia trong "tôn giáo" mới này. Cuối cùng, ngay cả Cộng đồng Tăng sĩ vẫn chưa được tổ chức theo các quy tắc kỷ luật giới luật chính xác. Những điều kiện này có nghĩa là thời điểm chưa chín muồi để thành lập một Cộng

48. Xem Luật tạng (Vinaya), tập II, trang 21.

đồng Ni giới. Có lẽ có một số đệ tử nam, đặc biệt là trong thời kỳ đầu đó, nghĩ rằng một Cộng đồng Ni giới sẽ không cần thiết, hoặc thậm chí có hại, ít nhất là trong thời điểm lúc hiện tại lúc đó.

Rất có thể, cũng có câu hỏi về cách tổ chức một cộng đồng như vậy cho phụ nữ theo cùng đường lối như cộng đồng tu sĩ. vào những ngày đầu, có tương đối ít đệ tử của Đức Phật, và họ đi từ quận này sang quận khác, từ quốc gia này sang quốc gia khác, một mình hoặc theo nhóm, để giảng dạy Giáo lý.[49] Các vị tăng đắp y làm từ vải vụn (bá nạp)[50] và đi từ nhà này sang nhà khác mỗi ngày để khất thực. Vì vẫn chưa có chùa hay tu viện nào ở khắp mọi nơi, chư tăng phải ngủ qua đêm trong các khu vườn công cộng, trong xưởng gốm,[51] v.v. Có thể Đức Phật nghĩ rằng phụ nữ, đặc biệt là những người xuất thân từ hoàng gia, gia đình khá giả, sẽ không thể theo đuổi một lối sống khó khăn như vậy, và thậm chí có thể gây ra tai tiếng nếu những người phụ nữ đó có liên hệ với nam giới. Vì vậy, có vẻ như, giống như câu hỏi về y tu sĩ,[52] Đức Phật đã đợi

---

49. Xem Luật tạng (Vinaya), tập 1, trang 43.

50. BML, pp.32-34.

51. Những nơi như xưởng gốm (kumbakāra sālā) mở cửa đón những người tang sĩ vô gia cư đến thị trấn ngay cả vào đêm khuya (Majjhima Nikāya (Trung Bộ), tập III, trang 237).

52. Trong hai mươi năm đầu tiên của Cộng đồng Tăng sĩ, các nhà sư chỉ đắp y bá nạp (pamsukūla cīvara) làm bằng vải vụn (Vinayay/Luật tạng, tập I, trang 280). Sau đó, theo lời đề nghị của một bác sĩ nổi tiếng, Jīvaka Komārabhacca, Đức Phật đã cho phép các nhà sư nhận vật liệu làm y do người tại gia cúng dường. Bản thân Đức Phật đã bắt đầu thực hành bằng cách nhận một mảnh vải đắt tiền từ bác sĩ. Rõ ràng là Đức Phật và các đệ tử của Ngài đã đợi cho đến khi các nhà tài trợ mời họ đắp y làm từ vật liệu do các đệ tử tại gia tặng. Điều quan trọng là phải hiểu tại sao Đức Phật và các đệ tử của Ngài không đắp y bằng vải mới ngay từ đầu. Lý

cho đến khi giải quyết được một số vấn đề vật chất nhất định trước khi đồng ý thành lập Cộng đồng Ni giới để phụ nữ có thể theo đuổi cuộc sống tu viện một cách hiệu quả.

Đức Phật biết chắc rằng sẽ có những khó khăn khác đối với phụ nữ trong một cơ sở tu viện—đặc biệt là vấn đề an ninh của họ. Ngay cả sau khi Cộng đồng Ni giới được thành lập, vấn đề an ninh của các thành viên luôn là một vấn đề nghiêm trọng, đặc biệt là ở những vùng có ít Phật tử, hoang vu. Trong một số trường hợp, các Nữ tu trẻ đã bị hãm hiếp trên những con đường vắng vẻ, trong rừng và thậm chí trên thuyền.[53] Đây là lý do tại sao, ngay cả sau này, sau khi cộng đồng của Ni giới đã được thành lập vững chắc, các Nữ tu vẫn bị hạn chế chỉ sống ở những khu vực mà Phật giáo đã được thiết lập vững chắc. Do đó, chỉ có thể mong đợi rằng Đức Phật sẽ đợi cho đến khi có một số khu vực an toàn như vậy trước khi thành lập Cộng đồng Ni giới.[54]

---

do rất rõ ràng: trong xã hội thời Đức Phật, các thành viên của các cộng đồng khổ hạnh khác không có thói quen nhận y cúng dường hoặc vải y do người tại gia tặng, và hơn nữa, nhiều người tại gia rất ngưỡng mộ việc thực hành khổa thân như một số nhà khổ hạnh đã làm. Điều này có nghĩa là nếu Đức Phật và các đệ tử của Ngài đã bắt đầu tìm kiếm và chấp nhận y phục tu sĩ làm từ vải mới, thì câu hỏi về những gì tang sĩ đắp/mặc sẽ trở thành một trở ngại đối với việc họ được chấp nhận bởi những người tại gia. Sau hai mươi năm, một số lượng đủ các đệ tử tại gia biết rằng việc đắp y làm bằng vật liệu mới sẽ không phải là trở ngại đối với sự phát triển tu tập của một nhà sư. Cuối cùng, chính các đệ tử tại gia đã yêu cầu Đức Phật và các đệ tử của Ngài đắp những tấm y vàng mà họ đã cúng dường, hoặc những tấm y từ vật liệu mới do họ tặng. Vì vậy, đối với Đức Phật, đã đến lúc bắt đầu chấp nhận vật liệu y trong và y ngoài mới. (xem BML, trang.33-35).

53. Chính vì những sự việc như thế này mà các Nữ tu bị cấm sống trong rừng hoặc nơi hoang vắng một mình. Xem trang.107-108, 123.

54. Phật giáo Nguyên thủy thừa nhận rằng một nam hay nữ cư sĩ có thể

Trong câu chuyện về nguồn gốc của Cộng đồng Ni giới, chúng ta thấy một điểm quan trọng khác: điều thú vị là lời yêu cầu đầu tiên để xuất gia sống cuộc sống tu hành không phải đến từ những người phụ nữ Bà-la-môn, mà là từ những người phụ nữ hoàng gia dòng họ Thích Ca (Sakya), một số người chồng của họ đã trở thành nhà sư dưới thời Đức Phật. Nếu Đức Phật ngay lập tức chấp nhận lời yêu cầu của những người phụ nữ Sakya, thì một quyết định nhanh chóng như vậy sẽ bị coi là tai tiếng bởi những người phản đối chống giáo lý của Đức Phật. Những người Bà la môn chính thống và một số chống đối (Paribbājakas), liên tục chỉ trích các lý thuyết và thực hành của Đức Phật, có thể đã nói, "Cuối cùng, nhà khổ hạnh Gotama đã sắp xếp cho những người phụ nữ Sakya sống gần những người chồng cũ của họ. Họ có phải là những nhà khổ hạnh thực sự không? Hãy nhìn những người phụ nữ và đàn ông dòng họ Thích Ca Sakya cạo trọc đầu đó, sống với nhau như thế nào. Có ích gì khi cúng dường thực phẩm, v.v., cho những kẻ từ bỏ giả dối này không?" Những nhận xét như thế này không chỉ là giả thuyết. Thật vậy, sau này, khi Cộng đồng Ni giới được thành lập, các Nữ tu đã ra đường cùng với các nhà sư, và có những người đã nói, "Đó là vợ của họ, đó là tình nhân của họ,"[55] v.v.

Đúng là những lời chỉ trích như thế này không có nhiều tác dụng vào thời điểm đó vì có những người hiểu biết rõ về Cộng đồng và biết sự thật về đời sống tu viện của Tăng Ni riêng biệt. Nhưng nếu Cộng đồng Ni giới được thành lập trước khi số lượng đệ tử tại gia đủ lớn, thì kiểu chỉ trích

đạt được quả vị A-la-hán, nhưng nói rằng người đó sẽ không tiếp tục sống trừ khi người đó từ bỏ cuộc sống gia đình. (Luật tạng (Vinaya), tập 1, I 17; Dhp-a III, 78-84; Milinda, p.264; and also, BML, p.172).

55. Xem trang.47, 51.

này có thể là trở ngại cho việc truyền bá giáo lý mới. Cuối cùng, khía cạnh đáng chú ý nhất của câu chuyện này là câu trả lời mà Đức Phật đã đưa ra cho Āyasmanta Ānanda khi ngài can thiệp thay mặt cho Mahā-Pajāpati Gotamī. Āyasmanta Ānanda đã yêu cầu Đức Phật cho phép Di mẫu được sống cuộc sống vô gia cư. Đức Phật đã từ chối hai lần. Sau đó, Āyasmanta Ānanda đã đề cập đến vấn đề này theo một góc độ khác.

Tôn giả Āyasmanta Ānanda hỏi rằng liệu phụ nữ có không có khả năng đạt được các tầng thiền định và giải thoát khác nhau nếu họ bước vào cuộc sống vô gia cư trong Giáo pháp và Giới luật này không? Đức Phật trả lời, "Này Ānanda, những phụ nữ từ bỏ cuộc sống gia đình và bước vào cuộc sống vô gia cư đã được Như Lai dạy và thiết lập có khả năng đạt được các giai đoạn tầng thiền chứng như: Tu-đà-hoàn (Sotāpatti), Tư-đà-hoàn (Sakadāgāmi), A-na-hàm (Anāgāmi) và A-la-hán (Arahant)."[56] Câu trả lời của Đức Phật rất rõ ràng. Tuy nhiên, chúng ta cũng có thể hỏi, liệu câu hỏi của tôn giả Ānanda có liên quan không vì đã có những phụ nữ tại gia cũng đạt được các giai đoạn thiền chứng như Sotāpatti, Sakadāgāmi và Anāgāmi. Tôi nghĩ rằng Āyasmanta Ānanda có lẽ muốn hỏi như sau: "Thưa Đức Thế Tôn, phụ nữ có dễ dàng đạt được các giai đoạn giải thoát này sau khi bước vào cuộc sống vô gia cư trong Giáo pháp và Giới luật này không?"

và tôi cũng nghĩ rằng mục đích chính của câu hỏi được cho là của Āyasmanta Ānanda là để có được câu trả lời khẳng định từ Đức Phật về khả năng của phụ nữ có thể đạt được trạng thái hoàn hảo của A-la-hán và an trú trong trạng thái đó như những Nữ tu.

---

56. Luật tạng (Vinaya), tập II, trang 254-55.

Mặc dù vậy, câu trả lời của Đức Phật đủ để chúng ta hiểu rằng sự từ chối ban đầu của Ngài không dựa trên những cân nhắc về khả năng tâm linh hoặc trí tuệ của phụ nữ mà đúng hơn là vì những lý do khác, chẳng hạn như các vấn đề về thể chế: hành chính, an ninh, v.v. Āyasmanta Ānanda ngay lập tức tiếp nối câu trả lời của Đức Phật bằng một yêu cầu: "Vậy thì, Đức Thế Tôn, hãy cho phép Di mẫu Mahā-Pajāpati Gotamī bước vào cuộc sống không nhà trong Giáo pháp và Giới luật này." Ngài là dì ruột của Đức Thế Tôn và là mẹ nuôi của Đức Thế Tôn. Ngài đã chăm sóc Thế Tôn khi thân mẫu Ma-ya của Đức Thế Tôn viên tịch. Sau đó, Đức Phật chấp nhận yêu cầu của đệ tử A-nan. Đây là cách mà phụ nữ Phật giáo có một cộng đồng tu viện của riêng mình. Sau đó, các Nữ tu rất biết ơn thánh tăng Āyasmanta Ānanda.[57]

Toàn bộ vấn đề không dừng lại ở đó. Theo câu chuyện, sau khi Đức Phật cho phép thành lập Cộng đồng Ni giới, ngài đã nói với Āyasmanta Ānanda, "Nếu phụ nữ không xuất gia trong Giáo pháp và Giới luật này, thì giáo lý thanh tịnh sẽ tồn tại trong một ngàn năm, nhưng vì họ đã xuất

57. Tuy nhiên, sau đó một số nhà sư đã chỉ trích lời cầu xin của Tôn giả Ānanda cho các Nữ tu. Có lẽ họ nghĩ rằng bằng cách ủng hộ yêu cầu của phụ nữ, ông đã góp phần làm suy yếu sự trong sạch nguyên sơ của Tăng già (Sangha). Có lẽ, họ đã tìm thấy bằng chứng cho thấy họ đúng trong một số sự cố xảy ra với các Nữ tu. Những nhà sư này, có lẽ xuất thân từ các gia đình Bà-la-môn, đã không hành động trong thời Đức Phật còn sống, nhưng sau đó, tại Kỳ Kiết tập Kinh điển lần thứ nhất đầu tiên, bốn tháng sau khi Đức Phật nhập diệt, parinibbāna, họ đã phàn nàn công khai, bảo Tôn giả Ānanda thú nhận sám hối lỗi lầm của mình và yêu cầu tôn giả cầu xin các nhà sư hiện diện tại đó chứng minh cho mình. Āyasmanta Ānanda không chấp nhận rằng mình đã phạm lỗi, nhưng nói rằng, "Tôi không thấy mình đã làm điều gì sai trái. Mặc dù vậy, vì tôn trọng các bậc đáng kính, tôi xin được cầu sxin sám hối." Luật tạng (Vinaya), tập II, trang 289.

gia, nên nó chỉ tồn tại trong năm trăm năm. Khi phụ nữ xuất gia trong bất kỳ giáo pháp và giới luật nào, thì đó là một yếu tố làm giảm tuổi thọ của giáo pháp và giới luật đó. Giống như một ngôi nhà có nhiều phụ nữ và ít đàn ông: bọn trộm dễ dàng đột nhập vào đó. Giống như căn bệnh truyền nhiễm phá hủy một vụ mía (...).”[58]

Làm sao Đức Phật có thể diễn đạt một ý tưởng khắc nghiệt như vậy? Điều này có thể được diễn giải theo nhiều cách: một số học giả cho rằng đây là sự thể hiện sự hối tiếc của Đức Phật; những người khác coi đó là thái độ xa lạ với tư tưởng của Đức Phật và rằng các nhà sư ghét phụ nữ đã thêm nó vào văn bản. Tuy nhiên, xét về mặt giáo lý, Đức Phật không thể cảm thấy hối tiếc. Nói cách khác, các trạng thái tinh thần như hối tiếc về quá khứ, lo lắng về tương lai, v.v. không thể phát sinh ở một vị Phật giác ngộ. Hơn nữa, các nhà sư đã thuật lại những lời này không thể được coi là ghét phụ nữ, bởi vì những người ghét phụ nữ sẽ không để Đức Phật nói rằng phụ nữ có khả năng đạt được quả vị A-la-hán.

Cũng không nên coi những lời của Đức Phật về Phật pháp suy giảm là một lời tiên tri. Thật vậy, Đức Phật không bao giờ hành động như một nhà tiên tri. Có lẽ Ngài chỉ muốn nói rằng nếu các Nữ tu không hành động đúng đắn, nếu họ chiều theo khuynh hướng nữ tính của mình, thì thời gian Giáo Pháp của Ngài sẽ chỉ kéo dài như vậy. Cuối cùng, trong cuộc đối thoại này, Đức Phật đã nói với tôn giả Āyasmanta Ānanda rằng Ngài đã đưa ra bát kính pháp để tránh việc rút ngắn phật pháp suy giảm này.[59]

---

58. Luật tạng (Vinaya), tập II, trang 256.

59. Luật tạng (Vinaya), tập II, trang 256; Aṅguttara Nikāya (Tăng chi Bộ), tập I, trang 272–77.

Theo tôi, các cuộc đối thoại này về sự khởi đầu của Cộng đồng Ni giới, giống như một số câu chuyện trong Luật tạng (Vinaya-piṭaka), nên được coi là tương đương với một trường hợp đóng vai trò là tiền lệ pháp lý.[60] Mỗi yếu tố trong cuộc đối thoại này đều chứa đựng một thông điệp quan trọng mà những người sáng lập Luật tạng (Vinaya-piṭaka) muốn truyền đạt đến các thế hệ tương lai của truyền thống tu viện này.

1. Trước hết, giai thoại này nhấn mạnh rằng việc thành lập Cộng đồng Ni giới không phải là một sự kiện tự động mà là kết quả của một yêu cầu dai dẳng đến từ những người phụ nữ nghiêm túc có mong muốn mạnh mẽ được sống một cuộc sống xuất gia trong chốn thiền môn.
2. Thứ hai, bằng cách chỉ ra rằng Đức Phật đã từ chối lúc đầu, những người sáng lập Vinaya muốn chỉ ra rằng Cộng đồng Ni giới chỉ được Đức Phật thành lập sau khi suy nghĩ nghiêm túc. Theo cách này, họ nhấn mạnh đến quyết tâm phải có như là nền tảng của cộng đồng mới này. Đồng thời, họ muốn nhấn mạnh vào thực tế rằng Cộng đồng Ni giới được thành lập trong những điều kiện khó khăn, vì vậy tổ chức này phải được các thế hệ Ni giới tương lai bảo vệ cẩn thận.
3. Thứ ba, khi báo cáo những lời của Đức Phật liên quan đến khả năng của phụ nữ đạt được giai đoạn giải thoát cao nhất (chứng A-la-hán), những người

60. Chúng ta không được quên rằng tất cả những câu chuyện này đều nhằm mục đích được kể đi kể lại cho nhiều người nghe (sāvaka và sāvikā), và trong mỗi câu chuyện đều có một thông điệp mà người biên soạn các văn bản muốn truyền tải một cách gián tiếp.

sáng lập Vinaya muốn khuyến khích Ni giới đạt được giai đoạn đó thông qua việc tham gia vào phong trào phụ nữ mới tức gia nhập ni đoàn sống ở chùa thanh tịnh.

4. Thứ tư, sự biến mất có thể xảy ra của giáo lý thuần túy được đề cập đến như một lời cảnh báo kêu gọi sự cảnh giác cực độ ở cả nhị bộ Tăng già (Tăng đoàn và Ni đoàn). Thật vậy, sức hấp dẫn về mặt thể chất của một số Nữ tu có thể trở thành sự gắn bó với thế giới dục vọng đối với các nhà sư vẫn chưa đạt được một trong các tầng thiền chứng giải thoát. Do đó, những nhà sư đó sẽ phải rất cẩn thận. Hơn nữa, các Nữ tu sẽ phải có lương tâm, không chỉ trong việc cư xử đúng mực mà còn trong việc duy trì cộng đồng của Ni giới, vì nếu đời sống tôn giáo bị ô uế sau này, họ sẽ phải chịu trách nhiệm về điều đó. Những lời được cho là của Đức Phật cũng là một thách thức đối với các Nữ tu để chứng minh rằng họ có khả năng khắc phục những điểm yếu của mình, tức là những thói quen tinh thần của phụ nữ.

5. Thứ năm, câu chuyện này chỉ rõ rằng cộng đồng Ni giới mới phải tuân theo các chuẩn mực của xã hội thời đó; nghĩa là phải dành một mức độ ưu tiên nhất định cho các nhà sư. Điểm cuối cùng này được nêu rõ trong Tám điều Tôn kính (attha garu-dhamma) mà Đức Phật đã trình bày cho Di Mẫu Mahā-Pajāpati Gotamī, cụ thể là:

    a. Một Tỳ kheo ni, dầu có trăm tuổi hạ khi gặp thầy Tỳ kheo mới thọ giới Cụ túc cũng phải chào hỏi, đảnh lễ và thực hành tất cả những bổn phận

thích nghi đối với vị Tỳ kheo.[61]

b. Một Tỳ kheo ni không được khiển trách hay nặng lời đối với một vị Tỳ kheo trong bất kỳ trường hợp nào.

c. Tỳ kheo ni không được ngăn Tỳ kheo xét tội, thuyết giới, tự tứ hay nói lỗi của Tỳ kheo. Trái lại, Tỳ kheo được quyền cử tội Tỳ kheo ni.

d. Muốn thọ trì Cụ túc giới phải thông qua hai bộ Tăng: Tỳ kheo ni và Tỳ kheo

e. Nếu Tỳ kheo ni phạm tội hữu dư (Tăng tàn) thì phải đến trước hai bộ Tăng thực hành pháp Ý hỷ (Ma-na-đỏa, manatta) trong thời gian nửa tháng.

Hai bộ Tăng: *Thật vậy, sức hấp dẫn về mặt thể chất của một số Nữ tu có thể trở thành sự gắn bó với thế giới dục vọng đối với các sư tăng chưa đạt được một trong các tầng thiền chứng giải thoát. Do đó, những sư nữ đó sẽ phải rất cẩn thận. Hơn nữa, các Nữ tu sẽ phải có lương tâm, không chỉ trong việc cư xử đúng mực mà còn trong việc duy trì cộng đồng Ni giới, vì nếu đời sống tôn giáo bị ô uế sau này, họ sẽ phải chịu trách nhiệm về điều đó. Những lời được cho là của Đức Phật cũng là một thách thức đối với các Nữ tu để chứng minh rằng họ có khả năng khắc phục điểm yếu của mình, tức là thói quen tinh thần của phụ nữ.*

f. Nửa tháng phải đến bên Tỳ kheo tăng cầu dạy bảo.

g. Không được an cư kiết hạ ở địa phương nào

61. Chúng tôi sẽ thảo luận ở trang 55-58 về lý do đằng sau những thủ tục như vậy.

không có Tỳ kheo ở.

h. Khi an cư xong, phải đến Tỳ kheo tăng cầu ba sự tự tứ: thấy, nghe và nghi.

Việc Đức Phật đưa ra Tám Điều Kiện Vĩ Đại này là duy nhất trong lịch sử tu viện Phật giáo. Ngoại trừ trường hợp này, Đức Phật không bao giờ tự mình thiết lập hoặc thay đổi các quy tắc. Ngài thiết lập một quy tắc khi một số sự kiện khiến nó trở nên cần thiết; Ngài sửa đổi hoặc cải thiện cùng một quy tắc khi một số sự kiện khác yêu cầu. Ngài không ngần ngại sửa đổi một quy tắc mà chính Ngài đã đặt ra. Ngài không áp đặt các điều kiện cho người khác. Mặc dù vậy, Ngài đã đặt ra cho mẹ kế của mình không phải một hoặc hai điều kiện, mà là tám điều kiện. Đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng Ngài đưa ra các quy tắc cho Ni giới.

Đức Phật đã chỉ rõ rằng mục đích của Tám Điều Kiện Vĩ Đại là để bảo vệ Cộng đồng Ni giới và Ngài đã dùng chúng giống như một người đàn ông đang xây dựng một con đê không muốn nước trong hồ chứa tràn bờ. Di mẫu Mahā-Pajāpati Gotamī rất vui khi được nghe về Bát kính pháp và nói rằng vô cùng hạnh phúc để chấp nhận chúng, giống như một chàng trai hay cô gái trẻ sẽ chấp nhận một bó hoa sen hoặc hoa nhài trên đầu mình.[62]

Theo Luật tạng, đây là cách mà một giáo đoàn dành cho phụ nữ Phật giáo được thành lập vào thế kỷ thứ 5 trước Công nguyên, và được gọi là Bhikkhunī-saṅgha. Nếu chúng ta coi câu chuyện này là biểu tượng, cho chúng ta thấy mọi thứ đã phát triển như thế nào trong khoảng thời gian giữa ý tưởng ban đầu về việc thành lập một cộng

62. Luật tạng (Vinaya), tập II, trang 255–56.

đồng dành cho các Nữ tu và các tu tập, bất chấp một số khó khăn về văn hóa và xã hội.

LỜI TRI ÂN: Phần phụ lục này trích nguyên bản tiếng Anh từ cuốn "Buddhist Nuns: The Birth and Development of a Women's Monastic Order do Mohan Wijayaratna biên tập, xuất bản lần đầu tiên bởi Buddhist Publication Society, năm 2010.

Thich nữ Giới Hương chuyển Việt ngữ.

Tài liệu tham khảo: Wijayaratna, M. (Biên tập). (2010). Buddhist Nuns: The Birth and Development of a Women's Monastic Order. Kandy: Buddhist Publication Society. ISBN 978-955-24-0345-

vào ngày 15 tháng 07 năm 2023, Sư T.N. Giới Hương (áo nâu) và các Sư cô đệ tử đã dâng hoa sen lên bộ Tam tạng Pali được viết trên lá vào năm 29, tại chùa hang Alorka Vihara, Aluviharaya, Matale.

Ảnh Hưởng Của Phật Giáo Cho Nền Văn Hóa Sri Lanka

Hòa thượng Tiến Sĩ Walpola Sri Rahula

Phật giáo được du nhập vào Sri Lanka và được thiết lập tại đây vào thế kỷ thứ III trước Công nguyên do Thánh Tăng Mahinda, con trai của Asoka, vị Hoàng đế Phật giáo vĩ đại của Ấn Độ. Bản thân ngài Mahinda là một nhà sư Phật giáo, một vị A La Hán, một vị Thánh. vào thời điểm đó, hòn đảo Ceylon này đã đạt được mức độ phát triển tốt. Thủ đô Anuradhapura là một thành phố trung tâm chính. Chính quyền hành chính, cả cấp vùng, đều được thiết lập và phối hợp tốt. Kiến trúc đã đạt đến trình độ cũng khá tốt. Hệ thống thủy lợi phục vụ nông nghiệp được phát triển và tổ chức cao. Nhưng sự tiến bộ thực sự của Ceylon như một quốc gia và một đất nước chỉ bắt đầu sau khi Phật giáo được thiết lập tại đây.

Nếu chúng ta hiểu thuật ngữ "văn hóa" để chỉ tổng thể

các giá trị vật chất, tinh thần, trí tuệ, văn học và nghệ thuật do con người sáng tạo ra trong suốt chiều dài lịch sử, thì Phật giáo chắc chắn và trực tiếp có ảnh hưởng lớn đến nền văn hóa của Tích Lan trong suốt thời gian dài hơn 2000 năm.

Phật giáo chắc chắn đã ảnh hưởng đến Tích Lan ngay từ khi được thành lập tại hải đảo này, nhưng bắt đầu ảnh hưởng đến toàn bộ cuộc sống của người dân như một quốc gia một cách hiệu quả và rõ ràng là bắt đầu từ khoảng nửa sau thế kỷ thứ 2 trước Công nguyên. Trong thời gian đó, hoàng tử Chola Nam Ấn Độ tên là Elara, theo đạo Hindu, đã xâm lược đất nước, chiếm đóng Anuradhapura và cai trị phần phía bắc của Đảo trong hơn bốn mươi năm. Phía nam của hòn đảo vẫn còn độc lập. Một hoàng tử người Sinhalese từ Nam Tích Lan, tên là Dutugemunu (Duttha-gamani), đã tập hợp toàn bộ quốc gia xung quanh mình trong cuộc chiến giành độc lập dân tộc, chống lại kẻ xâm lược. Khẩu hiệu chiến tranh của hoàng tử là: "Không phải vì vương quốc, mà vì Phật giáo". Khẩu hiệu này có hiệu quả về mặt tâm lý đến nỗi ngay cả các vị sư bhikkhu (tu sĩ Phật giáo) cũng rời khỏi Giáo đoàn và tham gia quân đội giải phóng. Chiến đấu chống lại kẻ xâm lược nước ngoài để giành độc lập dân tộc đã trở thành một truyền thống Phật giáo đã được thiết lập vì tự do là điều cần thiết cho sự tiến bộ về mặt tinh thần cũng như vật chất của cộng đồng.

Đây là khởi đầu của chủ nghĩa dân tộc Sinhala thực sự, hay đúng hơn là chủ nghĩa dân tộc tôn giáo. Từ ngày đó trở đi, trong suốt lịch sử của Ceylon cho đến thời điểm hiện tại, Phật giáo đã chi phối đời sống quốc gia và chính trị của người dân một cách to lớn, khẩu hiệu của Dutugemunu, trong nhiều phiên bản hiện đại khác nhau, thậm chí vẫn được một số đảng phái chính trị ở Ceylon sử

dụng cho đến ngày nay, đặc biệt là trong các cuộc bầu cử Quốc hội.

Để hiểu được mức độ ảnh hưởng của Phật giáo đối với nền văn hóa Ceylon, chúng ta phải có một bức tranh rõ ràng về vai trò của chùa Phật giáo trong đất nước này. Những ngôi chùa và tu viện như vậy không chỉ là nơi thờ cúng và các nghi lễ tôn giáo mà còn là trung tâm học tập và văn hóa. Mỗi ngôi chùa Phật giáo, ngoài việc là nơi thờ cúng tôn giáo, còn có một trường học miễn phí và các bhikkhu sống trong chùa luôn là giảng sư. Các cơ sở tu viện lớn như Mahavihara và Abhayagiri tại Anuradhapura là những trường đại học như Nalanda Mahavihara ở Ấn Độ. Toàn bộ nền giáo dục nằm trong tay các sư sải bhikkhu. Các vị sư không chỉ dạy các môn học tôn giáo mà còn dạy cả các môn nhân văn và khoa học thế tục - ngôn ngữ, ngữ pháp, thơ ca, hùng biện, logic, lịch sử, y học, chiêm tinh học, kiến trúc, hội họa, điêu khắc, v.v. - mà mọi người từ hoàng gia giàu có đến nông dân nghèo hèn đều phải học. Ngay cả bệnh viện cũng được gắn liền với các cơ sở tu viện lớn này, không chỉ để điều trị bệnh tật mà còn để đào tạo bác sĩ.

Bất kể chương trình giảng dạy nào, nền tảng giáo dục đều là Phật giáo. Do đó, mọi học sinh đều được dạy các nguyên tắc cơ bản của Phật giáo; các giới luật và ý tưởng về đạo đức và luân lý như tôn trọng sự sống; yêu thương chúng sinh; lòng sùng kính và kính trọng cha mẹ và người lớn tuổi; bổn phận đối với gia đình, người thân và bạn bè; sống ngay chính; tự do tư tưởng, khoan dung, v.v. Ngôi chùa Phật giáo vẫn là trung tâm của cuộc sống làng quê, và vị Tỳ-kheo trong chùa là bạn, triết gia và người hướng dẫn của dân làng. Nhiều cuộc tranh chấp giữa dân làng

thậm chí hiện nay đã được giải quyết tại chùa thông qua sự can thiệp của ông. Các hội đoàn phát triển đạo đức, xã hội và nông thôn họp tại chùa.

Chúng ta không biết gì về bất kỳ tác phẩm văn học nào ở Ceylon trước khi Phật giáo du nhập vào hòn đảo này. Những sử liệu ghi chép sớm nhất về nó có niên đại vào khoảng thế kỷ thứ III hoặc thứ 2 trước Công nguyên: một số dòng chữ khắc ngắn, được khắc dưới các gờ nhỏ giọt của hang động nơi các nhà sư Phật giáo ở làm phòng ẩn tu, để tôn vinh tên của những thi chủ đã cúng dường những hang động đó cho Tăng già (Sangha).

Thánh Tăng Mahinda được tôn vinh là thánh tăng mang Phật giáo cùng một số kinh sách đến Ceylon. Sử ghi rằng thánh tăng đã viết các bài sớ giải bình luận về Tam tạng Pali (Pali Tipitaka) bằng tiếng Sinhala. Những sớ luận bằng tiếng Sinhala này đã tạo thành một nền văn học đồ sộ và đã được đại sư Phật Âm (Buddhaghosa) dịch sang tiếng Pali vào thế kỷ thứ 5. Những bản dịch này ngày nay được gọi là Bình luận bằng tiếng Pali. Rất tiếc, tất cả các sớ luận gốc bằng tiếng Sinhala đã biến mất - một mất mát không thể bù đắp đối với nền văn học Sinhala.

Hầu như tất cả các tác phẩm văn học đầu tiên hiện có (trừ các bản khắc chữ Sinhala) đều bằng tiếng Pali. Mười nhà thơ Sinhala vĩ đại sống vào khoảng thế kỷ thứ 6 được nhắc đến trong Biên niên sử, nhưng các tác phẩm của họ cũng đã không còn tồn tại. Tất cả các tác phẩm văn học Sinhala, cả văn xuôi và thơ, còn tồn tại cho đến ngày nay, đều được viết sau khoảng thế kỷ thứ 9. Ngoại trừ một số ít tác phẩm về các chủ đề thế tục như ngữ pháp, thi pháp, hùng biện, y học, tất cả các tác phẩm khác đều đề cập đến các chủ đề Phật giáo.

Trong toàn bộ nền văn học Phật giáo ở Ceylon, không có cuốn sách nào có ảnh hưởng lớn đến người dân như Các chuyện Tiền Thân của Đức Thế Tôn (Jataka). Đây là tập hợp 550 câu chuyện về những kiếp trước của Đức Phật. Những câu chuyện thú vị - một số dưới dạng ngụ ngôn - dạy những bài học đạo đức đơn giản và lẽ thường tình thực tế. Chúng thường được các Tăng Ni sử dụng làm minh họa trong các bài giảng vào những ngày lễ (poya). Tập truyện này đã truyền cảm hứng cho các nhà thơ và nghệ sĩ qua nhiều thời đại, không chỉ ở Ceylon mà còn ở tất cả các quốc gia Phật giáo khác. Nhiều bài thơ cổ điển của người Sinhala mượn chủ đề từ những câu chuyện Jataka. Các bức tranh tường (bích họa) trong các chùa Phật giáo chủ yếu mô tả một số cảnh phổ biến từ những câu chuyện này. Ngay cả các nhà văn, nhà thơ và nghệ sĩ hiện đại ở Ceylon cũng chịu ơn đáng kể từ truyền thống chuyện Jataka này.

Cũng chính do ảnh hưởng của Phật giáo mà Ceylon sở hữu một lịch sử liên tục và không bị gián đoạn của hòn đảo này từ thời kỳ đầu cho đến thời kỳ hiện đại. Các nhà sư bhikkhu từ thời kỳ đầu đã có tập tục lưu giữ hồ sơ lịch sử về các sự kiện quan trọng của tôn giáo, như được chứng minh trong các văn bản Vinaya (Bộ luật dành cho các Tăng Ni Phật giáo) và các Chú giải. Theo truyền thống Phật giáo này, bộ Biên niên sử vĩ đại Mahāvaṃsa của Đảo Ceylon, được một nhà sư Phật giáo tên là Mahanama biên soạn vào thế kỷ thứ 5. Biên niên sử này đã được các nhà sư Phật giáo tiếp tục biên soạn cho đến thế kỷ hiện tại ở các thời kỳ khác nhau.

Tác phẩm *Mahāvaṃsa* vĩ đại này, được viết bằng thơ Pali tao nhã, gần như là một sử thi được tô điểm bằng

cách diễn đạt và hình ảnh thơ mộng. Hơn cả lịch sử của Ceylon, hơn cả lịch sử của Phật giáo, đó là lịch sử của người Sinhala theo đạo Phật. Chính cuốn sử này đã truyền cảm hứng cho chủ nghĩa dân tộc Phật giáo và gắn kết Phật giáo và chủng tộc Sinhala một cách không thể tách rời. Những câu chuyện của *Mahāvaṃsa* đã tường thuật con đường giác ngộ và ngày cả có những những bức tranh và tác phẩm điêu khắc trong các đền chùa Vihara Phật giáo. Từ các chủ đề của *Mahāvaṃsa*, những vở kịch mới đã được viết và sáng tác, xuất bản để đánh thức lòng yêu nước, chủ nghĩa dân tộc và lòng sùng kính đối với Phật giáo. Giống như truyện Tiền Thân Jataka, sử Mahāvaṃsa đã tạo ra ảnh hưởng to lớn đến người Sinhala.

Có một sự thật trái ngược hiện tại, Phật giáo không chỉ là một tôn giáo, mà còn là toàn bộ nền văn hóa, toàn bộ nền văn minh. Người ta đều biết rằng nghệ thuật và kiến trúc đã lan truyền và phát triển cùng với Phật giáo không chỉ ở Ấn Độ mà còn ở các quốc gia như Ceylon, Miến Điện, Thái Lan, Cam-pu-chia, Java, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và khu vực Tây Tạng.

Các văn bản và chú giải của Luật tạng cho thấy rằng có những Tỳ-kheo đã vẽ tranh ngay cả vào thời Đức Phật. Ở Tích Lan, các nhà sư Phật giáo được ca ngợi vì hội họa và điêu khắc của các ngài. vào thế kỷ thứ 5, một bức tượng Đức Phật tinh xảo, tác phẩm của một Tỳ-kheo Sinhala tên là Nanda, đã được chính sư tặng cho Hoàng đế và phái đoàn Trung Quốc khi họ đến thăm hải đảo Ceylon. Bức tượng này được xem là một tác phẩm nghệ thuật độc đáo. Ở một khoảng cách nhất định, người ta có thể nhìn thấy các đặc điểm trên khuôn mặt của bức tượng được mô tả rõ ràng, nhưng khi đến gần hơn, chúng dần dần mờ đi và

biến mất. Người ta nói rằng nhiều nghệ sĩ được các vị vua và những người giàu có từ các quốc gia khác nhau cử đến đã cố gắng sao chép bức tượng này, nhưng họ không bao giờ thành công trong việc tạo ra bất kỳ thứ gì giống với bản gốc của Nanda.

Ngay cả vào thế kỷ 18, khi nền văn hóa Phật giáo ở Ceylon đang suy thoái, những bức tranh nổi tiếng ở Degaldoruva và Ridivihara, được các nhà phê bình nghệ thuật nổi tiếng đánh giá cao, đều được thực hiện bởi các nhà sư dưới sự giám sát của Moratota Mahanayaka Thera ở Kandy.

Các nhà sư Phật giáo luôn quan tâm đến việc làm cho Vihara của họ trở nên hấp dẫn và truyền cảm hứng. Do đó, họ đã cẩn thận trang trí chúng đẹp mắt bằng tranh vẽ và tác phẩm điêu khắc mô tả các cảnh trong cuộc đời của Đức Phật, các câu chuyện Jataka và thậm chí một số sự kiện lịch sử từ Mahāvaṃsa. Một mặt, chúng đóng vai trò là phòng trưng bày nghệ thuật cung cấp sự thỏa mãn thẩm mỹ cho mọi người, và mặt khác giống như những bài giảng, chúng truyền cảm hứng cho các tín đồ bằng những ý tưởng đạo đức và luân lý cùng những cảm xúc và tình cảm cao quý.

Ngoài những bức tranh và tác phẩm điêu khắc tôn giáo này, Viharas và Dagabas hay Stupas (ví dụ, kantaka-cetiya tại Mihintale) luôn được trang trí bằng nghệ thuật trang trí với nhiều hình thức đa dạng trong mọi giai đoạn lịch sử cho đến ngày nay.

Ngoại trừ một vài ví dụ riêng lẻ về nghệ thuật thế tục như những bức tranh nổi tiếng tại Sigiriya, hầu như tất cả các bức tranh và tác phẩm điêu khắc thời cổ đại và trung cổ ở Ceylon đều liên quan đến Phật giáo hoặc lịch sử Phật

giáo. Sinhara, nghệ sĩ Sinhala truyền thống, được đào tạo, rèn luyện và hình thành trong chùa Phật giáo. Do đó, tác phẩm của ông, bất kể chủ đề là gì, về cơ bản đều chịu ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo. Ngay cả nghệ sĩ Sinhala hiện đại cũng không thoát khỏi ảnh hưởng này.

Ảnh hưởng của Phật giáo đối với nền văn hóa Ceylon tiếp tục từ thế kỷ thứ III trước Công nguyên đã bị gián đoạn nghiêm trọng, đặc biệt là ở một số vùng của hòn đảo, bởi các cuộc xâm lược của nước ngoài từ đầu thế kỷ XVI. vào thời điểm đó, đất nước đã bị chia cắt và suy yếu do xung đột nội bộ. Người Bồ Đào Nha chiếm đóng một số vùng ven biển của hòn đảo từ đầu thế kỷ XVI trong khoảng 150 năm, cực kỳ không khoan dung và phản đối chống lại Phật giáo. Họ đã cải đạo những người theo đạo Phật Sinhala ở các tỉnh ven biển đó sang Công giáo bằng mọi cách, tàn ác và không tàn bạo. Phật giáo, văn hóa Phật giáo, phong tục và truyền thống quốc gia đã bị đàn áp. Tên của những người theo đạo Phật Sinhala đã được thay thế bằng tên của những người theo đạo Công giáo Bồ Đào Nha. Không có người theo đạo Phật nào được trao bất kỳ vị trí quan trọng nào trong đất nước. Ngay cả bằng chứng của một người theo đạo Phật tại tòa án cũng không được chấp nhận.

Vào giữa thế kỷ 17, với sự giúp đỡ của vua Phật giáo Sinhala, người Hà Lan đã đánh đuổi người Bồ Đào Nha và chiếm đóng các tỉnh ven biển trong khoảng 138 năm. Người Hà Lan cũng tiếp tục chính sách đàn áp Phật giáo và văn hóa Phật giáo quốc gia.

Vào cuối thế kỷ 18 (năm 1796), người Anh đã đánh đuổi người Hà Lan và chiếm đóng các vùng ven biển. Đến năm 1815, họ chiếm đóng toàn bộ hòn đảo. (Nhân

tiện, người Anh là thế lực nước ngoài đầu tiên và duy nhất chiếm đóng toàn bộ Ceylon trong suốt lịch sử lâu dài kéo dài 25 thế kỷ của quốc gia này). Người Anh cũng theo chính sách của người Bồ Đào Nha và người Hà Lan trong việc đàn áp Phật giáo và văn hóa Phật giáo Sinhala, nhưng tinh vi và có tính lật đổ hơn nhiều.

Vì vậy, trong khoảng thời gian gần bốn thế kỷ rưỡi, ba cường quốc châu Âu—Bồ Đào Nha, Hà Lan và Anh—đã cố gắng phá hủy, làm suy yếu và phá hoại Phật giáo và văn hóa Phật giáo Sinhala và đưa Kitô giáo, giáo dục Kitô giáo và các truyền thống vào. Ở một mức độ đáng kể, họ đã thành công trong nỗ lực của mình, đặc biệt là ở các vùng ven biển và khu vực thành thị.

Bất chấp mọi sự đàn áp, cản trở và cản trở ghê gớm này, Phật giáo, văn hóa Phật giáo, truyền thống và thể chế quốc gia bằng cách nào đó vẫn tồn tại, duy trì và tồn tại với rất nhiều khó khăn, đặc biệt là ở các vùng nông thôn và tỉnh lẻ bên trong hòn đảo, chủ yếu là nhờ lòng dũng cảm, quyết tâm, sự cống hiến và nỗ lực không ngừng của các nhà sư Phật giáo.

Năm 1880, Đại tá H.S. Olcott, một nhà Thông Thiên Học người Mỹ, đã đến Ceylon, theo Phật giáo và bắt đầu một chiến dịch mạnh mẽ để phục hồi Phật giáo, giáo dục và văn hóa Phật giáo. Với sự giúp đỡ của các nhà sư Phật giáo hàng đầu vào thời điểm đó như Hikkaduwe Sri Sumangala, Battaramulle Sri Subhuti, Migettuwatte Gunananda, Koratota Sobhita, v.v., ông đã thành lập Hội Thông Thiên Học Phật giáo và mở hàng trăm trường học Phật giáo trên khắp đất nước. Hòa thượng Anagarika Dharmapala, nhà lãnh đạo quốc gia vĩ đại và nhà truyền giáo Phật giáo của Ceylon, một sản phẩm của phong trào

này, không chỉ tiếp tục công việc này trên đảo mà còn mang nó đến Ấn Độ và các quốc gia khác ở Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ.

Năm 1948, Ceylon giành được độc lập chính trị. Kể từ đó, đã có một sự thức tỉnh toàn quốc rộng rãi và sự hồi sinh lớn lao của Phật giáo và văn hóa Phật giáo. Nhiều hội và tổ chức Phật giáo lớn nhỏ vì sự phát triển xã hội và văn hóa đã được thành lập trên khắp hòn đảo. Hàng trăm Daham pasal (trường tôn giáo đặc biệt để dạy Phật giáo và văn hóa Phật giáo cho trẻ em) đã được thành lập. Các truyền thống, thể chế và phong tục quốc gia và Phật giáo từng bị khinh thường và bỏ qua đã được phục hồi và khuyến khích. Phật giáo một lần nữa đang có ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội, chính trị và văn hóa của người dân Ceylon.

LỜI TRI ÂN: Phụ lục này bao gồm nội dung, được trích từ nguyên bản tiếng Anh "Glimpses of Sri Lankan Buddhism" của D.C. Ahir, lần đầu tiên được xuất bản bởi Sri Satguru Publications vào năm 2000. Tôi biết ơn vì đã khám phá chi tiết về ảnh hưởng của Phật giáo đối với nền văn hóa Sri Lanka trong tác phẩm này, điều này đã đóng góp đáng kể vào sự phát triển của cuốn sách này.

Thich nữ Giới Hương chuyển Việt ngữ.

Tài liệu tham khảo: Ahir, D.C. (2000). Glimpses of Sri Lankan Buddhism. Delhi, Ấn Độ: Sri Satguru Publications, một bộ phận của Trung tâm Sách Ấn Độ. ISBN 81-7030-663-9.

Ni sư T.N. Giới Hương và phái đoàn mười sư cô chùa Hương Sen chụp hình với Hòa thượng Godamunne Pannakitthi Maha Thero, Viện trưởng Trường Cao Đẳng Nigrodha Khetta Maha, Kandy, Srilanka và Hòa thượng Tiến Sĩ K. Siri Sumedha Thero vào ngày 15/07/2023

Sự Phục Hồi Của Cộng Đồng Tỳ Kheo Ni Ở Sri Lanka

D. Amarasiri Weeraratne

Ngày 8 tháng 12 năm 1996 là một ngày trọng đại trong biên niên sử của Phật giáo Nguyên thủy. Hòa thượng Mapalagama Wipulasara Maha Thero, Chủ tịch Hội Đại Bồ Đề (Maha Bodhi), Ấn Độ, và trường học Parama Dhamma Chetiya Pirivena, Ratmalana, đã hợp tác với Hội đồng Tăng già Thế giới và Tổ chức Phụ nữ Phật giáo Quốc tế Sakyadhita tổ chức một buổi truyền giới Tỳ-kheo-ni đầy màu sắc mang tính lịch sử. Buổi lễ bao gồm sự phục hồi của Ni giới Phật giáo đã bị đứt đoạn trong Phật giáo Nguyên thủy.

Theo sử liệu Phật giáo Nguyên thủy, Giáo đoàn Tỳ-kheo-ni được giới thiệu ra ngoài biên giới Ấn Độ là Sri Lanka. Giáo đoàn này đã phát triển thịnh vượng ở đó trong khoảng 1200 năm và cuối cùng đã tan rã khi cố đô

Polonnaruwa, Ceylon, sụp đổ trước những kẻ xâm lược Cholian vào khoảng năm 1018 sau Công nguyên. Sau đó, Giáo đoàn Tỳ-kheo-ni đã bị tan rã và không thể phục hồi cho đến khi Đức Phật Di Lặc xuất hiện trong một kiếp tương lai. Do đó, kể từ thời điểm đó cho đến khi người Anh chinh phục hòn đảo này vào năm 1815, phụ nữ Sinhalese đã mất quyền xuất gia và sống cuộc sống thánh thiện của một Nữ tu như Đức Phật đã ủng hộ.

Tu viện đầu tiên

Trong thời kỳ thuộc địa, cư sĩ Anagarika Dharmapala là người tiên phong trong phong trào phục hưng Phật giáo. Trong số các chương trình làm việc của ông để phục hưng Phật giáo từ trạng thái gần như biến mất là sự phục hưng của Dòng tu Ni giới. Ông đã mở Tu viện đầu tiên ở Sri Lanka hiện đại vào năm 1897. Ông đã truyền giới cho một số phụ nữ châu Âu và một số phụ nữ địa phương xuất gia sống trong tu viện của mình tại Darley Lane, Colombo, nơi ông đặt tên là Sanghamitaramaya. Hai năm sau, Dharmapala rời đi Ấn Độ để cống hiến phần đời còn lại của mình cho công việc truyền giáo Phật giáo tại đó. Tu viện của ông đã bị đóng cửa. Tuy nhiên, công việc của ông đã được Catherine de Alwis tiếp tục, bà đã đến Miến Điện và được thọ giới tại đó với pháp danh là Sudharmachari. [63]

Nửa đường

Sư cô Sudharmachari thành lập Dòng Nữ tu trẻ gọi là Dasa Sil Matas vào năm 1903 (ở chùa giữ Mười giới). Tu

63 Tạp chí Maha Bodhi, tháng 7-12 năm 1996, trang 53-55. https://www.mahabodhi.moe.edu.sg/about-mbs/History/

viện chính của sư cô đặt tại Katukelle, Kandy. Sư cô tập hợp các ni cô học trò xung quanh mình, và khi số lượng sư nữ tăng lên, các chi nhánh ni viện đã được mở tại các vùng xa. Nhiều nhà từ thiện đã hiến đất cho các ni viện. Các nhà lãnh đạo Phật giáo địa phương đã thành lập các hiệp hội để duy trì các ni viện và cung cấp nhu yếu phẩm cho các ni cô.

Nhưng một hệ thống phân cấp Tăng già (Sangha) theo chủ nghĩa nam quyền với truyền thống phong kiến, đẳng cấp và chống nữ quyền của họ đã không công nhận họ là Sa-di-ni (Sāmaṇeri) mười giới (Dasa Sila Matha). Dasa Sila Mathas được xem là khoảng giữa Tỳ-kheo-ni và nữ cư sĩ Phật tử— một sự đổi mới trong hình thức tứ chúng cụ thể là Tỳ-kheo (bhikkhu), tỳ-kheo-ni (bhikkhuni), nam và nữ cư sĩ đã được Đức Phật công nhận.

Tuy nhiên, những người phụ nữ xuất gia Sinhalese phải bằng lòng với vị trí Dasa Sila Matha này vì theo họ, giữ ít, còn hơn không được giới nào. Tuy nhiên, những nhà nữ quyền Sinhalese và các nhà lãnh đạo Phật giáo đã tham dự lễ khánh thành các ni viện chính ở Colombo và các ni viện xa xôi khác đã nói rằng, “Mong rằng việc khánh thành ni viện này sẽ dẫn đến việc khôi phục lại Bhikkhuni Sasana ở Sri Lanka. Các nhà sư thời đó đã tham dự lễ khánh thành và ban phước lành. Không có biểu hiện nào của sự không khoan dung hoặc đối kháng, có thể là vì trong thời kỳ thuộc địa, họ không có ảnh hưởng chính trị.

Bước đầu tiên

Ở Sri Lanka, lúc đó may mắn có một số trí thức tiến bộ trong Tăng đoàn ủng hộ ý tưởng khôi phục lại Giáo đoàn Tỳ-kheo-ni. Họ coi đó là quyền được Đức Phật ban cho

phụ nữ và hoàn toàn phù hợp với lời kêu gọi của Đức Phật đối với nhân loại là buông xả trần tục và thực hành Bát Chánh Đạo để đạt đến Niết bàn.

Năm 1952, Hòa thượng Narawala Dhammaratana Thero đã dẫn đầu một phái đoàn Phật giáo đến tham dự Hội nghị Hòa bình ở Bắc Kinh, Trung Quốc. Trong thời gian ở đó, nhân cơ hội này, ngài đã đến thăm các Ni viện Phật giáo và nghiên cứu về Giáo đoàn Tỳ-kheo-ni tại đó. Sau khi trở về Sri Lanka, ngài đã viết một cuốn sách "Tương lai của Lanka nằm ở chủ nghĩa Marx hay Phật giáo?", trong đó ngài ủng hộ việc phục hưng Giáo đoàn Tỳ-kheo-ni tại Sri Lanka với sự giúp đỡ của các Ni trưởng Trung Quốc. Ngài tuyên bố rằng Dasa Sil Matas nên được thăng cấp lên hàng Tỳ-kheo-ni cụ túc giới. Không chỉ vậy, ngài còn bắt đầu mở các lớp học cho các Nữ tu Dasa Sil Matas tại ngôi chùa của mình ở Narawala, để dạy các Nữ tu về Pháp (Dhamma) và luật (Vinaya) để Ni giới phù hợp với địa vị Tỳ-kheo-ni. Nhưng tiếc thay, trước khi có thể hoàn thành chương trình chi nguyện của mình, thì tử thần đã cướp đi mạng sống của ngài. Những người kế nhiệm ngài có những mối quan tâm và ưu tiên khác, vì nên này đành bị để sang một bên.

Một Bước Khác

Hòa thượng Hedipannala Pannaloka Thero là một nhà sư uyên bác với những ý tưởng tiến bộ. Ngài xem trọng những lời dạy về tình thương với tất cả mọi người (Kinh Từ Bi – Karuna Sutta) và chủ nghĩa bình đẳng (Samantamata) trong Phật giáo. Hòa thượng đã tự mình nghĩ ra một chương trình làm việc để giáo dục và đào tạo một nhóm Nữ tu Dasa Sil Mata tại trường Vidyalankara

Pirivena - một trong hai Chủng viện Phật giáo hàng đầu tại Colombo. Trước khi có thể hoàn thành chương trình làm việc của mình, ngài cũng viên tịch. Phật sự Tỳ-kheo-ni của ngài cũng bị dỡ dang đình trệ.

Sau đó, Hòa thượng Henpitagedera Gnanaseeha Nayaka Maha Thera, một trong những nhà sư tài giỏi và được kính trọng nhất vào những năm 1950 đã tiếp tục công việc mà những người tiên phong trước đó để lại. Ngài đã đến thăm Trung Quốc và rất ấn tượng với Ni đoàn Bhikkhuni Sasana ở đó, nơi trước đây đã được các Nữ tu Sinhalese từ Anuradhapura thành lập vào năm 429. Ngài đã bắt đầu mở các lớp học và khóa đào tạo cho các Nữ tu Dasa Sil Matas để nâng cao trình độ của họ về giáo pháp (Dhamma) và giới luật (Vinaya). Ngài đã nghĩ đến việc phục hồi Giáo đoàn Bhikkhuni tại đây. Trước khi ngài có thể hoàn thành chương trình làm việc của mình, ngài đã qua đời một cách bất ngờ. Một trong những nhà sư huynh đệ của ngài sau đó đã tiếp tục công việc, đó là Thượng tọa Henpitagedera Piyananda Thero. Thượng tọa cũng qua đời trước khi hoàn thành chí nguyện. Chủ đề của việc phục hồi Giáo đoàn Bhikkhuni lại là ngọn lửa treo trước gió.

Ông J.R. Jayawardena trở thành Tổng thống Sri Lanka vào năm 1977. Trong những ngày trước khi giành được độc lập, ông cùng với các nhà lãnh đạo Phật giáo khác đã liên kết với việc mở và điều hành Ni viện Biyagama ở ngoại ô Colombo. Ông đã cử một phái đoàn Phật giáo đến Trung Quốc do Bộ trưởng E.I.B. Hurulle dẫn đầu để nghiên cứu về Giáo đoàn Tỳ-kheo-ni Trung Quốc và báo cáo về tính khả thi của việc khôi phục Giáo đoàn Tỳ-kheo-ni tại Sri Lanka với sự hỗ trợ của Trung Quốc. Những người theo chủ nghĩa mù quáng, những kẻ theo chủ nghĩa

nghiên về nam giới và những người chống nữ quyền đã lên tiếng phản đối. Họ đã đưa ra lời đồn về Đại thừa rằng Phật giáo Nguyên thủy thuần túy mà chúng ta đã kiên trì sẽ bị ô nhiễm bởi những tà giáo Đại thừa". Kết quả là báo cáo của phái đoàn đã bị bưng bít và bị chôn dưới tấm thảm. Sau đó, đất nước rơi vào tình trạng hỗn loạn và vô chính phủ do chủ nghĩa khủng bố của J.V.P.. Không ai biết điều gì đã xảy ra với những khuyến nghị của phái đoàn hoặc báo cáo hiện ở đâu.

Phục hồi Giáo đoàn Tỳ-kheo-ni

Hội nghị Sakyadhita của Phụ nữ Phật giáo Quốc tế tại phiên họp khai mạc ở Boddhagaya, Ấn độ, năm 1992 và phiên họp Colombo năm 1994 đã kêu gọi phục hồi Giáo đoàn Tỳ-kheo-ni tại các vùng đất Theravāda. Do đó, có thể thấy rằng đã có một phong trào phục hồi trong các nhóm Phật giáo tiến bộ kể từ thời kỳ thuộc địa.

Do đó, có thể thấy rằng Thượng tọa Mapalagama Wipulasara Maha Thera cùng với Hội Maha Bodhi và Hội đồng Thế giới đã hoàn thành nguyện vọng ấp ủ của những người theo chủ nghĩa nữ quyền và tiến bộ Phật giáo. Quyền của phụ nữ là một phần của nhân quyền và tiến bộ. Liên hợp quốc và được các nước thành viên chấp nhận. Chúng ta không thể quay lại với quyền từ bỏ và sống cuộc sống thánh thiện của một Tỳ-kheo-ni, như Đức Phật đã truyền giới cách đây hơn 2540 năm. Ngài đã nỗ lực xóa bỏ chế độ đẳng cấp và chống nữ quyền trong xã hội Ấn Độ. Sau khi ngài viên tịch, một số thế lực phản động đã trỗi dậy do những người phục hưng Ấn Độ giáo dẫn đầu như Sankarachaya, Appar, Sundarar, Tirugnana Sambanthan, v.v. Các hoạt động của họ cùng với sự tàn phá của những

kẻ xâm lược Hồi giáo đã đẩy Phật giáo ra khỏi Ấn Độ. Chế độ đẳng cấp và chống nữ quyền đã xâm nhập vào Phật giáo Sinhalese sau thời kỳ cố đô Polonnaruwa khi xã hội chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Nam Ấn Độ và trở thành một phần Dravidian hóa về văn hóa và tôn giáo. Từ đó trở đi, Phật giáo Sinhalese đã trở thành sự pha trộn giữa Phật giáo và Ấn Độ giáo. Việc nói về việc bảo tồn "Phật giáo Nguyên thủy thuần túy" là vô nghĩa. Đã đến lúc chúng ta phải loại bỏ chủ nghĩa đẳng cấp và chủ nghĩa bài nữ quyền, hai cột mốc quanh cổ chúng ta. Một bước quan trọng theo hướng đó sẽ là việc khôi phục Bhikkhuni Sasana.

Sự phản đối đã được xóa bỏ

Trong một chương trình truyền hình phát sóng vào ngày 22.9.97, Thượng tọa M. Wipulasara Maha Thero cùng với ba giáo sư đại học—các chuyên gia về Phật pháp đã giải thích về ý nghĩa và giá trị của các lễ truyền giới. Họ đã xóa bỏ những quan niệm sai lầm và sự phản đối do những người theo chủ nghĩa tối tăm đưa ra, những người rao bán ma quỷ Đại thừa. Những cảnh tượng ấn tượng từ lễ truyền giới đã được trình chiếu trên chương trình truyền hình. Chúng sẽ còn đọng lại trong ký ức của người xem trong một thời gian dài. [64]

64 Revival of the Bhikkhuni Order in Sri Lanka by D. Amarasiri Weeraratne
https://www.buddhanet.net/nunorder.htm

Báo Cáo Đặc Biệt: Tòa Án Tối Cao Ra Phán Quyết Quan Trọng, Khẳng Định Quyền Bình Đẳng Cho Các Tỳ Kheo Ni Phật Giáo Ở Sri Lanka

Bản tin của Craig C Lewis, Buddhistdoor Global
Ngày 18/6/2025

Người dịch: Nguyên Giác

Trong một phán quyết mang tính bước ngoặt khẳng định sự bình đẳng cho các vị ni tu theo truyền thống Phật giáo Theravada (Trưởng Lão Bộ), Tòa án Tối cao Sri Lanka hôm thứ Hai đã ra phán lệnh rằng Ni sư Welimada Dhammadinna phải được cấp Thẻ căn cước quốc gia công nhận tư cách là một nữ tu sĩ đã thọ giới đầy đủ, thay vì là một sil matha (tiếng Sinhala: "mẹ giới" -

precept mother) - một nữ xuất sĩ anagarika, người rời bỏ đời sống gia đình để sống đời tu học, còn mặc áo trắng, chỉ thọ 8 hoặc 10 giới nhưng chưa được thọ giới đầy đủ.

Tòa án Tối cao phán quyết rằng một nữ tu Phật giáo đã thọ giới đầy đủ phải được chính thức công nhận là một tỳ kheo ni—lần đầu tiên tòa án tối cao của Sri Lanka phán quyết rằng nhà nước có nghĩa vụ theo hiến pháp phải đối xử với một tỳ kheo ni ngang bằng như với một tỳ kheo.

Ni đoàn: Sakyadhita in Sri Lanka
(https://www.sakyadhita-srilanka.org/)

Dòng truyền thừa bhikkhuni của Sri Lanka đã sụp đổ trong cuộc xâm lược của Saivite Chola vào năm 1017 dương lịch. Với việc mất đi quyền thọ giới đầy đủ, phụ nữ muốn thực hiện cam kết thực hành Phật giáo nghiêm túc chỉ có thể trở thành *sil mathas*. Mặc dù dòng truyền thừa bhikkhuni đã được tái lập ở Sri Lanka hiện nay, nhưng vẫn chưa được các tổ chức tu viện thống trị của Sri Lanka chính thức công nhận. Nhiều vị ni đã thọ giới đầy đủ phải đối mặt với những trở ngại về mặt hành chính, bao gồm cả những khó khăn trong việc xin thẻ căn cước công nhận họ là bhikkhuni, phản ánh sự

do dự của các tổ chức trong việc tái hòa nhập hoàn toàn quý ni sư vào hệ thống cấp bậc tu viện Theravada, mặc dù việc thọ giới của quý ni sư là hợp pháp.

Dòng ni bộ Theravada được phục hồi từ năm 1996, khi 11 phụ nữ Sri Lanka được thọ giới cụ túc tại Sarnath, Ấn Độ, nhờ vào những nỗ lực của Hiệp hội Sakyadhita International Association of Buddhist Women, tổ chức hàng đầu thế giới cam kết chuyển đổi cuộc sống của phụ nữ trong các xã hội Phật giáo. Ngày nay, có hơn 4.000 tỳ kheo ni ở Sri Lanka.

Tòa án tối cao Sri Lanka (Srilankamirror.com)

Trong phán quyết mang tính lịch sử vào ngày 16/6/2025, Tòa án tối cao Sri Lanka đã ra phán lệnh cho Tổng ủy viên Sở Đăng ký Cá nhân, trực thuộc Bộ Nội vụ, cấp Thẻ căn cước quốc gia cho Ni sư Welimada Dhammadinna—không phải là với tư cách một sil matha, mà theo danh hiệu chính đáng của một Tỳ kheo ni (bhikkhuni).

Chánh án Tối cao Murdu Fernando và Thẩm phán Tối cao Gamini Amarasekera nhận thấy rằng việc bộ này từ chối sử dụng danh hiệu "tỳ kheo ni" mặc dù Tỳ kheo ni Welimada Dhammadinna đã thọ giới đầy đủ theo Giáo đoàn Rangiri Dambulla Chapter là hành vi đối xử bất bình đẳng dựa trên giới tính. (**Lời người dịch**: Rangiri Dambulu Buddhist Chapter có thể hiểu là: Giáo đoàn Phật giáo Rangiri Dambulu, một tăng thân gắn liền với chùa hang Dambulla.)

"Hiển nhiên là nếu người nộp đơn đầu tiên (tỳ kheo ni) là nam giới, đương đơn sẽ không gặp phải những khó khăn này", theo Thẩm phán Tối cao Amarasekera nhận xét. "Đương đơn đã bị từ chối công nhận là một tỳ kheo ni, mặc dù đã được Giáo đoàn Phật giáo Rangiri Dambulu mà đương đơn thuộc về, một giáo đoàn được chính phủ công nhận, công nhận như vậy. Do đó, rõ ràng là các quyền của đương đơn theo Điều 12(1) của Hiến pháp đã bị vi phạm bởi các hành động và hành vi của cơ quan trả lời đầu tiên".

Đáp ứng tin này, International Network of Engaged Buddhists (INEB: Mạng lưới Phật tử Dấn thân Quốc tế), vốn từ lâu đã đấu tranh cho bình đẳng giới và quyền tự do tôn giáo trọn vẹn cho các nữ tu sĩ, đã ca ngợi phán quyết này và những tác động sâu sắc của nó đối với tăng đoàn Phật giáo nói chung.

"INEB xin gửi lời chúc mừng chân thành đến Ni bộ tỳ kheo ni Sri Lanka về phán quyết lịch sử của Tòa án Tối cao khẳng định quyền của chư ni đối với thẻ căn cước quốc gia mang danh hiệu tỳ kheo ni hợp pháp. Quyết định mang tính bước ngoặt này không chỉ là sự công nhận cần có từ lâu đối với phẩm giá và địa vị của họ như những tu sĩ đã thọ giới đầy đủ, mà còn là một cột mốc quan trọng đối với tất cả

các tỳ kheo ni trên toàn thế giới, những người vẫn tiếp tục tìm kiếm công lý, bình đẳng và hòa nhập vào đời sống tôn giáo", INEB cho biết trong một tuyên bố công khai ngày 18 tháng 6 và được chia sẻ với trang báo BDG.

"Phán quyết can đảm này gửi đi một thông điệp mạnh mẽ: rằng cam kết về mặt tinh thần và sự lãnh đạo đạo đức xứng đáng được công nhận và tôn trọng—bất kể giới tính. Nó khẳng định nguyên tắc cơ bản rằng không ai nên bị loại khỏi vị trí chính đáng của họ trong xã hội hoặc Tăng đoàn dựa trên các tiêu chuẩn lỗi thời hoặc các diễn giải phân biệt đối xử."

International Network of Engaged Buddhists

Statement of Congratulations and Solidarity

on the Supreme Court Ruling Recognizing Sri Lankan Bhikkhunis

INEB extends our heartfelt congratulations to the Sri Lankan Bhikkhuni Sangha on the historic Supreme Court ruling affirming their right to a national identity card bearing the rightful title of *Bhikkhuni*. This landmark decision is not only a long-overdue recognition of their dignity and status as fully ordained monastics, but also a significant milestone for all Bhikkhunis around the world who continue to seek justice, equality, and inclusion in religious life.

This courageous ruling sends a powerful message: that spiritual commitment and ethical leadership deserve recognition and respect—regardless of gender. It affirms the fundamental principle that no one should be excluded from their rightful place in society or the Sangha based on outdated norms or discriminatory interpretations.

We also express our deep appreciation to all those who have stood in solidarity with the Bhikkhunis, raised their voices in support, and worked tirelessly to advance this movement. In particular, we honor the many allies in Sri Lanka: human rights advocates, supportive members of Parliament, committed legal and civil society actors, Bhikkhus, and—above all—the Bhikkhunis themselves, whose courage and perseverance made this historic victory possible.

As an organization that has long supported the rights and religious freedom of female monastics, INEB is deeply encouraged by this development. We remain dedicated to this cause and hope that this breakthrough will inspire similar progress in other Theravāda Buddhist countries.

May this be the beginning of greater inclusion, recognition, and spiritual renewal for all.

With deep respect and solidarity,

The International Network of Engaged Buddhists (INEB)

18 June 2025

Hình: INEB

Con đường phục hồi việc thọ giới tỳ kheo ni ở Sri Lanka không hề bằng phẳng. Mặc dù có nguồn gốc từ những lời dạy đầu tiên của Đức Phật, các phụ nữ thọ giới đã phải đối mặt với sự phản kháng cố hữu của các định chế và guồng máy quan liêu. Đặc biệt, các giới chức tu viện Phật giáo truyền thống của Sri Lanka đã miễn cưỡng công nhận chính thức việc thọ giới cho nữ giới. Do đó, truyền thống sil matha (nữ tu áo trắng) vẫn tiếp tục đóng vai trò là con đường được chấp nhận nhiều nhất đối với những người phụ nữ tìm kiếm một cuộc sống tâm linh thâm sâu.

Phán quyết của tòa án tuần này đại diện cho sự khôi phục sự công nhận ở cấp nhà nước đối với giáo đoàn tỳ kheo ni Sri Lanka và khẳng định tính hợp pháp của việc truyền giới tỳ kheo ni và vị trí chính đáng của các ni sư trong tứ chúng do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni quy định: tỳ kheo, tỳ kheo ni, nam cư sĩ và nữ cư sĩ.

Ngoài quyền tự do về mặt tinh thần, thẻ căn cước ở Sri Lanka cũng là một phần thiết yếu trong cuộc sống hàng ngày, cần thiết cho mọi hoạt động chính thức: bỏ phiếu, mở tài khoản ngân hàng, xin hộ chiếu, thi cử, và v.v.

Cô Anchalee Kurutach, Điều phối viên của Peace Project and Women's Program (Dự án Hòa bình và Chương trình Phụ nữ) của INEB, người đã viết tuyên bố của INEB, đã chia sẻ quan điểm cá nhân của cô về tin này, lưu ý rằng: "Trong ba năm qua, tôi đã có vinh dự được làm việc chặt chẽ với các nhà lãnh đạo tu viện, và tôi đã chứng kiến tận mắt cách các nữ tu sĩ phải liên tục chứng minh bản thân và giá trị của họ—thường là trong khi vẫn giữ thái độ khiêm tốn. Tôi coi họ không chỉ là những người tiên phong, mà còn là những chiến binh tâm linh thực sự.

"Cần phải có lòng can đảm vô cùng để trở thành một tỳ kheo ni. Quý ni sư này làm việc chăm chỉ, thực hành và học tập siêng năng, và tuân theo Giới luật Vinaya với kỷ luật và sự chính trực đặc biệt. Họ đã bước vào cuộc sống tu viện với sự cam kết trọn vẹn—không phải trong vài ngày hay vài tháng, mà là cho hành trình dài. Họ đang đi ngược lại với dòng chính, lựa chọn một con đường đòi hỏi sức mạnh nội tâm và niềm tin sâu sắc.

"Chỉ riêng lòng can đảm và sự cam kết đó thôi cũng đủ khiến tôi cúi đầu trước quý ni sư với sự tôn kính cao nhất."

Phật giáo là quốc giáo của Sri Lanka, nơi giành được độc lập từ sự cai trị của Anh vào năm 1948, với 70,2 phần trăm dân số tự nhận là Phật tử Theravada, theo dữ liệu điều tra dân số năm 2012. Người theo đạo Hindu chiếm 12,6 phần trăm dân số Sri Lanka, trong khi người Hồi giáo chiếm 9,7 phần trăm, người theo đạo Thiên chúa chiếm 7,4 phần trăm và những người khác chiếm 0,05 phần trăm. Là quốc giáo, Phật giáo nhận được các đặc quyền theo hiến pháp của Sri Lanka, mặc dù hiến pháp cũng quy định quyền tự do tôn giáo và quyền bình đẳng cho tất cả công dân.

SOURCE:

Special Report: Landmark Supreme Court Ruling Affirms Equal Rights for Buddhist Bhikkhunis in Sri Lanka (Buddhistdoor Global)

https://www.buddhistdoor.net/news/special-report-landmark-supreme-court-ruling-affirms-equal-rights-for-buddhist-bhikkhunis-in-sri-lanka/

Ni sư T.N. Giới Hương và phái đoàn mười Sư cô chùa Hương Sen hành hương chiêm bái Bảo tháp Ruvanwali Maha Chethiya, Anuradhapura, ngày 12 tháng 7 năm 2023.

.

Sách Tham Khảo

- Amunugama, Sarath. The lion's roar: Anagarika Dharmapala and the making of modern Buddhism. Oxford University Press, 2019.
- Baba, Norihisa. 2022. "Buddhaghosa." Oxford Research Encyclopedia of Religion, October. https://doi.org/10.1093/acrefore/9780199340378.013.557.
- De Silva, Chandra R. "The Education of Buddhist Monks in Sri Lanka: A Historical Review and Some Suggestions for Reform." Sri Lanka Journal of the Humanities 42, no. 1-2 (2019): 1.
- De Silva, Chandra R. 2019. "The Education of Buddhist Monks in Sri Lanka: A Historical Review and Some Suggestions for Reform." Sri Lanka Journal of the Humanities 42 (1-2): 1. https://doi.org/10.4038/sljh.v42i1-2.7253.
- Dharmadasa, K. N. O. "Buddhist resurgence and Christian privilege in Sri Lanka, C. 1940-1965." In Ethnic Conflict in Buddhist Societies, pp. 110-125. Routledge, 2019.
- Gamage, David T., and Prasad Setunga. "Developments in the Sri Lankan system of education: Third century BC to the twenty-first century AD." In Handbook of Asian Education, pp. 403-424. Routledge, 2010.

- Gamage, Siri. "A Buddhist approach to Knowledge construction and education in Sri Lanka (Ceylon) in the context of Colonisation and Southern Theory." (2016).
- Harischandra, Brahmachari Walisinha. The sacred city of Anuradhapura. The Author, 1908.
- Keerthirathne, W. K. D. "A Study On Evolution Of Pirivena As An Educational Institute From Past To The Present In The History Of Traditional Education In Sri Lanka." International Journal of Humanities and Social Science Invention (IJHSSI) 9 (2020): 41-45.
- Kemper, Steven. 1984. "The Buddhist Monkhood, the Law, and the State in Colonial Sri Lanka." Comparative Studies in Society and History 26 (3): 401–27. https://doi.org/10.1017/s0010417500011063.
- Lavoie, Jeffrey D. The theosophical society: the history of a Spiritualist Movement. Universal-Publishers, 2012.
- Mahāvaṃsa. Chatta Sangayana CD Rom, Dharmagiri, Vipassana Research Institute, 1997.
- "Monasticism in Sri Lanka." n.d. Obo. https://www.oxfordbibliographies.com/display/document/obo-9780195393521/obo-9780195393521-0021.xml.
- Obeyesekere, G. (1976). "The impact of the British Orientalist discourse on Buddhism." In R. Frykenberg (Ed.), Modern Education and the Revival of Buddhism in India. Delhi: Motilal Banarsidass.
- Oldenberg, Hermann. ed., The Dipavamsa: An Ancient Buddhist Historical Record,

- Peiris, G. Hubert and Arasaratnam, . Sinnappah. “Sri Lanka.” Encyclopedia Britannica, July 10, 2024. https://www.britannica.com/place/Sri-Lanka.
- Ruberu, Ranjit. “Missionary education in Ceylon.” In Educational Policy and the Mission Schools, pp. 73-114. Routledge, 2013.
- Saram, P. A. (1977). Buddhism and society in modern Sri Lanka. International Social Science Journal, 29(2).
- Somananda, Ven. “An introduction to Buddhist Thoughts and Institutions in Sri Lanka.” (2021)
- Williams and Norgate, London, 1879.
- Sacred Island – A Buddhist Pilgrim’s Guide to Sri Lanka. Ven. S. Dhammika 2008. Champika Printers.

  http://www.buddhanet.net/sacred-island/

  http://www.buddhanet.net/sacred-island/introduction.html
- Phật giáo tại Sri Lanka, Piyadassi Manhāthera, Phạm Kim Khánh dịch.

  https://www.vomonthientu.org/a356/14-phat-giao-tai-sri-lanka-
- The Essence Guide to Custom & Culture, Culture Smart – Sri Lanka. Emma Boyle. 2016.
- Sri Lanka. Lonely Planet. 2018.
- Buddhism in Sri Lanka: A Short History, by H.R. Perera, 2007

  https://www.accesstoinsight.org/lib/authors/perera/wheel100.html#sect-47
- Sri Pada: Buddhism Most Sacred Mountain, A Pilgrim

Guide, by Venerable S Dhammika http://www.buddhanet.net/e-learning/buddhistworld/sri-pada.htm

- Critical Studies on the Early History of Buddhism in Sri Lanka. Professor Dhammavihari Thera. Buddhist Cultural Centre: Deliwala. 2003.
- Walking in the Sunsine of the Bhikkhnis – A Biography of Ranjani de Silva – The Women behind the Bikkhuni Revival. Bhikkhuni Suvira. Buddhist Cultural Centre: Deliwala. 2021.
- Buddhist Ceremonies and Rituals of Sri Lanka. A.G.S. Kariyawasam. The Wheel Publication. 1995.
- The Ancient Maha Vihara Tradition and Malwatu-Asgiri Viharas. Ven Dr. K. Sri Pemaloka. 2008.
- Braving- The Unknown Summit – Autobiography of Ven. Bhikkhuni Dr. Kolonnawe Kusuma. Akna Publishers.2012.
- The Journey of Women Going Forth into the Bhikkhuni Order in Sri Lanka
- Reflections from the 14th Sakyadhita International Conference: Nurturing the Theravada Bhikkhuni Sangha
- Bhikkhunis in Sri Lanka and the West
- Buddhism Culture & Sri Lnaka Pilgrim's Guide. Ven. Narada, G.P. Malalasekara, Ven. K. Wimalajothi. Buddhist Cultural Centre: Deliwala. 2012, 2013, 2014.
- Some Traditional Festivals of Sri Lanka. Rohana R. Wasala. S. Godage & Brothers (Pvt) Ltd.2013.
- Ceremonies Festivals and Rituals of the Sinhalese: An Anthropological Approach. Chandrasiri Palliyaguru.

Sarasavi Publishers. 2019.2022.

- Reviving the Bhikkhuni Sangha in Indonesia: an Interview with Ayya Santini
- The 2,600th Anniversary of the Global Bhikkhuni Sangha and Fourfold Sangha of the Buddha
- Commemoration of the 270th Anniversary of Establishment of Siyam Nikaya. Lanka Kumar.2023.
- The Buddhist Stance on Theravada Women's Issues: A Conversation on Gender Equality and Ethics with Ajahn Brahmali
- Sri Lanka Chinese. Ven. Professor Nedalagamuwe Dhammadinna. Department of Modern Languages. University of Kelaniya. Samayawardhana Book Shop (Pvt) Ltd.2018.
- C. W. Nicholas, Historical Topography Of Ancient and Medieval Ceylon, Colombo, 1963.
- Buddhistdoor View: New Theravada Bhikkhuni Ordinations a Cause for Joy
- K. A. Nilakanta Sastri, Foreign Notices of South India, Madras, 1939. W. Skeen, Adam's Peak, Colombo, 1870.
- H. Yule, Cathay and the Way Thither, Vols I-IV, 1913-16.
- Asala Perahara: Powers of the Buddha Relic in Si Lanka. Theravāda Traditions – Buddhist Ritual Cultures in Contemporary Southwest Asia and Sri Lanka. John Clifford Holt. University of Hawai'i Press, Honolulu. 2017.
- Biên niên sử về Hải Đảo (Dīpavamsa - the Chronicle

of the Island of Ceylon). Bimala Churn Law. Salman Press, 1959.

- Characteristics of Buddhist Pilgrimages in Sri Lanka. Robert H. Stoddard. University of Nebraska – Lincoln. 1988.

  (https://digitalcommons.unl.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1032&context=geographyfacpub)
- Buddhism in Sinhalese Society 1750-1900. Kitsiri Malalgoda.
- The Sri Lanka Reader. 2011.
- The Buddhist Revival in Sri Lanka – Religious Tradition, Reinterpretation and Response George D. Bond – University of South Carolina Press, Columbia, South Carolina. 1988.
- Island of Light – Buddhism in Sri Lanka – A concise History and Guide to its Sacred SitesT Y Lee – foreword by Ven. P. Gnanarama Ph.D. Singapore: KepMeadia International Pte Ltd. 2010.
- Phật Giáo Tích Lan. Trần Quang Thuận. Nhà xuất bản: NXB Tôn Giáo https://nhasachvanhanh.com/shop/nghien-cuu-khao-luan/phat-giao-tich-lan
- View from the Audience: Looking Back on the 15th Sakyadhita Conference in Hong Kong
- Tu viện, Tháp Phật ở Tích Lan:
- http://www.phatgiaohue.vn/news.aspx?KenhID=68&ChuDeID=0&TinTucID=1233
- Sự Phục Hưng Phật Giáo Tại Tích Lan - Nguyên Tác Đức Ngữ: Ernst Benz. - Chuyển Ngữ: H.t. Thích Trí Chơn

https://thuvienhoasen.org/a14635/su-phuc-hung-phat-giao-tai-tich-lan-nguyen-tac-duc-ngu-ernst-benz-chuyen-ngu-h-t-thich-tri-chon

- Phật giáo tại SRI LANKA. Piyadassi Manhāthera, Phạm Kim Khánh dịch, https://www.vomonthientu.org/a356/14-phat-giao-tai-sri-lanka
- Phật Giáo và Thánh Tích Sri Lanka, Thích Nữ Giới Hương, NXB Tôn Giáo. 2024.

  https://huongsentemple.com/index.php/vn/kinh-sach/tu-sach-bao-anh-lac/8707-sri-lanka

TỦ SÁCH BẢO ANH LẠC

do Ni Sư Tiến Sĩ T.N. Giới Hương biên soạn

1. *Boddhisattva and Sunyata in the Early and Developed Buddhist Traditions,* Bhikṣuṇī Gioi Huong, Delhi-7: Eastern Book Linkers, 1st print 2004. Tái bản 2nd reprint 2005 & Vietnam Buddhist University: HCM City: 3rd reprint.
2. *Bồ-tát và Tánh Không Trong Kinh Tạng Pali và Đại Thừa*, Thích Nữ Giới Hương, Delhi-7: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2005. Tái bản lần 2 & 3, NXB Tổng Hợp Tp HCM, 2008 & 2010.
3. *Ban Mai Xứ Ấn* (3 tập) – *Tuyển tập các Tiểu Luận Phật Giáo*, Thích Nữ Giới Hương, Delhi-7: 2005 và 2006. Nhà Xuất Bản Văn Hóa Sài Gòn, 2008.
4. *Sārnātha - Vườn Nai – Chiếc Nôi Phật Giáo*, Thích Nữ Giới Hương, Delhi-7: 2005 và 2006. NXB Phương Đông, 2008 & 2010.
5. *Xá Lợi Của Đức Phật*, Tham Weng Yew, Thích Nữ Giới Hương chuyển ngữ, Delhi-7: 2005 và 2006. Tái bản lần 3, NXB Tổng Hợp Tp HCM, 2008.
6. *Quy Y Tam Bảo và Năm Giới*, Thích Nữ Giới Hương, Wisconsin, USA, 2008. Tái bản NXB Hồng Đức, năm 2010 & 2016.
7. *Vòng Luân Hồi*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Phương

Đông, 2008, 2010, 2014 và lần thứ 4, 2016.

8. *Hoa Tuyết Milwaukee,* Thích Nữ Giới Hương, NXB Văn Hoá Sài gòn, 2008.
9. *Luân Hồi trong Lăng Kính Lăng Nghiêm,* Thích Nữ Giới Hương, NXB Văn Hóa Sài gòn, 2008, 2012, 2014 và lần thứ 4, 2016.
10. *Quan Âm Quảng Trần*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Tổng Hợp, 2010, 2012, 2014 và lần thứ 4, 2016. NXB Hồng Đức, 2018.
11. *Sen Nở Nơi Chốn Tử Tù,* nhiều tác giả, Thích Nữ Giới Hương chuyển ngữ, NXB Văn Hóa Sài gòn, 2010, 2012 và 2014.
12. *Nữ Tu và Tù Nhân Hoa Kỳ,* (2 tập), Thích Nữ Giới Hương, NXB Văn Hóa Sài gòn, 2010, 2011, 2014 và lần thứ 4, 2016. NXB Hồng Đức, 2018.
13. *Nếp Sống Tỉnh Thức của Đức Đạt Lai Lạt Ma Thứ XIV:* (2 tập), Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, năm 2012, 2014, và 2016.
14. *A-Hàm: Mưa pháp chuyển hóa phiền não*, (2 tập), Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, năm 2012, 2014, và lần thứ 3, 2016.
15. *Góp Từng Hạt Nắng Perris*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2014.
16. *Pháp Ngữ của Kinh Kim Cang*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2014. Tái bản lần thứ 2 & 3: 2015 & 2016.
17. *Tập Thơ Nhạc Nắng Lăng Nghiêm*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2014.
18. *Rebirth Views in the Śūraṅgama Sūtra,* Dr. Bhikṣuṇī

TN Giới Hương, Fifth Edition, NXB Hồng Đức, 2018.

19. *Commentary of Avalokiteśvara Bodhisattva,* Dr. Bhikṣuṇī TN Giới Hương, Fourth Edition, NXB Hồng Đức, 2018.
20. *Nét Bút Bên Song Cửa,* Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2018.
21. *Danh Ngôn Nuôi Dưỡng Nhân Cách - Good Words Nurture a Good Manner,* Thích Nữ Giới Hương sưu tầm, NXB Hồng Đức, 2020.
22. *Hương Sen, Thơ và Nhạc -Lotus Fragrance, Poem and Music* (Song ngữ Anh-Việt), Nguyễn Hiền Đức. Chuyển Anh Ngữ: Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2020.
23. *Cách Chuẩn Bị Chết và Giúp Người Sắp Chết-Quan Điểm Phật Giáo* (*Preparing for Death and Helping the Dying – A Buddhist Perspective*), Sangye Khadro, Chuyển Việt Ngữ: Thích Nữ Giới Hương, tái bản lần 5, NXB Hồng Đức, 2024.
24. *The Key Words in Vajracchedikā Sūtra*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức Publishing, 2020.
25. 32.*Văn Hóa Đặc Sắc của Nước Nhật Bản-Exploring the Unique Culture of Japan* (Song ngữ Anh-Việt), Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2020.
26. *Take Refuge in the Three Gems and Keep the Five Precepts,* Thích Nữ Giới Hương, Hồng Đức Publishing, 2020.
27. *Sống An Lạc dù Đời không Đẹp như Mơ-Live Peacefully though Life is not Beautiful as a Dream* (Song ngữ Anh-Việt), Thích Nữ Giới Hương, NXB

Hồng Đức, 2020.

28. *Sārnātha —The Cradle of Buddhism from an Archeological Perspective,* Thích Nữ Giới Hương, Hồng Đức Publishing, 2020.
29. *Hãy Nói Lời Yêu Thương-Words of Love and Understanding* (Song ngữ Anh-Việt)*,* Thích Nữ Giới Hương, Hồng Đức Publishing, 2020.
30. *Văn Hóa Cổ Kim qua Hành Hương Chiêm Bái -The Ancient- Present Culture in Pilgrim* (Song ngữ Anh-Việt), Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2020
31. *Cycle of Life*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2020.
32. *Nghệ Thuật Biết Sống-Art of Living* (Song ngữ Anh-Việt), Thích Nữ Giới Hương, Hồng Đức Publishing, 2020.
33. *Ni Giới Việt Nam Hoằng Pháp tại Hoa Kỳ*, Thích Nữ Giới Hương, Hồng Đức Publishing, 2020.
34. *Sharing the Dharma -Vietnamese Buddhist Nuns in the United States*, Thích Nữ Giới Hương, Hồng Đức Publishing, 2020.
35. *Tập Thơ Nhạc Lối Về Sen Nở,* Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2020.
36. *Hương Đạo Trong Đời 2022* (Tuyển tập 60 Bài Thi trong Cuộc Thi Viết Văn Ứng Dụng Phật Pháp 2022 - A Collection of Writings on the Practicing of Buddhism in Daily Life in the Writing Contest 2022), Thích Nữ Giới Hương biên soạn, NXB Hồng Đức, 2022.
37. *Hương Pháp 2022 (*Tuyển Tập Các Bài Thi Trúng Giải Cuộc Thi Viết Văn Ứng Dụng Phật Pháp 2022 - A

Collection of the Winning Writings on the Practicing of Buddhism in Daily Life in the Writing Contest 2022) Thích Nữ Giới Hương biên soạn, NXB Hồng Đức, 2022.

38. *The Ceremony for Peace,* Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
39. *The Lunch Offering Ritual,* Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
40. *The Ritual Offering Food to Hungry Ghosts,* Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
41. *The Pureland Course of Amitabha Sutra,* Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
42. *The Medicine Buddha Sutra,* Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
43. *The New Year Ceremony*, Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
44. *The Great Parinirvana Day,* Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
45. *The Buddha's Birthday Ceremony*, Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
46. *The Ullambana Festival (Parents' Day),* Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
47. *The Marriage Ceremony*, Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
48. *The Blessing Ceremony for The Deceased*, Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức,

2023.

49. *The Ceremony of Praising Ancestral Masters*, Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed. Hương Sen Publisher. 2023.
50. *The Enlightened Buddha Ceremony*, Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
51. *The Uposatha Ceremony (Reciting Precepts*), Bhikṣuṇī Thích Nữ Giới Hương composed, NXB Hồng Đức, 2023.
52. *Giới Hương - Thơm Ngược Gió Ngàn,* Nguyên Hà, NXB Tôn Giáo. 2023.
53. *Pháp Ngữ Kinh Hoa Nghiêm* (2 tập). Thích Nữ Giới Hương, NXB Tôn Giáo, 2023.
54. *Tinh Hoa Kinh Hoa Nghiêm*. Thích Nữ Giới Hương, NXB Tôn Giáo, 2023.
55. *Buddhism: A Historical And Practical Vision,* Edited by Ven. Dr. Thich Hanh Chanh and Ven. Dr. Bhikṣuṇī TN Gioi Huong, Tôn Giáo Publishing, 2023.
56. *Phật Giáo – Tầm Nhìn Lịch Sử Và Thực Hành,* Hiệu đính: Thích Hạnh Chánh và Thích Nữ Giới Hương, NXB Tôn Giáo, 2023.
57. *Contribution of Buddhism For World Peace & Social Harmony*. Buddhist Studies Seminar in Kolkata, India. Edited by Ven. Dr. Buddha Priya Mahathero and Ven. Dr. Bhikṣuṇī TN Gioi Huong, Tôn Giáo Publishing, 2023.
58. *Global Spread of Buddhism with Special Reference to Sri Lanka*. Buddhist Studies Seminar in Kandy University. Edited by Dr. Ven. Kahawatte Siri Sumedha Thero and

Dr. Bhikṣuṇī TN Gioi Huong, Hồng Đức Publishing House, 2023.

59. *Buddhism In Sri Lanka During The Period of 19th to 21st Centuries*. Buddhist Studies Seminar in Colombo. Edited by Prof. Ven. Medagama Nandawansa and Dr. Bhikṣuṇī TN Gioi Huong, Hồng Đức Publishing House, 2023.
60. *Nhật ký Hành Thiền Vipassana và Kinh Tứ Niệm Xứ* - Thích Nữ Giới Hương, NXB Tôn Giáo, 2024.
61. *Diary: Practicing Vipassana and the Four Foundations of Mindfulness Sutta*. Thích Nữ Giới Hương, Tôn Giáo Publishing, 2024.
62. *Dharamshala - Hành Hương Vùng Đất Thiêng, Ấn Độ, Dharamshala - Pilgrimage to the Sacred Land, India. Thích Nữ Giới Hương,* Tôn Giáo Publishing, 2024.
63. *Nghi cúng Thánh Tổ Kiều Đàm Di,* Thích Nữ Giới Hương biên soạn, NXB Tôn Giáo, 2024.
64. *Kỷ Yếu Lễ Tưởng Niệm Thánh Tổ Kiều Đàm Di tại Chùa Hương Sen năm 2024,* Thích Nữ Giới Hương biên soạn, NXB Tôn Giáo, 2024.
65. *Phật Giáo và Thánh Tích Sri Lanka*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Tôn Giáo, 2024.
66. Đấu Tranh Bất Bạo Động Là Nền Tảng Xây Dựng Hòa Bình Toàn Cầu (Bài thuyết trình cho Hội Nghị Thượng đỉnh về các Vấn đề Nhân đạo, An ninh Y tế và Hòa bình Toàn cầu ngày 26-31 tháng 8 năm 2024 tại Missouri, Hoa Kỳ), Thích Nữ Giới Hương, NXB Tôn Giáo, 2024.
67. *Nonviolent Struggle - The Foundation for Building Global Peace* (Presentation at the Humanitarian Affairs Health Security and Global Peace Summit August 26-31, 2024, Missouri, USA). Dr. Bhikṣuṇī TN Gioi Huong, Ton Giao Publishing, 2024.

68. *The Great Contribution to World Peace and Social Harmony of Emperor Ashoka and Emperor Trần Nhân Tông* - Sự Đóng Góp cho Hòa Bình Thế Giới và An Toàn Xã Hội của Hoàng Đế A-Dục và Vua Trần Nhân Tông, Dr. Bhikṣuṇī TN Gioi Huong, Ton Giao Publishing, 2025.

69. *COVID-19: Vai trò Phật Giáo trong Việc Chữa Lành*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2025.

70. *Đại Dịch Coronavirus trong Thế Kỷ XXI*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2025.

71. *A Buddhist Nun and American Inmates.* Bhikṣuṇī T.N. Giới Hương. Hong Duc Publishing, 2025.

72. *Đóng góp của Phật Giáo cho Hòa Bình Thế Giới và Hòa Hợp Xã Hội*, Hòa thượng Tiến Sĩ Buddha Priya Mahathero & Ni sư Tiến Sĩ TN Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2025.

73. *Phật Giáo Sri Lanka từ Thế Kỷ 19-21*, Hòa thượng Giáo sư Medagama Nandawansa, Ni sư Tiến Sĩ TN Giới Hương, NXB Tôn Giáo, 2025.

74. *Phật Giáo Sri Lanka từ Thế Kỷ 19-21*, Hòa thượng Giáo sư Medagama Nandawansa, Ni sư Tiến Sĩ TN Giới Hương, NXB Tôn Giáo, 2025.

75. *Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 – Tri Ân Người Khai Trí*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức, 2025.

76. *Phật Giáo Sri Lanka từ Thế Kỷ 19-21*, Hòa thượng Giáo sư Medagama Nandawansa, Ni sư Tiến Sĩ TN Giới Hương, NXB Tôn Giáo, 2025.

ĐĨA CA NHẠC PHẬT GIÁO CHÙA HƯƠNG SEN

1. *Đào Xuân Lộng Ý Kinh*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nam Hưng, Album 1, năm 2013.
2. *Niềm Tin Tam Bảo*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Hoàng Y Vũ & Hoàng Quang Huế, Album 2, năm 2013.
3. *Trăng Tròn Nghìn Năm Đón Chờ Ai*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Võ Tá Hân, Hoàng Y Vũ, Khánh Hải, Khánh Hoàng, Hoàng Kim Anh, Linh Phương và Nguyễn Tuấn, Album 3, năm 2013.
4. *Ánh Trăng Phật Pháp*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Uy Thi Ca & Giác An, Album 4, năm 2013.
5. *Bình Minh Tỉnh Thức* (*Piano Variations for Meditation*), Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Độc Tấu Dương Cầm và Hòa Tấu: Nữ Nhạc Sĩ Linh Phương, Album 5, năm 2013.
6. *Tiếng Hát Già Lam*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nam Hưng, Album 6, năm 2015.
7. *Cảnh Đẹp Chùa Xưa*, Nhạc: Hoàng Quang Huế, Hoàng Y Vũ, Võ Tá Hân & Khánh Hải, Album 7, năm 2015.
8. *Karaoke Hoa Ưu Đàm Đã Nở*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nam Hưng, Album 8, năm 2015.
9. *Hương Sen Ca*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nam Hưng, Album 9, năm 2018.
10. *Về Chùa Vui Tu*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nguyên Hà & Nam Hưng, Album 10, năm 2018.

11. *Gọi Nắng Xuân Về*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nam Hưng, Album 11, năm 2020.
12. *Đệ Tử Phật*. Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Uy Thi Ca & Giác An, Album 12, năm 2023.
13. *Hoa Pháp Cú*. Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nam Hưng, Album 13, năm 2024.
14. *Vu Lan B*áo Hiếu. Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Uy Thi Ca, Album 14, năm 2024.
15. *Nương Bóng Từ Quang*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương và Thích Nữ Viên Nhuận, Nhạc: Nguyên Hà, Album 15, năm 2025.

Mời xem: http://www.huongsentemple.com/index.php/kinh-sach/tu-sach-bao-anh-lac

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi, phường Cửa Nam, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

LỊCH SỬ GIÁO DỤC PHẬT GIÁO Ở SRI LANKA
SỰ PHỤC HỒI CỦA NI ĐOÀN TỲ-KHEO-NI
Tác giả: Thích Nữ Giới Hương

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc **PHẠM THỊ MAI**
Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập **LÝ BÁ TOÀN**
Biên tập: **Phan Thị Ngọc Minh**
Sửa bản in: TKN Nhuận Ân
Trình bày: Vũ Đình Trọng

Đối tác liên kết:
PHẠM THỊ NGỌC DUNG
120/2 đường Phạm Văn Sáng, ấp 2, xã Bà Điểm, TP.HCM

In 1.000 cuốn, khổ 15cmx22cm tại TNHH SXTM DV in ấn Trâm Anh, 159/57 Bạch Đằng, P. Tân Sơn Hòa, TP.HCM.
Số XNĐKXB: 2980-2025/CXBIPH/51-108/HĐ, ngày 06 tháng 08, 2025
Số QĐXB của NXB: 429/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 04 tháng 09, 2025.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2025.
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) 978-632-01-0173-3